

MIHAIL SADOVEANU

QUÁN TRỢ ANCUTA

PHƯƠNG THẢO DỊCH



PHÁT HÀNH TẠI HÀ NỘI



Nhà văn **MIHAIL SADOVEANU**

(1860 - 1961)

Nhà văn nổi tiếng của Rumani,

Là tác giả của hơn 100 tác phẩm
văn chương xuất sắc



MIHAIL SADOVEANU

QUẢN TRỢ ANCUTA

Phương Thảo dịch

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Sadoveanu, Mihail

Quán trọ Ancuța / Mihail Sadoveanu ; Phương Thảo dịch. - H. : Kim Đồng, 2017. -
136tr. : tranh vẽ ; 19cm. - (Văn học Rumani. Tác phẩm chọn lọc)

ISBN 9786042097789

1. Văn học hiện đại 2. Tiểu thuyết 3. Rumani

891.4973 - dc23

KDH1222p-CIP

Dịch theo bản tiếng Pháp **Ancuta's Inn**

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm dịch
giữa Chủ sở hữu và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2015
Bản quyền ảnh, bìa, minh họa thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng, 2017

Vẽ bìa: **Nguyễn Ngọc Quân**
Trình bày bìa: **Nguyễn Kim Điệp**

LỜI NÓI ĐẦU

Mihail Sadoveanu là nhà văn nổi tiếng của Rumani. Ông để lại hơn 100 tác phẩm văn chương xuất sắc, làm vẻ vang cho nền văn học Rumani. Sadoveanu sinh ngày 5 tháng 11 năm 1880 tại Paşcani, thuộc vùng Moldova của Rumani và tạ thế ngày 19 tháng 10 năm 1961 tại thủ đô Bucarest.

Cuộc đời 81 năm của ông là cuộc đời sáng tạo văn chương miệt mài từ thuở thiếu niên cho đến tận những năm tháng cuối cùng. Tác phẩm của ông bao gồm tiểu thuyết, truyện ngắn và các bài báo với nhiều chủ đề, đã thật sự chinh phục độc giả từ thập niên này đến thập niên khác. Cùng với nhà thơ Eminescu và nhà soạn kịch Ion Luca Caragiale, ông được giới văn chương Rumani và các nhà bình luận văn học quốc tế đánh giá là một nhà văn vĩ đại vào bậc nhất của Rumani.

Trong thể loại tiểu thuyết thì Mihail Sadoveanu là bậc thầy về tiểu thuyết lịch sử và tiểu thuyết phiêu lưu. Các

sáng tác cho thấy nhà văn đã kết hợp tài tình và nhuần nhuyễn tính thiên nhiên, tính lịch sử và mang đậm dấu ấn đặc sắc của vùng Moldova quê hương ông.

Ông là một trong những người sáng lập Hội Nhà văn Rumani và sau này trở thành Chủ tịch Hội Liên hiệp Nhà văn Rumani, đồng thời là thành viên của Viện Hàn lâm Rumani từ năm 1921. Những tác phẩm của ông đã nhận được nhiều giải thưởng quốc tế.

Xin giới thiệu với độc giả một trong những tiểu thuyết dã sử của Mihail Sadoveanu - *Quán trọ Ancuța*, một tác phẩm được nhiều độc giả yêu thích và đã được dựng thành một bộ phim hấp dẫn cùng tên.

Người dịch

LỜI TỰA

Quán trọ Ancuța không phải hình tượng hư cấu, mà là một quán trọ có thật, thậm chí còn rất nổi tiếng vào thế kỷ trước. Cách đây vài chục năm, người ta vẫn trông thấy các bức tường đổ nát của nó, nhưng về sau, những người thừa kế cuối cùng đã chia những viên gạch của quán để xây thành hai trang trại nhỏ cách nhau không xa. Ngày nay người ta còn thấy chúng trên quốc lộ đi từ xã Cornu-Luncii đến thành phố Roman bên sông Moldova. Cách đó một quãng có con đường nhỏ tách khỏi quốc lộ, dẫn đến cây cầu ở Tupilati, và làng Războieni nổi tiếng nhờ trận chiến đấu chống quân Thổ của Ștefan Đại đế năm 1476. Nhưng Ancuța không phải là quán trọ duy nhất ở Moldova. Khách bộ hành ngày xưa thường bắt gặp các nhà trọ như thế ở hầu hết các trạm dừng chân. Đến giờ, người ta vẫn trông thấy dấu tích của chúng trên khắp đất nước.

Phần quan trọng nhất của quán trọ Ancuța là cái hầm rượu. Nó vẫn nguyên xi như trước, nhưng bây giờ hoang vắng như đang ngủ vùi giữa hào quang của quá vãng. Chỉ có cảnh sông quyến rũ là còn giữ được toàn bộ sức sống mạnh khỏe của mình, với những con suối lấp loáng chảy qua các đồng cỏ, những khu rừng trải dài đến tận các rặng núi xa mờ, những đồng lúa mì chín vàng, và các ruộng ngô ngút ngàn xanh thẫm một màu. Dù vật đổi sao dời, nhưng các thế hệ con cháu vẫn đang được hưởng chính vầng mặt trời của thời xưa cũ.

Cái quán trọ nơi ông cha chúng ta dừng chân khi xưa ấy đã chứng kiến vô số biến cố lạ thường. Nếu mẹ tôi không trải qua những năm tháng thơ ấu ở vùng đất ấy - bên bờ kia sông Moldova, tại ngôi làng Verșeni nghèo khó, nếu thỉnh thoảng tôi không được cùng mẹ từ Pașcani về thăm ông bà ngoại, và nếu tôi không được nghe mẹ kể các câu chuyện xưa, thì tất cả những buồn đau, say mê, ngược đãi, hằn thù của ngày cũ sẽ mãi rơi vào lãng quên, bị đào sâu chôn chặt. Nhưng mẹ tôi lại là người có tài kể chuyện, đến nay kí ức về giọng trầm ấm của mẹ vẫn khiến tôi run lên xúc động.

Quán trọ Ancuța, tập sách nhỏ tôi viết hẳn vẫn gợi nên một miền kí ức cho những ai từng có dịp ngắm phong cảnh bất diệt tôi vừa tả ở trên, khơi dậy những giọng cười, tiếng khóc từng vang lên lúc xưa tại nơi này, cái góc nhỏ trên con đường cái lớn gần thành phố Roman. Khi người sống còn nhớ đến những ai không

còn trên cõi đời nữa, thì người chết vẫn chưa lìa khỏi cuộc sống hiện tại.

Hơn nữa, những độc giả thuộc thế hệ dân cày lớn lên trên những vùng đất ấy sau cuộc cách mạng ở miền Đông có lẽ sẽ hiểu rõ hơn những đổi thay hiện thời sau khi đọc các câu chuyện xưa và nhớ lại quá khứ. Trên cái nền đen tối của thế kỉ trước, mặt trời công lí và tự do mọc lên vì những con người cần lao của xứ sở chúng ta sẽ chiếu sáng càng thêm rực rỡ.

Mihail Sadoveanu

CON NGỰA CẢI CỦA QUỐC VƯƠNG

Tại quán trọ Ancuța, tôi được nghe kể nhiều chuyện rất hay vào một mùa thu vàng óng. Nhưng vào thuở xa xưa cách đây lâu lắm, năm có những cơn mưa như thác đổ vào ngày Lễ Thánh Elijah, người ta khẳng định có tháp thoáng nhìn thấy một con rồng đen trong những đám mây, ngay trên dòng sông Moldova đang dâng nước dữ dội. Và họ thấy những con chim lạ bay lên rộn rịp, nương theo cánh bão mà bay về hướng mặt trời mọc. Bố già Leonte liền tra cứu sách chiêm tinh, chứng minh rằng những con chim trắng như tuyết kia bị lạc đàn từ những hải đảo xa xôi bay đến. Ấy là điềm báo sắp có chiến tranh giữa các vua chúa và một vụ nhọ bội thu.

Thế mà chuyện xảy ra đúng như vậy, và Bạch Đế

(Imparatul-Alb) quả có cho quân đẹp bọn tà giáo. Và để lời tiên đoán được trọn vẹn, Chúa cho các vườn nho ở vùng Hạ Moldova được trĩu quả. Nho nhiều đến mức các gia chủ làm rượu xong không biết đổ vào đâu cho hết. Những bác đánh xe mặc sức đến chỗ chúng tôi để chở rượu ngon lên miền núi bán. Bấy giờ cũng là lúc có nhiều cuộc chè chén vui vẻ và những câu chuyện thú vị ở quán trọ Ancuța.

Các đoàn xe chở hàng nối đuôi nhau không ngớt, còn tiếng đàn hát của đám dân Digan chẳng lúc nào ngừng. Khi ai đó đổ gục vì rượu hay mệt nhọc thì lại xuất hiện một người khác tươi tỉnh từ một góc nào đó bước ra thế chỗ.

Các bình vò rượu vỡ nhiều vô số kể, đến mức suốt hai năm trời, các bà các cô đi chợ Roman hễ qua quán trọ là lại làm dầu thánh. Bên những bếp lửa đỏ rực, những con người từng được xem là bậc thầy nấu nướng quay trên than hồng những đùi cừu, đùi bê, hoặc nướng những con cá chày, cá chép bắt ở sông Moldova.

Trong khi đó cô chủ quán Ancuța trẻ trung, thừa hưởng từ người mẹ quá cố vẻ hóm hỉnh và đôi lông mày đẹp, cứ lảng xảng chạy từ chỗ này sang chỗ kia như một cô bé con tinh nghịch, với đôi má ửng hồng, vạt áo hoa giắt vào thắt lưng, tay áo xắn cao, vui vẻ

và nhanh nhẹn phục vụ rượu và đồ ăn, trên môi luôn thường trực nụ cười cùng những lời nói thân thiện.

Các bạn nên biết rằng Ancuța không phải là một quán trọ tầm thường, mà là một pháo đài thật sự. Thực lòng tôi chưa hề thấy ở đâu những bức tường dày và cổng có rào sắt như thế. Phía bên trong cổng có đủ chỗ cho khách trọ, súc vật, xe chở hàng, và một khi đã vào đây thì chẳng phải bận tâm gì về chuyện trộm cắp.

Tuy nhiên, vào cái thời tôi kể lại với các bạn đây, đất nước thật yên bình, con người sống với nhau chan hòa. Thế nên cổng nhà trọ rộng mở cứ như cổng dẫn vào cung điện vua chúa. Qua khung cửa, vào những ngày thu trong vắt, người ta nhìn thấy lưu vực sông Moldova trải dài tít tắp, và thấp thoáng hình dáng mờ mờ các rặng núi Ceahlău và Halauca phủ đầy thông. Rồi lúc mặt trời lặn, cảnh vật dần xa hóa mờ nhạt và chìm đắm vào cõi huyền bí của sương mù thì đồng lửa cháy bập bùng trong sân nhà trọ chiếu sáng những bức tường đá, làm nổi bật lên cái sắc đen sẫm của cửa ra vào và cửa sổ có gắn chấn song. Ấy là lúc những người Digan ngừng hát, và các câu chuyện bắt đầu...

Trong những ngày vui vẻ ấy, trung tâm của cuộc chè chén và hoan hỉ ở quán trọ là một tay chức sắc từ nơi khác đến. Tôi rất quý ông. Ông thường nâng cốc

mời bất cứ ai, lắng tai nghe những khúc đàn hát của dân Digan với gương mặt đượm nét băng khuâng xa vắng, và ông tranh cãi rất hăng với bố già Leonte mỗi khi có dịp bàn luận mọi việc trong thiên hạ.

Người đàn ông ấy có vóc cao to, tóc đã hoa râm, mặt mày hốc hác nhăn nheo. Quanh bộ ria mép tía gọn và cặp mắt ti hí là vô số những nếp nhăn hằn sâu. Ông có cái nhìn chăm chú ẩn chứa ánh sáng tăm tối, còn đôi môi được bộ râu ngắn viền quanh thường thấp thoáng một nụ cười buồn.

Người ta gọi ông là ngài quan viên Ioniță. Ngài Ioniță thường giắt ở thắt lưng một túi tiền khá đầy, dưới bộ quần áo xám. Ông đã đến quán trọ trên lưng một con ngựa gầy gò, xấu xí, đúng là con ngựa có một không hai, chỉ da bọc xương! Nó có màu nâu đỏ, ba chân trắng, trên lưng đeo cái yên cao ngất ngheo. Nó đứng bất động bên tường, với một nắm cỏ khô trước mặt.

- Tôi ấy à, tôi chẳng ở lâu đâu, chỉ ghé qua thôi.
- Vị quan tay cầm cốc rượu tuyên bố với những ai muốn nghe ông nói. - Tôi và con ngựa cùng đi chu du thiên hạ... Nó được đóng yên và luôn sẵn sàng lên đường... Trên đời này không kiếm đâu được con ngựa nào như con ngựa của tôi đâu nhé... Tôi lên ngựa, đầu đội chiếc mũ lông, và cứ thế ra đi... Còn mọi chuyện khác, tôi bất cần...

Miệng thì nói “ra đi” vậy chứ nhưng ông không hề đi đâu cả. Ông ở lại với chúng tôi.

Một hôm, bố già Leonte đáp lại:

- Ngài có lí. Một con ngựa như ngựa của ngài, của ấy chẳng kiếm đâu ra được, dù có bươn bãi tìm suốt chín năm, lục tung khắp các vương quốc trên địa cầu! Riêng bộ da của nó thôi đã ngang giá một gia tài rồi. Chỉ nghĩ thôi tôi đã rùng mình rồi ấy chứ!

- Ông không thể nói hay hơn được, ông bạn Leonte ạ. - Vị chức sắc kêu lên, ria mép vênh ngược
- Một con vật gầy gò và dẻo dai như thế, không biết đói, biết mệt là gì, chỉ đưa mắt liếc nhìn máng cỏ và không hề giận dỗi khi tôi quên cho nó uống nước. Còn về chuyện yên cương thì hình như nó sinh ra đã có sẵn yên cương rồi. Đây là ngựa nòi đấy nhé. Mẹ nó cũng có chân trắng như thế. Hồi còn trẻ, tôi từng vênh vang trên chính con ngựa cái đó, và chính quốc vương Mihail Sturdza cũng phải kinh ngạc khi trông thấy nó.

- Thế sao quốc vương lại rất kinh ngạc? Nó cũng gầy nhẳng như con của nó à?

- Tất nhiên! Tôi rất vui lòng kể câu chuyện ấy cho các bạn, nếu các bạn chịu nghe tôi kể.

- Nghe thôi sao, thưa ngài Ioniță? Chúng tôi đang

căng tai ra đây, nhất là nếu câu chuyện lại về thời quốc vương Mihail Sturdza.

- Đây là câu chuyện về thời trai trẻ của tôi. - Vị quan viên chữa lại. - Hồi ấy, chúng tôi cũng ngồi đúng chỗ này, tại đây, bên những bếp lửa lớn và những chiếc xe đầy ắp rượu ngon, nhưng những con người ngồi cùng ngày đó hiện đã về với cát bụi. Và bên cạnh chúng tôi, lo toan mọi việc là một Ancuța khác, mẹ của cô chủ quán này. Bà ấy cũng đi sang thế giới bên kia. Chà, một hôm tôi xuất hiện ở ngưỡng cửa quán này, tâm trạng vô cùng ủ rũ, tay trái cầm cốc rượu, tay phải nắm cương ngựa. Còn bà Ancuța đứng chỗ kia, đúng nơi cô con gái hiện đang đứng, bà dựa vào khung cửa, lắng nghe lời tôi nói... Tôi kể chuyện gì nhỉ? Tôi không nhớ nữa, vì chúng đã bay đi như lá mùa thu.

Kể đến đó, vị quan viên Ionița nở nụ cười buồn dưới hàng ria mép thô cứng tủa ngấn. Còn tất cả chúng tôi, những nông dân và người chở hàng đến từ Thượng Moldova có mặt tại đó ngồi thành vòng tròn quanh ông trên những khúc củi, những cày xe bò đã tháo ách, cầm ghếch về phía người kể chuyện, mắt tròn xoe. Cô Ancuța trẻ đẹp đứng dựa vào khung cửa. Mặt trời tháng mười chiều chênh chếch, nhuộm vàng một bên má cô. Ngoài kia, dòng sông Moldova lấp

lánh qua các lùm cây, còn đằng xa kia hiện lên mờ ảo hình dáng dãy núi tựa như những viên đá lửa lơ lơ trong làn sương xanh nhạt.

Trong một góc, con ngựa gầy còm của vị quan viên hình như bị không khí im lặng bao quanh làm cho lo lắng, liền nổi tiếng hí vang, bạnh hàm nhe ra một cái cười ma quái. Ancuṭa sững sờ quay lại nhìn con vật, đôi mắt lộ nét kinh hãi dưới cặp lông mày vòng cung.

- Ấy, - vị quan viên nói - con ngựa cái ngày xưa cũng hí và nhe răng cười hết như thế! Vào giờ phút ấy, ai mà biết con ngựa đã nhìn thấy gì, thấy mắt sói hay răng sói. Nhưng có một sự việc chắc chắn, ấy là cái cười ngờ nghệch còn đọng lại và nó đã làm cho bà Ancuṭa ngày xưa sợ hãi trong chiều hôm đó. Thưa các vị, như tôi đã nói, tôi từng có mặt ở đúng chỗ này, chân đặt lên bàn đạp, sắp sửa ra đi. Nhưng vừa lúc đó trong không gian vang lên tiếng roi ngựa quất vun vút cùng với tiếng bánh xe lăn lộc cộc. Ngẩng đầu ngoái nhìn sang, tôi thấy từ đường cái tiến đến một cỗ xe tứ mã. Xe đến gần rồi dừng lại trước quán trọ. Từ trên xe bước xuống một vị quý tộc, theo lẽ là để ngắm đôi mắt đẹp của bà Ancuṭa. Lúc ông ta xuất hiện, tôi liền nâng cốc rượu mừng sức khỏe. Ông ta dừng lại, nhìn tôi, con ngựa cái của tôi, mọi người quanh tôi và mỉm cười. Sự đón tiếp khiến ông ta hài lòng.

Vị quý tộc có vóc người bé nhỏ, bộ râu màu hung xén tròn tròn lên khuôn mặt thêm đẹp. Ông ta đeo một sợi dây chuyền vàng mảnh sợi.

“Hỡi những người con trung hậu,” ông khách quý tộc nói, “ta rất mừng được thấy sự vui vẻ hạnh phúc tại mảnh đất Moldova...”

“Còn chúng tôi rất mừng được nghe những lời khen tặng của ngài,” tôi xen ngang. “Và chúng xứng được tán tụng bằng loại rượu thượng hạng.”

Sau đó, vị quý tộc lại cười và hỏi tôi đến từ chốn nao và định đi về nơi đâu.

“Một nơi rất tuyệt vời, thưa ngài,” tôi đáp. “Tôi xuất thân từ một gia đình chức sắc nhỏ quê ở Drăgănești thuộc Suceava. Chỉ có điều hiện tài sản của tôi bị đe dọa và kẻ thù của tôi không phải là tay vừa. Tôi đã đâm đơn kiện, thưa ngài, nhưng vụ kiện cứ kéo dài mãi không xong. Nó bắt đầu từ thời bố tôi còn sống, và tôi rất lo mình sẽ để lại rắc rối ấy cho con cái, nếu Chúa thấy tôi xứng đáng được có một mụn con...”

“Sao lại thế?” Vị quý tộc ngạc nhiên hỏi.

“Thưa ngài, cuộc tranh chấp của chúng tôi xảy ra từ trước triều vua Calimah. Chúng tôi đã ra trước tòa. Hết thế hệ này đến thế hệ khác đến trình diện tại

phòng họp Hội đồng Nhà vua. Đã có bao nhiêu cuộc điều tra và những lần cấm mốc phân ranh giới, rồi thề thốt trước tòa. Trong gia đình tôi, có những người qua đời trong lúc theo đuổi vụ kiện, những người sinh sau lại tiếp tục đi đòi công lí, nhưng cho đến tận ngày nay, nó vẫn chưa kết thúc. Tệ hơn nữa, vừa mới đây thôi, cái ông hàng xóm đang tranh chấp đất cát với tôi đã chiếm của tôi hai sải năm gang đất di sản để lại, đúng ngay phía bụng ong Vela. Tôi lại làm đơn kêu lên tỉnh nhưng chẳng hề có được ai thông cảm mà nghe cho, còn kẻ thù của tôi, nói đây chẳng phải để nhục mạ đâu, là kẻ lòng tham không đáy. Một khi đã vào việc, tôi phải lôi từ vựa thóc xuống cái cặp đựng giấy tờ đầy những con dấu thời xưa, cố chọn những giấy tờ xem ra còn giá trị đem nhét vào đây, dưới thắt lưng này, rồi nhảy lên ngựa, dự định chỉ dừng lại trước quốc vương để chính Người sẽ trả lại công bằng cho tôi.”

“Làm sao có thể như thế được?” Vị quý tộc vừa hỏi vừa vâng vênh chòm râu và đưa tay lơ đãng sờ sợi dây chuyền vàng. “Ông bạn thực sự đang trên đường tới diện kiến quốc vương đấy à?”

“Đúng thế. Và nếu quốc vương cũng không phân xử cho tôi...”

“Nếu quốc vương không phân xử cho ông bạn thì sao?” Ngài quý tộc nói, mắt hấp háy ý cười.

Đến đoạn này, quan viên Ioniță liền hạ giọng, còn cô Ancuța trề nghiêng đầu y hệt bà Ancuța ngày xưa, dỏng tai lên để nghe xem chuyện sẽ thế nào nếu quốc vương không trả lại quyền lợi cho vị chức sắc kia.

- Nếu ngay cả quốc vương cũng không trả lại quyền lợi cho tôi thì Người sẽ phải hôn vào cái chỗ gần cái đuôi con ngựa cái của tôi.

Trong khi quan giám mã nói những lời táo bạo ấy đúng theo cách của dân vùng cao nơi đây, thẳng tuột không tránh né gì thì cô Ancuța trề môi làm ra vẻ đang chăm chú nhìn đường.

- Khi tôi buông ra những lời nói ấy, - vị chức sắc nói tiếp - bà Ancuța vội đưa tay che miệng và cũng ra vẻ chăm chú nhìn đường cái. Còn vị quý tộc thì bật cười. Rồi ông ta ngừng lại, vắn vê chòm râu và sờ sờ dây chuyền vàng.

“Thế khi nào ông định đến trình diện quốc vương?”

“Thưa ngài quý tộc đáng kính, chỉ lát nữa thôi, uống nốt chỗ rượu mừng ngài xong, tôi sẽ lên ngựa, và phi một mạch giống như Alexander Đại đế và chỉ dừng lại ở Iași. Vừa hay gặp dịp, nếu ngài muốn ném thữ rượu vang mới vùng Odobești thì bà Ancuța đây sẽ đi lấy ngay thứ nước nho ép đỏ thắm đựng trong chiếc cốc mới tinh và chúng tôi sẽ cảm thấy hết sức vui mừng được ngài ban vinh hạnh...”

Vị quý tộc mỉm cười với Ancuța của ngày ấy - lông mày cũng cong như cô Ancuța này và hóm hỉnh không kém, và bảo lấy cho một cốc đầy nước nho ép đỏ thắm của miền Nam. Là một chức sắc, tôi kiêu hãnh đề nghị được đóng góp cho bữa tiệc, và bỏ bốn xu vào tạp dề của Ancuța.

Sau đó vị quý tộc lên xe ngựa và đi mất. Về phần tôi, tôi nhảy lên ngựa, và như đứng dự định, tôi chỉ dừng lại khi đến được Iași. Ở đây, tôi vào một quán trọ gần nhà thờ Lozonschi, đối diện cung điện nhà vua.

Trưa hôm sau, sau khi đã chần chu tươm tất, tóc chải gọn gàng, tôi đến trước cổng lâu đài xin yết kiến mà tim đập thình thịch. Thoạt tiên lính gác cổng chìa lưỡi lê vào trán tôi. Sau khi nghe tôi trình bày, anh ta hét về phía chòi canh, rồi một bác lính luống tuổi xuất hiện, nhanh nhẹn dẫn tôi vào một phòng nhỏ trong sân. Tại đây tôi được một sĩ quan trẻ đáng người gọn gàng, mang quân hàm mạ vàng óng ánh tiếp đón.

“Ông muốn gì vậy?”

“À, tôi có công chuyện,” tôi nói. “Tôi là quan viên Ionița, chức sắc vùng Drăgănești. Tôi đến hầu quốc vương, lòng khao khát công lí chẳng khác nào con sơn dương khát nước suối...”

“Được rồi,” người sĩ quan trẻ đáp. “Quốc vương

sẽ nghe lời than phiền của ông ngay thôi. Hãy đặt mũ xuống chỗ kia và bước qua cánh cửa nhỏ này. Trong căn phòng rộng lớn sau đó, ông sẽ thấy quốc vương và cứ việc kể hết nỗi oan ức.”

Nghe thế, máu bốc lên mặt, mắt thì mờ đi, nhưng tôi nghiêng răng, cố kìm nổi xúc động. Người sĩ quan mở cửa cho tôi đi qua. Bị ánh sáng chói lòa làm cho lóa mắt, người lại trong tư thế gần như gập làm đôi nên tôi chỉ nhìn thấy đôi giày da đỏ của quốc vương trước khi quỳ xuống. Tôi nhủ thầm vị vua trẻ mới lên ngôi chắc sẽ đoái thương đến những tai họa của tôi.

“Tâu quốc vương!” Tôi mạnh dạn kêu lên. “Tôi van người phân xử cho tôi.”

“Người hãy đứng lên.”

Nghe giọng nói ấy, nhanh như chớp, tôi ngược mắt lên và nhận ra nhà quý tộc đã gặp tại quán trọ.

Tôi hiểu ngay tức khắc mình cần phải làm gì cho phải lẽ. Tôi cụp mắt xuống và tỏ vẻ sợ hãi. Tôi càng quỳ sụp xuống, sợ sệt đưa tay nắm vạt áo quốc vương nâng lên môi.

“Hãy đứng lên!” Quốc vương lại bảo. “Đưa ta xem các giấy nhận thực quyền sở hữu của người.”

Khi đứng lên tôi mới nhận ra rằng cặp mắt của vị vua trẻ có vết nhăn nhỏ do đang cố nén cười, y hệt

như lúc ở quán trọ khi Người nhận từ tay Ancuța cốc rượu nho đỏ thắm. Tôi rút rè lôi từ trong chiếc xác da các giấy tờ, vừa đưa vừa trình bày đầu đuôi sự việc, kể lể tỉ mỉ từng bất hạnh tôi gặp phải, tất cả những hiểm thù cùng cay đắng chồng chất trong tâm hồn mà tôi thừa hưởng từ những người thân quá cố. Sau khi xem giấy tờ và nhìn kĩ các dấu xi triện, quốc vương tỏ vẻ hài lòng và nói bằng giọng mũi:

“Được rồi, ta sẽ trả lại công bằng cho ngươi. Một triều thần của ta, có đầy đủ thẩm quyền, sẽ cùng ngươi đến Drăgănești và giải quyết ổn thỏa mọi việc.”

Nghe thế tôi liền quỳ xuống, còn quốc vương lệnh cho tôi đứng lên. Mắt Người nheo như đang cười. Người vỗ vai tôi và bảo:

“Nói xem nào! Nếu ta không phân xử cho ngươi thì sẽ thế nào nhỉ?”

“Ôi! Tâu quốc vương,” tôi trả lời, “quốc vương nghĩ việc gì có thể xảy ra? Tôi đã nói thì không bao giờ nuốt lời... Con ngựa cái của tôi đang ở ngay bên kia đường.”

Quốc vương Mihail rất thích câu trả lời của tôi. Người lại vỗ vai tôi, thậm chí còn vui thích nhắc lại cốc rượu nho đỏ thắm tôi trả bốn xu để mời Người. Người vừa cười vừa ra lệnh cho một viên quan đi cùng

tôi. Dưới mắt tôi, những mệnh lệnh rõ ràng được soạn thảo ngay tức khắc. Khi tôi lên ngựa rời quán trọ gần Lozonschi về nhà, quốc vương còn đứng bên cửa sổ mỉm cười nhìn theo, tay vân vê chòm râu hung đỏ.

Chính vì thế, các vị cần hiểu rằng con ngựa nâu đỏ ba chân trắng của tôi là một của quý: vì lẽ nó thuộc dòng dõi con ngựa cái của quốc vương. Khi nó hí và nhe răng chính là nó đang gọi lại hồi ức về một thế kỉ đã qua và về thời trai trẻ của tôi. Qua câu chuyện này hẳn các vị đánh giá được tôi là người thế nào. Và bây giờ, nào, hãy làm một chén rượu nữa, sau đó tôi sẽ kể cho các vị nghe một câu chuyện khác mà từ lâu tôi đã có ý để dành cho các vị.

HARALAMBOS

Cốc rượu cầm ở tay trái, vị quan viên Ioniță ngược ngạnh đưa hai ngón tay phải vê vê bộ ria ngắn. Ông dọn giọng chuẩn bị vào câu chuyện còn lạ thường và thú vị hơn nhiều so với *Con ngựa cái của quốc vương*. Lúc bấy giờ trong không khí vui vẻ, thân thiện, một vị tu sĩ từ trên núi xuống bèn đứng lên, nâng cốc rượu ngang cầm, và cất giọng. Nãy giờ ông vẫn ngồi yên, chỉ lo uống rượu nên vừa nghe tiếng ông, chúng tôi đều ngạc nhiên quay lại. Vị tu sĩ nói:

- Hỡi các Kitô hữu kính mến, hỡi những con người tốt bụng! Và thưa vị quan viên Ioniță khả kính vùng Drăgănești! Hãy tha lỗi cho tôi đã im lặng, về điểm này tôi nghe theo lời khuyên của các bậc hiền triết: Tôi im lặng để thưởng thức hương vị rượu. Chúng tôi, những người sống ở miền cao, dưới các tảng đá của

dãy núi Ceahlau, chỉ mơ đến thức uống ngon lành chiết từ vườn nho của các bạn. Ở trên núi, chỉ với sữa nước và những quả cây rừng thật khó làm cho con người vui lên được. Theo lệnh của linh mục tu viện trưởng, tôi phải đến Thánh địa Tổng giám mục và đang nóng lòng muốn đến quỳ ở nhà thờ Haralambos - nhà thờ mang tên một con người tử vì đạo. Nhân đó tôi mới có dịp dừng chân tại đây với các bạn. Sau khi tôi buộc ngựa vào tàu, cô chủ quán để ưa đã lấy cho tôi một chiếc cốc mới tinh, đẹp nhất và to nhất. Tôi thật vô cùng vui sướng được ngồi cùng với những người anh em và trong bầu không khí vui vẻ tại đây. Tôi lại còn được nghe tiếng đàn hát của dân Digan, tôi chẳng phải bịt tai, vì tin chắc rằng dù sao thì mọi tội lỗi của tôi sẽ được bề trên tha thứ. Tôi nghĩ rằng đã đến lúc mình phải đứng lên tìm hiểu tất cả các bạn qua lời nói và cử chỉ. Tôi đã được nghe sướng tai những điều các bạn kể. Trước tiên tôi muốn uống để chúc mừng sức khỏe ngài Ioniță đáng kính, cũng như vì con ngựa cái của ngài.

Nói đến đây, vị tu sĩ nâng cốc rượu chao đi chao lại rồi uống một hơi. Sau đó, ông nhìn thẳng vào vị chức sắc.

- Cảm ơn Đức cha. Tôi xin hôn bàn tay phải của Cha. - Vị chức sắc nói. - Lời nói của Cha là lời nói

của một người anh em ruột thịt. Xin Đức cha cho biết quý danh?

- Tên thánh của tôi là Gherman, thưa ông quan viên kính mến. Như ngài thấy đây, đây là lần đầu tiên tôi xuống núi để đến thành phố Iași. Khi nào trở về tu viện, tôi sẽ tổ chức một buổi cầu nguyện đặc biệt cho linh hồn quốc vương của ngài. Tuy nhiên, trước khi ngài bắt đầu câu chuyện, hãy cho phép tôi được uống chúc sức khỏe bố già Leonte, vị lão thành thông thái đang ngồi bên phải tôi đây. Quả thật ông cụ biết rõ các dấu hiệu thời tiết, về quỹ đạo của mặt trăng và các vì sao. Cụ còn biết chiêm tinh nữa. Đây là con người có học, biết nhiều việc xảy ra từ thời xa xưa. Tuy tôi không còn trẻ, nhưng trước mặt cụ tôi tự nhận mình thua kém và xin uống mừng sức khỏe cụ.

Bố già Leonte liền đứng lên chạm cốc và hôn bàn tay phải của Cha Gherman.

- Còn khá đủ thì giờ để chúc mừng sức khỏe những người khác ngồi tại đây. - Vị tu sĩ lại nói - Vậy nên chúng ta có nhiệm vụ ném thử thứ rượu vang này, được kết tinh từ đất và mặt trời để chúc sức khỏe bố già Zaharia - người đào giếng. Ông quả có tài đưa nước tuôn ra dưới ánh nắng, thứ ấy tuy không ngon bằng rượu vang nhưng với Đấng Toàn Năng, nó lại tinh khiết và màu nhiệm hơn. Chúng ta, những tội đồ

khốn khổ, than ôi còn ham thích những thức uống khác kia. Tôi xin uống chúc mừng sức khỏe anh bạn Gheorghita, trưởng đoàn xe Cantacuzino: Tôi nhận thấy anh vui tính, và biết thổi sáo. Tôi cũng xin uống chúc mừng sức khỏe bác Ienache bán hàng rong. Bác mang trong các hộp của mình những vật phẩm vừa nhẹ vừa quý, những món đồ trang sức các cô gái trẻ hằng mơ ước. Sau khi đã chúc sức khỏe và ban phước cho mọi người, tôi nhận thấy còn lại trong cốc là phần rượu ngon nhất. Vì thế tôi xin chúc mừng cô chủ quán Ancuța. Chính cô đã mang đến cho chúng ta mọi sự tốt lành. Khi cô cười, xem kìa, như đúng lúc này đây, thật giống như bông hoa huệ bung nở, gợi tôi nhớ đến mùa xuân. Tôi uống mừng sức khỏe quý hóa của cô và của tất cả những người khác, mà lòng vui sướng như được thấy những mầm xanh đầu tiên nhú lên trong rừng.

Cha Gherman vừa nói hết câu vừa uống đến giọt rượu cuối cùng. Những lời chúc mừng dào dạt ấy khiến chúng tôi thật vui thích, nhưng người cao hứng hơn cả là vị quan viên Ionița.

- Thưa Cha Gherman rất mực tôn kính, - ông nói - tôi rất muốn biết Cha xuất thân từ đâu và công việc gì khiến Cha phải lặn lội đến thành phố Iași.

Vị tu sĩ trả lời:

- Như tôi đã thú nhận với ngài, ngài quan viên đáng kính ạ, trong khi chờ đợi thần chết tìm đến, thiên đường của tôi là ở trên ấy, tại tu viện Durău. Chính tại đây tôi đã sống cùng những đạo hữu của tôi trong nhà tu khổ hạnh. Chúng tôi không có nhiều của cải, và có chăn nuôi vài con cừu cùng trâu bò. Đôi khi chúng tôi cũng xích mích với hàng xóm, tức là lũ gấu ấy. Chúng gây cho chúng tôi nhiều thiệt hại lớn. Thế là chúng tôi đành phải tuyên chiến với chúng. Nhờ Chúa che chở, chúng tôi đã đánh đuổi được chúng bằng rìu và dao, vì luật không cho chúng tôi dùng súng, gươm kiếm giáo nhọn và súng lửa: chúng tôi đã thực hiện đúng theo tinh thần lời dạy của Chúa. Thời gian dần trôi, rồi ngày Lễ Thánh Dimitrie cũng tới. Trên ấy hễ đông về là chúng tôi sống trong hang, không hề thấy một bóng người nào cho đến mùa xuân sau. Tới lúc bấy giờ chúng tôi mới xuống vùng sông Bistrița thăm bạn bè và người quen. Cuộc sống trên vùng cao của chúng tôi thật khó khăn vô chừng...

Ông ngừng lời vì cô Ancuța đã lại gần, với bình rượu trong tay.

- Rất cảm ơn người đẹp về rượu ngon và cái nhìn dễ ưa. Hãy rót đầy cốc để khỏi phải tốn công đi lại nhiều lần. Còn về nơi chôn rau cắt rốn của tôi, thưa vị quan viên đáng kính, nó cũng ở trên núi, tại làng

Bozieni. Tôi không rõ mặt bố tôi. Chỉ có mẹ tôi với Chúa là biết ông thôi. Trên giường hấp hối, mẹ đã hiến dâng tôi cho tu viện Durău để tôi thay người chuộc lại các lỗi lầm xưa kia. Cũng vì lời thề ấy mà ngày hôm nay tôi hành hương đến nhà thờ Thánh Haralambos ở Iași. Khốn nạn thân tôi, đáng lẽ ra tôi phải thực hiện lời thề ấy từ lâu rồi. Vừa đi khuất dãy núi Ceahlău, tôi thấy mùi vị nước đã khác. Tôi không sao uống nổi một ngụm nào. Tôi theo sông Bistrița đến Moldova, vừa đi vừa trầm trồ đất nước ta sao mà rộng lớn thế. Tôi đã dừng lại ở các làng, trọ lại các nhà và được đối đãi chẳng khác nào anh em ruột thịt. Đang ngất ngưỡng cười trên lưng ngựa, bỗng kìa dưới bóng cây anh đào, tôi thấy một quán trọ trông như một pháo đài, nghe có tiếng vĩ cầm và tiếng nói râm ran. Tôi liền giục ngựa phi tới rồi dừng lại và đặt tay nài vào một góc. Tôi thấy hối hận đã không ra đi sớm hơn để thực hiện lời thề với mẹ cách đây ba mươi bốn năm, lúc mẹ tôi sang thế giới bên kia...

Vị chức sắc cắt ngang:

- Những lời của Cha khiến tôi rất đỗi ngạc nhiên. Bản thân tôi chưa từng thấy nhà thờ Thánh Haralambos, và giá như tôi không bận nhiều việc, tôi sẽ lên ngựa đi theo Cha. Nhất định bà cụ sinh ra Cha có một bí mật mà Cha không biết.

- Có thể. - Vị tu sĩ trả lời - Nhưng khi tôi còn bé, chỉ bằng chừng này này, tôi đã chứng kiến một cảnh tượng ghê gớm khiến tôi sợ đến lạnh cả người, mặc dù có mẹ ở bên. Lúc bấy giờ chính mắt tôi đã trông thấy ông Haralambos ấy.

Vị quan viên bối rối đưa mắt nhìn về phía chúng tôi.

- Haralambos nào vậy? - Ông hỏi Cha Gherman.

- Vào thời xa xưa có một người tên là Haralambos rất nổi tiếng, ngay cả triều đình cũng biết danh ông. - Vị tu sĩ đáp, giọng đột ngột thay đổi và cẩn thận đặt cốc rượu xuống đất, ngay sát bên mình.

- Ông ta là ai, là người như thế nào, và đã làm gì?

- Quan viên Ionița hỏi dồn. - Tôi chưa từng nghe nói đến ông ta.

- Có lẽ vậy, - vị tu sĩ lại nói - vì câu chuyện này đã bị thời gian nhấn chìm vào đêm tối. Ông Haralambos ấy từng là lính cận vệ. Bỗng một hôm, thưa ngài quan viên Ionița đáng kính, Đấng Toàn Năng lại muốn ông ghê tởm công việc hằng ngày ở cổng lâu đài các vua chúa, và ông bèn trốn vào rừng cùng với các bạn hữu, mà vào thời ấy chuyện đó chẳng có gì là hiếm lạ. Cứ như thế, trên mình mặc bộ đồng phục thêu, ông dùng vũ khí của chủ mình để cướp phá nhà cửa của giới quý tộc, cũng như các làng mạc, chiếm đoạt

nhieu của cái. Có những khu rừng, những con đường chỉ mình ông biết, rồi một số giếng nước và đường tắt hoàn toàn thuộc quyền kiểm soát của ông. Kẻ nào chống lại đều bị đâm hoặc bắn chết. Trước bao nhiêu việc làm tàn bạo ấy, nhiều vị quý tộc, nhà buôn cũng như dân thường đã đến quỳ lạy khóc lóc dưới chân quốc vương, tố cáo hành động cướp bóc và sát hại dân lành của Haralambos. Quốc vương lệnh cho các quan đầu tỉnh phải truy lùng và tóm kì được bọn cướp. Các đội tuần tra đã mở chiến dịch, đụng độ bọn cướp, nhưng Haralambos vẫn giành phần thắng. Có những lần khác, nếu thấy đánh không chắc thắng, Haralambos lại rút lui theo các đường tắt, vào tận nơi thâm sơn cùng cốc, là chỗ ở của các loại thú dữ. Bọn cướp cứ gieo tang tóc khắp nơi, mãi đến lúc quốc vương thực sự phẫn nộ. Vào Lễ Đức Mẹ lên Trời, ngày mười lăm tháng Tám, Hội đồng Nhà vua họp và quốc vương Ipsilanti ừ ơ xuất hiện giữa các nhà quý tộc. Quốc vương không buồn đáp lại những lời chào kính cẩn của quần thần, chỉ vắn vê chòm râu và khịt mũi.

“Ta lại nghe thêm chiến tích mới của bọn cướp!” Quốc vương thét lên. “Haralambos đã bất ngờ xuất hiện ở Dumbraveni thuộc lãnh thổ của chúng ta, rồi cướp phá quán trọ và những xưởng xay bột. Không thể nào tha thứ những tội phạm thượng như thế.

Nhân dân ca thán và kêu khóc khắp nơi. Này, các thống đốc, các người đã làm gì và ra lệnh ra làm sao?”

“Thưa quốc vương,” vị thống đốc vùng Thượng Moldova đứng lên trả lời, “tôi đã thúc giục không ngớt tất cả các tỉnh trưởng. Họ cho nhiều quân lính đi dẹp loạn, nhưng than ôi lại không đạt kết quả mong muốn.”

“Không kết quả hả, ông thống đốc? Không kết quả sao?”

“Quả thật, thưa quốc vương, không đạt kết quả, nhưng hiện nay chúng tôi đã biết được một số sào huyệt, một vài dấu vết và danh tính kẻ chứa chấp bọn cướp ấy. Con sói thường quay lại nơi nó từng bắt được cừu. Vì lẽ ấy chúng tôi giờ chỉ cần một thợ săn gan dạ.”

“Thợ săn gan dạ nào vậy, bởi thống đốc này, ngay bây giờ ta chỉ thấy toàn những phường hèn nhát.”

“Thưa quốc vương, tên Haralambos trước khi phản bội chỉ là một tên lính quèn trong đội cận vệ. Nó có một người anh tên George Leondari, là một con người trung thực và một quân nhân dũng cảm. Người anh đó hết sức tức giận về những hành vi xấu xa của em mình. Thưa quốc vương, theo ý tôi, quốc vương hãy cho gọi người chỉ huy cận vệ này và lệnh cho hắn buộc em mình đầu hàng!”

Vị quốc vương bắt đầu suy nghĩ, vân vê chòm râu và đi đi lại lại.

“Ông có lí, ông thông đốc ạ.” Cuối cùng quốc vương nói. “Ta biết hai anh em họ, và vẫn mến tính trung thực của George, người chỉ huy cận vệ. Có điều ta không nghĩ hẳn là tay thợ săn chúng ta cần. Cho truyền George!”

Các môn lại phục vụ tại chốn cung đình bổ nhào bổ nhào chạy đến chỗ đội cận vệ, và chẳng mấy chốc, George đã xuất hiện. Quốc vương cúi đầu, râu chạm ngực, và nhú mày nghiêm khắc nhìn người chỉ huy cận vệ.

“Nhà ngươi hãy nghe kĩ đây, ta đánh giá cao lòng ngay thẳng và tinh thần phục vụ tận tụy của ngươi. Chẳng thế mà ta đã trọng thưởng ngươi. Dưới triều đại của ta, ngươi có nhà cửa, đất đai ở Iasi. Nhưng như nhà ngươi đã biết, Haralambos em ngươi đang gieo rắc tang tóc trong dân chúng. Giờ khắc nhà ngươi phải chịu trách nhiệm về em mình đã đến. Ta cho ngươi kì hạn đúng hai tuần, muốn mang theo bao nhiêu lính tráng tùy thích. Nhưng đến kì hạn, phải đưa em ngươi về đây dù sống hay chết, nếu không hãy coi chừng, ngươi sẽ không thấy mặt ta và ánh sáng mặt trời nữa!”

Người thủ lĩnh cận vệ George im lặng một hồi lâu.

Khi các vị quý tộc ngẩng lên nhìn, họ thấy ông mặt mày nhợt nhạt, dáng người cao lớn cứ run rẩy như chực đổ. Cuối cùng ông đáp lời:

“Xin tuân lệnh quốc vương!”

Ông cúi đầu, hôn tay quốc vương và rút lui. Vừa về đến chỗ đội cận vệ, ông cho tập hợp quân lính, chọn ra năm mươi người, phân phát vũ khí và định giờ xuất phát. Khi màn đêm buông xuống, họ lên đường hướng thẳng đến vùng hoang vắng. Ngày hôm sau, George nghe tin có vụ cướp bóc quanh đây. Tức khắc, ông liền lần theo dấu chân Haralambos, như chó đánh hơi mùi thú hoang, vây đồn em mình từ hang ổ này đến hang ổ khác, suốt ngày đêm.

Đến ngày thứ tám, vào lúc rạng đông, trời đang mưa thì có người gõ cửa sổ nhà chúng tôi tại làng Bozieni.

Mẹ tôi đang nằm bên tôi liền choàng dậy, và vội vàng kéo chốt cửa. Tôi thấy một người quen bước vào nhà trong bộ dạng ướt đẫm, khuôn mặt hốc hác, ánh mắt dữ tợn, khác hẳn với vẻ đẹp dễ và chắc chắn thường lệ. Đôi khi buổi tối ông đến nhà chơi, ngồi trên ghế dài, nhẹ nhàng vuốt tóc tôi.

Ông nói nhanh, giọng khàn đặc:

“Cho tôi ăn đi!”

Mẹ tôi hoảng sợ. Bà run rẩy tìm chiếc tô đựng món xúp ngô đã nguội ngắt. Tôi còn nghe được những lời mà cho đến lúc chết cũng không quên được.

“Anh George đang vây dồn tôi như dồn một con sói!”

Ông Haralambos chẳng kịp nuốt lấy một miếng. Có tiếng bước chân bên ngoài rồi những giọng nói cất lên:

“Hãy bước ra Haralambos! Khu vườn đã bị bao vây, và nếu mi không ra, họ sẽ mất đầu!”

Tôi nghe tiếng ông Haralambos kêu lên giận dữ. Ông rút súng từ thắt lưng rồi lao ra cửa. Mẹ nắm tay tôi và chúng tôi chẳng mấy chốc đã ở ngoài hiên. Trong vườn, đám cướp đang lăm lăm vũ khí. Họ có khoảng tám hay mười người. Chính lúc ấy tôi mới hiểu Haralambos là ai. Mẹ bắt đầu khóc thút thít và ôm chặt tôi vào lòng, tôi đoán đây là giờ phút nguy hiểm. Trong làng chó sủa không ngớt. Bỗng đột ngột bên bìa rừng xuất hiện một đội lính kỵ binh đang dàn hàng chiến đấu. Tôi nghe thấy nhiều tiếng nổ ở các đường hẻm gần đấy và phía sau nhà. Còn đồng bọn của Haralambos đột nhiên rút lui, dẫn ra rồi hạ vũ khí. Vừa lúc ấy một người đàn ông cao lớn, râu đen xuất hiện. Mẹ thì thào:

“Anh của ông ấy đấy, giống thật!”

Người anh gơ con dao găm lên dọa nạt:

“Hãy đầu hàng đi!”

Haralambos giương súng bắn và định nạp đạn vào khẩu súng đang cầm ở tay trái thì viên chỉ huy đội cận vệ đã đâm ông một nhát chí mạng. Mẹ tôi hét lên một tiếng hãi hùng. Bọn cướp nằm rạp xuống và đầu hàng.

Lính nhà vua từ khắp nơi xông đến. Khi cơn bạo động và mọi sự ồn ào đã qua, một người lính cận vệ gơ thủ cấp của người chết lên cho tất cả cùng thấy.

Lúc đó mặt trời đang lên, chiếu hàng nghìn tia nắng vào lớp băng đóng trong vườn, còn cái đầu thì nhìn tôi chòng chọc. Tôi nở một nụ cười buồn.

George quay về cung vua, mang theo thủ cấp của người em. Ông trình diện trước Hội đồng Nhà vua, đặt chiếc đầu phủ tấm voan đỏ trên thảm ngay chân quốc vương. Rồi quỳ xuống bên cạnh, ông giải bày giữa dòng nước mắt:

“Thưa quốc vương, tôi đã thực hiện lệnh của ngài. Nhưng tôi xin ngài cho tôi từ chức, lui về sống trên mảnh đất của mình, vì lẽ tôi đã làm đổ máu người thân ruột thịt, mang cùng dòng máu đang chảy trong huyết quản tôi.”

Thật là một cảnh tượng xé lòng. Cả quốc vương và các vị quý tộc đều không cầm được nước mắt. Còn

vị chỉ huy cận vệ George được vua chấp thuận cho từ chức. Ông rút về sống tại đất ban của mình, và chịu lễ chuộc tội cho hành động giết người. Để linh hồn người em sai đường lạc lối được yên nghỉ, ông cho xây tại thành phố Iași chính cái nhà thờ mà tới đây, tôi sẽ đến làm lễ.

Đây là lí do, thưa vị quan viên đáng kính, vì sao tôi hiến dâng đời mình cho tu viện Durău. Thực lòng tôi thường ước mong được sống giữa những con người. Vì thế đôi khi tôi ngán ngẩm: Than ôi, sao cuộc đời mình lại tẻ nhạt và buồn bã như vậy.

Vị chức sắc xúc động mạnh trước câu chuyện của người tu sĩ, đến độ ông không nói được nên lời. Nhưng ông bình tĩnh lại ngay và cam đoan với chúng tôi rằng câu chuyện ông muốn kể còn lạ lùng và khủng khiếp hơn nhiều.

CON RỒNG

Hỡi những người anh em, - vị quan viên Ioniță cất giọng sang sảng, đứng uy nghi đường bệ - xin thề trước Chúa, câu chuyện của Cha Gherman quả đã làm tóc tôi dựng đứng lên dưới chiếc mũ, tuy nhiên tôi xin kể một câu chuyện còn kì lạ hơn và kinh khủng hơn.

- Nào chúng ta hãy lắng nghe câu chuyện kể của ngài quan viên... - Bố già Leonte, nhà chiêm tinh, liền thoảng nói lớn. - Chúng ta hãy lắng nghe câu chuyện của ngài quan viên. Trước tiên hãy xem chúng ta đã có đủ các thứ cần thiết chưa. Ngài quan viên ạ, vừa đúng lúc tôi muốn nhắc ngài chớ quên rằng đã đến lượt ngài kể, như ngài đã hứa với chúng tôi. Tôi nhớ từ thời xưa, hồi Ancuța ngày ấy, mẹ của cô Ancuța này còn sống, chúng tôi đã có thói quen dự những buổi tôi kể chuyện như thế này, rồi mặc sức tỏ lòng

hâm mộ món rượu vang vùng đồng bằng. Chúng tôi vừa nhấm nháp rượu ngon vừa lắng nghe những câu chuyện sống động. Theo ý tôi, ngài quan viên Ionița ạ, ta không tìm được đâu ra được một quán trọ thế này, dù có đi khắp mọi ngả đường trên trái đất. Những bức tường thành ấy, những ô cửa sổ mắt cáo ấy, rồi hầm rượu, rượu vang, tìm đâu ra được chúng cơ chứ? Đây là còn chưa kể đến đóa hoa Ancuța kiều diễm này nữa chứ: cô ấy niềm nở, cặp mắt to đen láy. Riêng tôi, tôi những muốn sống cùng tất cả những gì thân thuộc nơi đây mãi cho đến giờ phút phải sang bờ bên kia, nơi không còn bão táp. Chớ có nhíu mày như thế, cô chủ quán Ancuța, vì lẽ tôi từng là bạn mẹ cô. Tôi đã tra cứu sách chiêm tinh về bà ấy, cũng như về cô. Những lời tiên đoán của tôi thường chính xác, tôi mong rằng cô cũng sẽ hài lòng.

- Có chứ! Cháu hài lòng, hài lòng thật. - Cô chủ quán vừa trả lời vừa cười.

- Điều đó không hề làm tôi ngạc nhiên, và cũng chẳng thể nào khác được, cô Ancuța ạ, bởi trong cái túi vải đeo ở thắt lưng, tôi luôn mang theo cuốn sách chứa đựng toàn bộ chân lí. Khi được cô nhờ, tôi đã lần lượt bói cho cô tất cả, và lại khi cô đi qua, thoang thoảng mùi thơm bạc hà, cô mang lại cho người già niềm ước mong được trẻ lại.

- Ông nói rất hay! - Vị chức sắc vùng Drăgănești xác nhận. - Tuy nhiên, tôi cũng nói được như thế mà chẳng cần đến cuốn sách chiêm tinh của ông.

- Có thể, ngài quan viên Ioniță ạ, nhưng tôi xin nhắc ngài chớ quên lời hứa. Như tôi vừa khẳng định, ta chỉ được nghe những câu chuyện hay như vừa rồi tại quán trọ này thôi. Chúng ta đã nghe Cha Gherman kể chuyện, xem kìa Cha lại đắm mình trong trầm tư và im lặng rồi. Nhưng ngài quan viên Ioniță này, chắc gì ngài sẽ kể cho chúng tôi nghe chuyện gì xúc động hơn. Thú thật với ngài, đã có một lần trong đời, tôi xúc động mạnh như vừa rồi, tim tôi lúc ấy chẳng khác gì tim con gà gô đang trong móng vuốt chim cắt.

Cô chủ quán hướng cặp mắt sắc sảo về phía cụ già, nói liền thoảng:

- Là khi lần đầu tiên ông thấy rồng?

- Đúng thế, - ông lão xác nhận - khi tôi lần đầu tiên nhìn thấy rồng.

Nghe tới đó, tất cả liền chú mục nhìn nhà chiêm tinh, cả Cha Gherman cũng phải ngẩng đầu lên.

- Chuyện con rồng là làm sao? - Ioniță liền ngơ ngác hỏi, rồi ngồi xuống ghế. - Con rồng nào vậy?

Đoạn ông sững sờ nhìn từng người, cứ như vừa từ đâu rơi xuống chỗ chúng tôi vậy.

- Khi tôi lần đầu tiên nhìn thấy rồng, - ông lão Leonte nhắc lại, giọng tỉnh bơ - tôi mới chừng hai mươi tuổi và bố tôi đang truyền nghề cho tôi. Ông là nhà chiêm tinh và thầy thuốc, nhưng đã vĩnh biệt chúng ta để sang thế giới khác. Ít lâu sau ngày Lễ Thánh Elijah, vào giữa tháng sáu, tôi đang ở cùng bố trên bãi chăn gia súc tại đồi Bolandars. Ban ngày ông cụ dạy tôi cách phân biệt đâu là thảo dược, ban đêm lại chỉ tôi cách nhận biết các vì sao trên trời. Chính vào hồi ấy tôi được lần đầu tiên nhìn thấy rồng.

Vị chức sắc vùng Drăgănești thờ dài và ném một cái nhìn ác cảm về phía bố già Leonte.

- Tôi, tôi chưa từng trông thấy một con quái vật như thế... - Ông nói, giọng có chút gì yếu ớt và do dự. - Hãy kể nhanh câu chuyện của bác đi, vì chúng ta chẳng thiếu thì giờ.

- Có gì nhiều nhận để kể đâu. - Nhà tiên tri cự nự. - Được ngài quan viên đây cho phép, tôi sẵn sàng bắt đầu câu chuyện, nhưng tôi cũng nóng lòng muốn nghe câu chuyện sau đó của ngài...

Nhà chiêm tinh sửa lại chiếc thắt lưng da to bản, sờ cái túi xanh trứ danh của mình, và liếc nhanh một cái để biết chắc cốc rượu vẫn đang trong tầm tay. Ông lão vốn là dân nhà nông, người ở vùng chúng tôi, má bầu, ria mép đã bạc, khỏe mạnh, có phần hơi phốp

pháp. Khi nói, ông lão hay cười để lộ những chiếc răng hàm tựa như những cái chốt thép.

Ông cụ bắt đầu nói liên thoảng theo thói quen của mình:

- Xem nào, thưa ngài quan viên đáng kính, - ông lão nói - làm sao để kể một biến cố như thế bằng ít lời nhất nhỉ?

Vào thời ấy, ở chỗ chúng tôi, tại Tupilati có một vị quý tộc bệ vệ và kiêu căng tên là Nastasa Bolomir. Ông ta có vóc người to lớn, vẻ ngoài dữ tợn, bộ râu rậm xòe trên ngực như đuôi công. Vị công hầu ấy đã hai lần kết hôn có cheo cưới hảnh hoi. Lần đầu tiên ông ta cưới con gái một vị quý tộc ở Barlad. Người vợ đầu không chịu đựng được lâu những cơn giận dữ và sự hung hãn của chồng, nên chẳng mấy chốc đã khóc suốt suốt chạy về với bố mẹ trong bộ dạng tiều tụy. Lần thứ hai, ông ta cưới một bà góa người Hi Lạp tên là Negrupunte. Bà này cũng đẹp, lại giàu. Nhưng vào một mùa thu nọ, cách ngày vị cha cố đặt lên đầu họ “vòng hoa cưới” chưa đầy hai năm, tôi vô tình gặp bà ta, người vàng vọt, ủ rũ như bông hoa sau trận mưa đá. Bà ta đi khám bệnh tại một phòng khám ở nước ngoài rồi cũng chết luôn ở đấy. Sau đó vị quý tộc của chúng ta ở góa được ít lâu. Có người xì xào cho rằng số hai bà vợ này là phải chịu định mệnh oái oăm ấy.

Không có một nông phụ xinh đẹp bình thường nào lại không lờm nguýt vị quý tộc, tưởng như họ đang nhìn thấy hiện thân quý sứ vậy. Có một hôm bố tôi còn vừa cười vừa khẳng định: “Thôi thế là hết, từ nay trở đi ngài Nastasa Bolomir sẽ không cưới được vợ đâu. Nhưng ông ta chẳng phải lo, nhà ông ta đầy rẫy những cô giúp việc Digan xinh đẹp kia mà...”

Sau đó ít lâu có tin đồn ngài quý tộc lại sắp cưới vợ. Có thể như thế được chăng? Lấy ai vậy? Hẳn là một nàng công chúa trẻ nào đấy người Moskva, đi giày cao cổ và tay cầm roi da. Chỉ có phụ nữ như thế mới hợp với ông ta! Đáng lẽ ra thế, nhưng quý vị có tin được chăng?

Ông ta đến Iași, tổ chức hôn lễ không rình rang tại nhà thờ và đem về Tupilati, trên chiếc xe tứ mã, một cô gái xinh xắn không quá mười bảy tuổi. Khi hai người xuống xe trước cửa, cô chỉ ngang tầm râu ông ta. Cô có mái tóc vàng và nụ cười tỏa nắng. Khi ấy, các bà hàng xóm tụ tập trước cổng lớn, những người hầu từ nhà bếp, nhà xe chạy lên, thấy cô gái đều tỏ lòng thương hại. Họ rên rỉ, ca thán:

“Ôi! Cô bé tội nghiệp, xinh xắn và mảnh mai thế kia! Lão râu xồm ghê tởm kia rồi sẽ giết cô ấy mất thôi.”

Còn ngài Bolomir rất lịch sự, đưa tay ra như thế này, hai ngón của bàn tay trái chìa ra, mời cô gái bước

lên các bậc thềm đá hoa cương trái thắm, tưởng như đang hộ tống một báu vật vô giá. Nhưng ông ta chưa kịp lên hết cầu thang thì cô gái đã quay lại phía ông ta, vừa cười vừa đưa cái đầu ra chiêu dọa húc nhà quý tộc bằng đôi sừng nhỏ vô hình, rồi cô rút tay khỏi tay chồng và vụt chạy một mình lên đến bậc cuối cùng.

Bố tôi hôm ấy cũng có mặt, ông cụ rung rung mớ tóc dài xoa trên vai. Sự việc vừa xảy ra ấy không đáng cho ông chú ý.

Ngày tháng trôi qua. Chúng tôi chờ ít lâu thử xem những lời phỏng đoán của các bà già có thành sự thực chẳng. Nhưng chẳng có gì xảy ra cả. Cô vợ trẻ quý phái Irinuta vẫn khỏe mạnh. Hơn nữa, má cô giờ càng thắm hồng và cô hay cười để lộ những chiếc răng chuột. Chúng chắc hẳn phải cực kì sắc nhọn vì lẽ vị quý tộc của chúng ta xem ra càng ngày càng ử rữ, ít nói.

Nếu vị phu nhân này muốn đi dạo chơi tới Roman hay chạy phóc một cái đến tận Iași, cô chỉ cần ngoắc ngón tay hay ngọt nhạt vài lời là ngài Nastasa chiều theo ý vợ ngay.

Rồi vợ bác quản gia và bà giúp việc phát hiện ra cô gái ranh ma vợ nhà quý tộc chẳng giàu có gì, cũng không phải con nhà nề nếp, mà là con gái hay cháu gái của Đức cha Tổng giám mục. Hai bà già trao đổi với

nhau những nụ cười và cái nháy mắt lúc nói chuyện. Còn tôi, tôi chỉ là thằng đàn chẳng hiểu gì sất.

Vào một mùa hè nọ, như tôi đã nói, tôi đang ở bãi chăn cừu. Tới ngày Lễ Thánh Elijah, bố tôi đến thăm, và chúng tôi ở một túp lều cách bờ sông Moldova không xa. Từ trên cao ấy, chúng tôi có thể nhìn thấy các nhánh sông, những bãi sỏi và cả cái quán trọ này nữa. Phía sau là rừng già và những dãy núi xa tít mù tắp.

Trong thời gian ấy, tôi chẳng biết những chuyện xảy ra trong làng hay ở nhà vị quý tộc, và chẳng cũng không quan tâm làm gì. Thế nhưng vào trưa một hôm nọ, khi đang một mình ngồi trong lều trông nồi thức ăn trên bếp, tôi bỗng thấy ngài Nastasa Bolomir dừng lại, xuống ngựa trước căn lều của bố con tôi giữa vùng hoang vắng.

“Chào nhóc, chúc may mắn.” Ông ta nói. “Người là con trai nhà chiêm tinh Ifrim phải không?”

“Thưa ngài, con xin cúi hôn tay phải của ngài, chính là con ạ.”

“Bố người đâu?”

“Bố con đang cắt cỏ ở gần đây, trên cao ấy. Bố con cũng sắp về ăn xúp rồi.”

“Hãy vắt chân lên cổ mà chạy nhanh đi gọi ông ấy về. Bảo bố người phải về ngay!”

Tôi do dự một lát, nhưng vị quý tộc lừ mắt nhìn tôi dữ tợn, tay đặt lên chiếc roi treo ở yên ngựa. Thế là cứ đầu trần tôi vụt chạy một mạch lên trên cao ấy. Trên đường đi tôi gặp bố đang về ăn trưa. Khi bố biết ông chủ cho gọi gấp, bố “hừ” một tiếng và lắc đầu, nhưng chẳng giải thích gì. Về đến lều, chúng tôi thấy ngài Bolomir vẫn ở nguyên tư thế như lúc tôi ra đi, với cùi chỏ áp vào yên ngựa, đầu hơi cúi. Tôi liền lách ra sau lùm cây, còn bố thì bước những bước chắc nịch tiến tới.

“Người làm cái quái gì ở đây, hả Ifrim?” Vị quý tộc tức tối thét lên. “Ta chạy tìm người khắp làng, còn người thì chơi cái trò ẩn dật chỗ hoang vắng này hử?”

“Xin hôn tay vị chúa tể lỗi lạc.” Bố tôi trả lời. “Tôi đi làm công việc của mình. Nhưng nếu ông chủ cho gọi, tôi sẽ có mặt ngay và sẽ trình diện ở lâu đài nếu cần.”

“Tất nhiên!” Vị quý tộc nói, giọng vẫn chưa hết giận. “Nhưng ta không có thì giờ chờ đợi. Nghe đây Ifrim, chẳng ai biết và có thể bản thân người cũng không biết nổi cay đắng đang đè lên tâm hồn ta lớn biết chừng nào.”

“Thưa ông chủ, Chúa ban cho ta sự đau khổ, nhưng đau khổ rồi sẽ qua.”

“Nó chẳng chịu qua đâu. Người nói như bọn ngốc vì lẽ người không biết rằng...”

“Có chứ, thưa ngài, đau khổ vì tình là ghê gớm nhất, nhưng rồi nó cũng sẽ qua.”

Vị quý tộc nhú mày:

“Này, Ifrim, người biết được gì chẳng?”

“Thưa ngài,” bố tôi trả lời. “Tôi đoán trước được nhiều điều vì tôi được trời phú cho cái tài ấy. Tôi không chỉ đoán được qua các vì sao, mà còn qua cả tướng mạo con người.”

“Thế thì Ifrim này, hãy nói cho ta nghe: Người có biết một con quý đã vào nhà ta và không để cho ta yên chứ?”

“Tôi có biết, thưa ngài.”

“Người có biết ta bị hành hạ chẳng khác đấng Kitô trên cây thập giá. Ta giống như một kẻ cùng quần đang khát nước bị trói gô bên giếng.”

“Thưa ông chủ, có những trường hợp như ngài nói.”

“Thế thì người nên biết rằng ta không đạt được bất cứ việc gì dù bằng vũ lực hay cầu khẩn. Chỉ vì một việc cũng nhỏ thôi mà ta phải quy phục tất cả, cứ như một tên nô lệ. Ấy thế mà mới buổi sáng nay thôi, người hầu gái báo cho ta một cái tin thật bỉ ổi rằng vợ ta vắng nhà là để tăng tịu với thằng con cả của viên tổng đốc tên Alixandrel Vuza. Có lẽ người đã thấy hấn hồi hè rồi. Đã hai lần hấn bước qua ngưỡng

cửa nhà ta, lấy cớ muốn bán cho ta hai con ngựa bạch vùng Moxcovi. Thật ra hẳn đến vì một lí do khác, thế mà ta không nhận ra. Trong giờ phút này, tim ta đã quyết. Tuy nhiên để cho chắc chắn, ta cần gặp người để khỏi phạm sai lầm. Người có tài đoán trước mọi việc, ta muốn người hãy xem số mệnh cho ta.

Tâm thần vị quý tộc đang xáo động, ông ta đứng ngồi không yên, luôn tay bút chòm râu.

Không để mất thì giờ, bố tôi vào lều và ra ngay, mang theo cái túi nhỏ mà các bạn thấy đang ở bên cạnh tôi đây. Vừa lôi cuốn sách ra, bố tôi vừa ngồi xuống chiếc ghế con bên bếp lửa. Bố nhắm nước bọt lên ngón cái và bắt đầu lật trang. Vị quý tộc đứng bên con ngựa và chờ đợi.

“Thưa ngài, ngài sinh vào ngày nào, tháng nào?”

“Mẹ sinh ra ta vào ngày thứ Ba, mười tám tháng Mười.”

Vẻ trầm ngâm, bố tôi nói:

“Trong trường hợp này, tôi phải giờ sang trang chòm sao chiếu mệnh Bộ Cạp, từ đó lần theo đúng các chỉ dẫn. Ở đây có ghi tất cả những điều đã trở thành hiện thực, rằng ngài nổi tiếng, ở ngài có cái dục vọng ấy, hãy coi chừng chỗ có tự do buông lỏng.”

Bố tôi bắt đầu đọc và tìm trong sách những đoạn

hợp với tính khí vị quý tộc, hi vọng qua đó làm dịu cơn giận của ông chủ.

Nhưng Bolomir cứ sốt ruột giật chồm râu.

“Không phải mấy điều ấy, Ifrim. Ta muốn biết về cuộc hôn nhân của ta kia.”

Bố tôi lại tra cứu cẩn thận rồi trả lời:

“Thưa ngài, cuộc hôn nhân của ngài được chòm Kim Ngưu bảo hộ. Ngài tổ chức lễ cưới với phu nhân Irinuta sau Lễ Phục sinh. Theo sách, đây là một cuộc hôn nhân chính đáng, phù hợp với ngài, ở một chỗ khác có ghi rằng nếu đám cưới được Kim Ngưu bảo hộ, ngài sẽ rất hạnh phúc với vợ. Ở đây lại còn ghi thêm, thưa ngài, cung may mắn của ngài là Thiên xứng, nên có những giờ phút ngài cảm thấy bị giày vò ghê gớm vì những lời đồn đại sai trái. Thế thì, thưa ông chủ đáng kính, nếu sách đã có ghi rõ như vậy, tôi nghĩ những lời mách lẻo đó là sai sự thật, ngài cần khép chặt con tim, đừng tin chúng.”

Vị quý tộc đứng yên một lúc, vẻ tư lự.

“Ifrim này, có thể đúng như lời người nói chẳng?”

“Thưa ông chủ đáng kính, sự việc đúng như tôi nói.”

“Nếu thế thì tại sao Irinuta lại đi Roman? Cô ấy đi hôm qua và bảo hôm nay sẽ về.”

“Bà chủ đi đến đây, thưa ngài, là do ý Chúa muốn tránh cho bà khỏi tai họa từ lời vu cáo và cơn tức giận...”

“Có thể.” Vị quý tộc lẩm bẩm, có vẻ đã hơi yên lòng. “Nếu cô ấy không đi thì quả thật đã xảy ra những điều ghê gớm! Được rồi, anh bạn ạ. Trong các trường hợp khác, cuốn sách của người cũng nói đúng chứ hả? Nói tóm lại, theo người, ta cần phải làm gì bây giờ?”

“Chờ đợi, thưa ngài, rồi mọi sự sẽ tốt đẹp thôi.”

Sau lời nói đó, vị quý tộc rời túp lều của chúng tôi. Bố đưa mắt nhìn theo vị quý tộc khá lâu, mỉm cười cho đến khi không còn thấy bóng dáng ông ta nữa. Sau đó, bố treo nồi vào chiếc móc trên bếp lửa đã tắt, sai tôi thắng ngựa vào xe. Ngồi gọn giữa đồng cỏ khô, chúng tôi đánh xe xuống đồi, vượt qua suối và chạy liền một mạch đến quán trọ này.

Tại đây, đứng đợi nơi ngưỡng cửa là Ancuța của ngày ấy. Bố tôi vội vàng hỏi khi xe dừng trước cửa:

“Này Ancuța, con gái đỡ đầu của bố, hãy nói cho bố biết: Chiều hôm qua, phu nhân Irinuta đã qua đây trên đường đi từ Tupilati đến Roman phải không con?”

“Có đi qua đây, bố già ạ, nhưng sao vậy?”

“Và phu nhân chưa về qua đây hả?”

“Chưa, nhưng có thể chiều nay phu nhân sẽ qua.”

“Nếu thế, Ancuṭa à, cầu cho những lời của con sẽ hợp ý Chúa.”

“Nhưng có chuyện gì thế?”

“Con muốn có chuyện gì nào? Có một tâm hồn nhân đạo nào đó đã mở mắt cho ngài Bolomir, thế là bây giờ ông ta đang bút râu, nghiêng răng và muốn gây đổ máu bằng mọi giá.”

“Sao lại thế! Ai có thể phạm một sai lầm như vậy?” Ancuṭa vừa kêu lên vừa đấm vào lòng bàn tay. “Ai lại muốn để ông ta giết cả bà ấy nữa, sau khi đã hành hạ hai người kia và đưa họ về châu âm phủ? Số phận ông ta ở thế giới bên kia sẽ là Luyxiphe, nhưng từ nay cho đến lúc đó ít nhất phải có một ai đó trong chúng ta bắt ông ta đền nợ trên cõi đời này...”

Sau đó bố tôi và Ancuṭa thỏa thuận với nhau phải rình đón cho được phu nhân ngài quý tộc, báo trước để cô đề phòng.

Quả vậy, thưa vị chức sắc đáng kính và các bạn, một sự việc đã xảy ra đúng ngày hôm ấy vào giờ cầu kinh chiều. Từ trưa, mặt trời như bị phủ một lớp sương mù, tỏa sáng theo cách khác thường, trong khi đó về phía núi, những luồng hơi mỏng bốc lên như đe dọa mặt trời. Khi bóng râm trải dài trên con đường cái thì từ hướng Roman xuất hiện một cỗ xe tứ mã chạy lộc cộc, làm bụi đường tung trắng xóa.

Chiếc xe chạy dọc một đám ngô ngay chỗ góc rừng. Lúc bấy giờ bên dưới tấm màn bụi xuất hiện một người cưỡi con ngựa nòi màu đen. Bố tôi nhận ngay ra người quen qua dáng vóc khỏe mạnh và vẻ ngoài kiêu hãnh. Bố tôi liền nói:

“Này công tử Alixandrel, xin hãy quay ngựa lại, vì đây là vấn đề sống chết. Chớ liều đi xa hơn.”

“Có gì thế, hỡi con người trung hậu?” Phu nhân Irinuta lên tiếng.

Và tôi nhìn thấy cô bước xuống thang xe, với những nơ những ren trắng dưới một chiếc dù hồng be bé. Đột ngột một cơn gió nổi lên từ sông Moldova, gió xoáy thành cơn lốc, xé toang màn bụi. Cùng lúc đó tôi nhìn thấy từ bìa rừng, vị quý tộc Bolomir phóng ngựa đến, theo sau là đám quân hầu. Tất cả đều gào thét định tai nhức óc.

Chúng tôi đứng lạng như trời trồng, chiếc áo của tôi như miếng vải liệm băng giá. Alixandrel thúc mạnh ngựa khiến con vật chồm lên, và anh ta rút từ túi ra khẩu súng lục. Phu nhân Irinuta thét lên một tiếng và nấp sau chiếc dù.

Vị quý tộc và bọn quân hầu nhào đến vây kín cỗ xe, túm lấy bố tôi và hắt người con trai vị tổng đốc Vuda khỏi yên ngựa.

“Đồ phản bội,” Bolomir gân cổ hét lên với bố tôi. “Lòng tận tụy của người đấy à? Lại còn thứ người tinh thông nữa! Hãy tóm tên này trói gô lại và lột da ngực nó làm giày cho ta. Nhưng hãy coi chừng, chớ để da có lấy một vết xước. Nếu không, ta sẽ treo cổ cả lũ. Còn người, đồ kẻ cướp, người có phải là con trai viên tổng đốc Vuda? Người tự cho mình thuộc dòng quý tộc hả? Cứ chờ đó, ta sẽ cho cả hai, người và con đàn bà này biết tay!”

“Này! Các người,” Bolomir gọi bọn tôi tớ, “hãy giữ chiếc xe chết tiệt này, tháo thùng xe, bánh xe ra, rồi buộc hai kẻ này vào đây. Ta muốn đưa chúng đi một mạch đến Iasi, chỉ dừng lại trong sân nhà thờ của Tổng giám mục.”

Bọn Digan hung hãn chiếm cổ xe và bắt đầu tháo phá thùng xe, bánh xe. Bọn quân hầu vụt roi ngựa tới tấp vào ông bố tội nghiệp của tôi. Một số bắt đầu xé áo quần của Alixandrel Vuda. Còn vị quý tộc tiến về phía phu nhân Irinuta, cắn giận đến sùi bọt mép, miệng thở phì phò còn tay lăm lăm roi da. Chiếc mũ lông sang trọng của ông ta rơi xuống đất, gió thổi làm rơi tung chòm râu và mớ tóc dài phủ ngang vai.

Bảy giờ, dưới chiếc dù nhỏ, người đàn bà bật ra khỏi xe, nhanh nhẹn luồn lách và thâm hiểm như rắn.

Cô thét một tiếng dữ dội, đầu ngẩng cao, cặp mắt đầy căm hờn nhìn thẳng vào đức ông chồng:

“Lùi lại đồ ghê tởm, lùi lại, hỡi kẻ đáng nguyên rủa!”

Cô vứt chiếc dù, tức thì những chiếc móng vuốt đen sì bỗng mọc ra từ tay và cô giơ ra dọa Bolomir. Hình như tôi còn nhìn thấy trong tóc cô rành rành hai chiếc sừng nhỏ hồi nào cô dư dứ trên đầu vị quý tộc.

Ngay lúc đó tôi nghe tiếng bố tôi thét lên dưới con dao của tên Digan Pârlea:

“Ngài Nastasa, ngài sẽ phải nhận sự trừng phạt của Chúa!”

Vừa đúng lúc con dao chạm vào ngực bố tôi, khiến ông buông lời nguyên rủa thì cảnh vật bỗng im lặng khác thường. Rồi một tia chớp, một tiếng sấm rền vang từ trên núi. Trời như sà xuống thấp, mây vần vũ, còn từ hướng tây một luồng gió mạnh ghê gớm táp vào mặt tôi, đóng sầm các cửa quán trọ.

Bên kia sông, trên đồi Bolandars, vòm trời như chuyển động và xoay nghiêng về phía mặt đất. Từ đó một tiếng rền khác thường và dữ dội vang lên trong thung lũng. Tất cả những người có mặt tại đây đều quay mắt nhìn nhón nhác. Chính lúc bấy giờ, con rồng xuất hiện. Nó tiến về phía chúng tôi như vũ bão. Tôi cũng nhìn thấy nó và hết sức hoảng sợ. Nó bay thẳng

đến chỗ chúng tôi. Cái đuôi thon mảnh của nó trông tựa một cái ống tròn đen thui chạm mặt đất. Mình nó vươn trên không, mồm nó ngoác ra như một cái phễu hướng về những đám mây. Không ngừng gầm rống, nó vừa tiến lên vừa chống chiếc đuôi trong khi hơi thở hút mạnh và tung lên trời những đồng rơm, mái nhà, lẫn cây to. Nó vừa phì phò vừa tuôn ra những dòng thác nước tưởng như đã hút toàn bộ nước sông Moldova để đổ lên đầu chúng tôi.

Trước sức mạnh ghê gớm của con rồng, bọn Digan súc vật nằm rạp, úp mặt xuống đất, Ancuța cũng thế, cô đã biến đâu mất, có Chúa mới biết cô ở xó xỉnh nào trong quán trọ. Còn tôi, tôi lao về phía bố, cởi dây trói. Tôi chỉ vừa kịp thu mình bên bố, dưới chiếc xe đã bị tháo bánh. Còn những con ngựa kéo xe hoảng sợ, liền quay đầu, lồng lên, vút chạy về phía Roman mang theo trong xe con trai tổng đốc Vuda.

Còn con rồng, nó tiến lại phía tên quý tộc từ phía sau lưng. Nó chộp lấy, xô ông ta ngã nhào, nện cho một trận, nắm lấy chòm râu và cứ thế kéo ông ta dờ sống dờ chết đem vút xuống một vực thẳm cách đó không xa.

Cũng đúng vào lúc ấy những thác nước trên bầu trời bỗng chấm dứt một cách thần kì. Chỉ còn nghe tiếng rống của con quái vật mỗi lúc mỗi xa dần. Tôi

nhìn thấy nó đi về phương bắc, sừng sững như một cây trụ, rồi như một cột khói tan dần mãi cho đến lúc vòm trời quang đãng trở lại.

Bolomir đã chết như thế. Có người khẳng định chính bố tôi đã kích động con rồng. Là một nhà chiêm tinh chín chắn, bố mặc kệ họ bàn tán, mặc dù hơn bất kì ai, bố tôi biết rõ con quái vật gây ra những cơn bão táp đã vâng lệnh ai. Từ đó không ai còn nhìn thấy hay nghe nói đến cô gái tóc vàng kia nữa.

NÀNG ANCUȚA THUỞ TRƯỚC

Nói thật ra, các bạn ạ, vào thời xưa đôi lúc đã xảy ra nhiều chuyện mà ngày nay xem như không tưởng tượng được. - Bác Ienache, người bán hàng rong, khẽ nói trong bóng hoàng hôn.

Hình như bác còn bị câu chuyện của ngài đại úy Neculai Isac ám ảnh. Tuy nhiên giọng bác đã kéo chúng tôi trở về hiện tại. Trong lúc chờ đợi, cô chủ quán AncuȚa mang đến những bình rượu mới loại ngon, chúng tôi làm quen với nhau qua dăm ba lời trao đổi. Vừa lúc ấy, một ngọn gió từ sông Moldova thổi đến. Tôi bước lại cời lửa và cho thêm củi vào bếp lò đã tàn, bị phủ một lớp tro mỏng. Khi lửa bùng lên, chúng tôi nhìn được mặt nhau thì gió ngừng thổi, nhường chỗ cho sương thu lan trùm lên mọi người ngồi trong quán trọ.

Bác Ienache lại tiếp tục nói:

- Mà ngay cả con người cũng không còn là những con người ngày xưa nữa. - Vị quan viên Ionița tỏ vẻ đồng tình trước ý kiến đó bằng cái gật đầu mạnh mẽ - Ngày nay chúng ta làm ăn với những con người hoàn toàn khác.

- Bác đã nói rồi. - Vị chức sắc vùng Drăgănești cầu nhàu, giọng bức tức.

- Mùa đông thời ấy cũng giá buốt hơn. - Bác bán hàng rong vừa kết luận vừa chìa cái tẩu đất có nắp bằng đồng thau về phía bếp lửa. - Chiếc áo choàng tôi đang mang trên người là của thời xưa ấy, các bạn hãy để ý mà xem. Còn bây giờ tôi không biết dùng nó để làm gì, ngay cả vào giữa mùa đông. Thật ra chỉ để làm dáng tôi mới khoác hồ trên vai như thế này đây. Cả ngài đại úy Neculai và ngài quan viên Ionița cũng biết rằng thời tiết thuận lợi bấy giờ làm cho con người dễ no hơn. Còn các thị trấn nhỏ không phải tạt nham như hiện nay với đủ những cửa hiệu mới ấy. Và những người bán hàng rong chúng tôi được tiếp đãi niềm nở ở nông thôn trên tinh thần bạn bè thân ái. Còn bây giờ, tôi phải còng lưng hơn vất vả hơn xưa, đã thế lại phải chuyển hàng lên tận miền núi cao. Chỉ ở đó mới còn những người chưa hề đến thành phố bao giờ. Giá mà các bạn thấy được má những cô gái

trẻ ửng hồng lên như thế nào lúc tôi bắt đầu mở các hộp hàng hóa. Ngay cả niềm tin vào Chúa thời bấy giờ cũng hoàn toàn khác. Các lái buôn đi đến Jerusalem và lúc trở về, họ hóa lừng danh như các vị thánh. Thế cho nên tôi, người đang nói chuyện với các bạn đây, cũng quyết đi một chuyến, không xa, nhưng cũng đến núi Athos⁽¹⁾. Tại đây tôi được nhìn thấy một tu viện xây trên bờ núi đá. Vì không có đường đi lại nên các vị chân tu ở đó lên xuống nhờ cái giỏ do một hệ thống ròng rọc điều khiển. Ngay ở chỗ chúng ta, tại thủ đô Iași, việc cai trị thời ấy cũng hoàn toàn khác ngày nay. Mỗi khi quốc vương rời lâu đài, cưỡi con ngựa ô khỏe mạnh, với đội cận vệ chung quanh thì lớp cùng đinh trong xã hội đều phủ phục xuống đất. Và khi một vị quý tộc bổ thí, ông ta không thấy ra một đồng xu mà là cả một đồng tiền vàng. Các bạn hãy biết rằng hồi đó tôi còn trẻ nên hiểu được thời kì ấy và tôi từng hưởng một cuộc sống vui vẻ khác hẳn ngày nay. Tôi đi chơi lang thang, lòng vô tư và ví tiền bao giờ cũng đầy chặt. Thế rồi một hôm trong khi chuẩn bị hành trang để đi hội chợ ở Baia, thuộc vùng đất phía bắc thì tại Iași, thủ đô của chúng ta, đã xảy ra một việc phi thường.

Xin phép các bạn một giây, cho tôi về thuốc nhét

(1) Núi Athos nằm ở Macedonia, đông bắc Hi Lạp.

ổng tẩu. Nói có Chúa, đây là một tật xấu của tôi, chưa kể các thói khác, và tôi phải thông cái tẩu này vì lẽ quý Satan chỉ có một ý định: làm cho nó tắc tị. Nhưng vị thánh ngự trị trên trời, dưới đất và các đại dương có lòng nhân đức đã dạy chúng ta cách dùng cái nạo. Xin trở lại câu chuyện: Trong lúc tôi lượn chơi ở phố Hải Quan tại Carvasará, đang bàn cãi về một sổ hàng hóa với hai lái buôn người Armenia, phía Beilic bỗng xuất hiện cảnh ồn ào ghê gớm, và một toán cảnh binh đang điệu cổ một người bị trói gô. Sau lưng họ có cả một đám đông, chủ yếu là đàn bà và trẻ em. Từ mỗi ngõ hẻm, mọi cổng nhà trong khu thương mại ấy, những con chó lai giống Boke nháy xỏ ra vừa sủa vừa tru tréo, còn ở các cửa hiệu, những người bán hàng háu tin đưa mắt nhìn nhau. Tất cả cảnh binh đều tiến bước, dao găm lăm lăm trong tay, khẩu súng dài sẵn sàng nhả đạn, tưởng như họ e sợ người đàn ông bị trói gô kia sắp bứt dây và quơ tay một cái đánh ngã tất cả. Quả thật, kẻ bị bắt là một người đàn ông cao to, khỏe mạnh, ngực nở, vai rộng, râu mép màu hung, cặp mắt đen láy. Anh ta kiêu hãnh nhìn đám đông. Chiếc áo chên thêu, đôi boots bằng da đỏ chứng tỏ anh ta là loại chức sắc giàu có.

Trong sổ cảnh binh có đội trưởng Costea Căruntu. Khi đi ngang qua các cửa hiệu, vừa vênh vang nhìn,

ông ta vừa thụi vài nắm đấm vào khuôn mặt bầm máu của tù nhân.

Tôi hỏi:

“Người đàn ông này là ai thế? Hắn tên gì, hỡi ngài Costea?”

“Đây là một kẻ gian ác và một tên phản bội.”

“Nhưng hắn tên gì và đã làm gì vậy?”

“Hắn tên là Todiriță Catană, một tay chức sắc nhỏ nhỏ điên khùng và bỉ ổi ở tỉnh Vaslui. Khi còn tại chức ở chỗ ngài đại danh thống đốc Bobeica, hắn dám cả gan ngấp nghé em gái ngài. Hắn còn dám quan hệ với cô ấy, tiểu thư Varvară quý phái và cả hai đã cùng bỏ trốn tối hôm qua. Nhưng vị đại danh thống đốc đã linh cảm có gì đó và bố trí người rình. Hai người bị theo dõi và bị bắt ở Moara de Vânt. Một cuộc chiến ác liệt đã xảy ra. Anh chàng Todiriță đánh bại tất cả bọn tôi tớ Digan và những kẻ hầu hạ của vị đại danh thống đốc. Phải một đội hiến binh hoàng gia trang bị dao găm mới vây bắt được hắn đấy. Hắn ra sức gào to rằng vì quý cô Varvară, hắn sẵn sàng hi sinh tính mạng. Sau đó chúng tôi phải trói gô hắn lại như các bạn đang thấy đây và tát vào mặt hắn đến rụng cả răng, rơi cả lưỡi để tên khốn nạn loại nó thối thía rằng chớ có chơi trò.

“Thưa ngài Costea Căruntu, ngài đã làm đúng.” Tôi trả lời ông ta, và những người chủ hiệu chung quanh cũng đồng tình.

Khi chúng tôi nói thế thì tên khốn kiếp Todiriță quay lại và ném về phía chúng tôi một cái nhìn sắc nhọn và bức tức. Đây là một con người oai vệ và táo bạo. Tôi phải thú nhận là mình có hơi sợ cái nhìn của anh ta. Rồi tôi tự nhủ: “Dù sao hắn cũng sẽ bị treo cổ.” Bấy giờ nỗi sợ của tôi mới chấm dứt và tôi cười. Sau đó tôi lại nói với viên cảnh binh:

“Thưa ngài Costea, vì hành động dũng cảm của ngài, đức thống đốc Bobeica nên ban đất tặng ngài. Giá mà ngài có lòng tốt kể cho chúng tôi biết tiểu thư Varvară, em gái của đại danh thống đốc, hiện ra sao thì tốt biết mấy.”

“Về phần tiểu thư Varvară, theo tục lệ, ngài quý tộc sẽ đưa cô đến tu viện Agapia để cô ăn năn hối lỗi. Người ta đã dành cho cô một cỗ xe và một đoàn tùy tùng. Về phần tên chức sắc mất trí kia, tôi sẽ đem hắn nhốt vào tháp Golia. Hắn sẽ ở đấy chờ bản án của quốc vương. Nhưng ai khôn ngoan đều biết rằng đời hắn nhất định sẽ kết thúc đau đớn.”

“Quả vậy.” Tôi khẳng định chắc nịch.

Và tất cả những nhà buôn trong phố đều gật đầu

đồng tình, bảo rằng tương lai cũng mách cho họ một sự phán xét công minh như thế!

Sau đó cả khu phố, bao gồm cả chó, phụ nữ, trẻ em bắt đầu đi theo đoàn cảnh binh, làm tốc lên cả một đám bụi mù chẳng khác lúc có một đoàn di cư đi qua. Còn Costea Căruntu thỉnh thoảng lại đánh vào mặt người chức sắc bị trói gô. Cứ thế họ áp giải người tù nhốt vào tháp Golia. Về phần tôi, tôi còn phải ngã giá với tay lái buôn Armenia. Khi định giá xong, hàng hóa được trả bằng tiền vàng. Tôi vác túi lên vai đi về nhà để xếp vào hộp các thứ hàng hóa đẹp đẽ và quý giá sẽ làm say mê con tim cùng đôi mắt của phái đẹp. Tôi chọn lựa cẩn thận, xếp đặt đúng thứ tự vào hộp, lau chùi sáng bóng các khóa đồng theo thói quen như các bạn vẫn thấy ngày nay. Rồi tôi đánh một giấc cho đến khi gà gáy canh ba mới trở dậy chuẩn bị ra đi. Vác túi hàng trên vai, tay cầm gậy và ống tẩu, tôi bắt đầu bước thấp bước cao lên đường lúc trời còn tranh tối tranh sáng. Đến chỗ con đường nhỏ gần tháp Golia, tôi nghe có tiếng ồn ào. Ngoài cổng lớn tu viện, nhiều kị sĩ xuất hiện, tóc tung bay trong gió.

“Xin miễn thứ cho, hỡi bà con. Cái gì thế? Xảy ra chuyện gì vậy các bác?”

Ngài Costea đầu trần, tay cầm roi da đang thét to:

“Chạy đi các chàng trai. Chắc hắn trốn về phía

giếng nước Păcurarilor. Chớ để hấn thoát. Nếu chộp được cứ việc đâm, đưa hấn về đây, chết cũng được.”

“Thưa ngài Costea,” một người Albania đứng tuổi lên tiếng, “ai biết được tên khốn kiếp chạy lồi nào. Khi còn bị trói gô, hấn thuộc về ta, dưới quyền sinh sát của ta. Còn bây giờ tay hấn đã được cởi trói, hấn có vũ khí, lại đang trên mình ngựa thì không một chàng trai nào có thể đuổi kịp và trừng trị hấn.”

“Lão già làm nhảm cái gì thế?” Người đội trưởng cảnh binh gầm lên.

“Đừng giận, tôi nói thật đấy ngài Costea ạ. Chúng tôi đã biết hấn từ lâu. Con người táo tợn đó từng phục vụ trong quân đội Áo. Hấn từng khiến cả những tên German thời xưa kinh ngạc, đó là chưa kể hấn đã được tôi luyện trong những trận chiến ra trò, mang trên người không biết bao nhiêu vết sẹo do dao đâm, đạn bắn. Ngựa đang chạy nước đại mà hấn cứ đứng trên yên, nắm trong tay phải một túi lúa mạch. Hấn lao về phía trước như một con cừu đực mang cặp sừng lớn, sẽ rất nguy cho kẻ nào chạm phải hấn, vì kẻ đó sẽ ngã ngay. Khi biết hấn là ai, chúng tôi đã trói gô hấn lại, ném lên sàn nhà, khóa kĩ các cửa. Chỉ có thằng điên như hấn mới có thể gặm đứt dây trói rồi buộc dây vào chân song, tìm lối thoát qua lan can và tụt xuống bờ tường. Hấn chộp tên lính gác, tước vũ khí, chiếm

thanh mã tấu và súng lục, tìm một con ngựa và đi mất. Thưa ngài Costea, làm sao chúng tôi đoán được hướng đi của hắn và trấn áp hắn đây?”

Trong khi đó, ngài Costea cứ quay quắt la hét như bị quỷ ám. Vì thế bọn lính phải nhảy lên ngựa và phân tán các nơi. Khi đã xua đi hết tất cả lính tráng của mình, viên sĩ quan cảnh binh mới bình tâm một chút, ông ta thở không ra hơi và sắp ngất. Có một người hầu cận luôn bên cạnh ông ta. Ngài Costea Căruntu liền ra lệnh cho hắn mang vũ khí và một con ngựa đầy đủ yên cương đến.

Lúc bấy giờ tôi mới mạnh dạn lại gần và sừng sốt hỏi:

“Thưa ngài Costea, tôi không tài nào hiểu được tại sao một việc như thế có thể xảy ra giữa lớp tường thành vững chắc và trong cái tháp như tháp Golia? Không cần nói đến tháp, chớ nói đến tường, các ngài có thiếu súng ống, dây xích và lính tráng đâu? Có thể nào tên khốn kiếp ấy lại chạy trốn dễ dàng như thế và dám làm ô danh một gia đình cao quý nhường kia?”

“Cứ hỏi tôi, hỏi mãi tôi đi bác Ienache, bởi tôi cũng không biết trả lời sao đây cho bác.” Người sĩ quan cảnh binh phì cười. “Bây giờ mọi người sắp quấy rầy tôi và ngài Bobeica sẽ nổi giận. Mọi thứ đều hỏng bét. Con đường công danh, việc thăng quan tiến chức

thế là đi tong. Tôi chỉ còn mỗi một việc là phải đến nhà thờ, cúng một đồng chinh cho ông giám trưởng Nicanor để ông ta cầu siêu cho tôi, giải thoát tôi khỏi nỗi bất hạnh lớn này. Thì giờ gấp rút, tôi đã cảm thấy sau lưng chiếc roi da và sự trừng phạt của ông chủ rồi. Một mặt tôi phải lao đi tìm tên khốn, mặt khác cần trở lại đây ngay vì khi mặt trời mọc, tôi có nhiệm vụ lên đường với tiểu thư Varvară. Tôi phải cùng những anh em cảnh binh hộ tống tiểu thư đến tận tu viện Agapia, đề phòng trên đường xảy ra một tai họa chưa biết chừng. Tóm lại, tôi không biết tính thế nào đây. Con tim tôi, hỡi người anh em Ienache, chẳng khác nào một miếng sắt nung đỏ bị búa đập.”

“Sao lại lo sợ quá như thế ngài Costea?” Tôi cố trấn an. “Cuối cùng ngài cũng bắt được tên khốn ấy thôi, rồi ngài sẽ đưa ngay tiểu thư đến tu viện. Tòa án và ngài quý tộc sẽ hài lòng về sự tận tụy của ngài, theo lẽ thường ngài sẽ được trọng thưởng.”

Nói xong, tôi từ giã ông ta gần chỗ tháp Golia. Ông ta đang sục sôi phần nộ và vội vã đi theo con đường dẫn ra vùng ngoại ô trước khi mặt trời mọc. Trong thâm tâm, tôi hi vọng lần này chính quyền lại thắng kẻ gian ác. Vừa ra khỏi thành phố, tôi gặp mấy người cảnh binh cưỡi ngựa về không. Họ cho ngựa đi bước một, mình ngựa đắm mồ hôi. Tôi chợt hiểu tại

sao ngài Costea hướng những tên tùy tùng của mình đi về phía ấy. Không nghi ngờ gì nữa, đó là con đường đoàn xe của tiểu thư Varvară sắp đi qua để đến tu viện. Rất có thể, một con người táo tợn như Todiriță nhất định mưu toan rình rập trên đoạn đường này. Tôi cũng hiểu đó chính là điều ngài Costea rất lo sợ.

Tôi đi được khá lâu. Khi mặt trời lên cao và túi hàng bắt đầu đè nặng lên vai, tôi dừng lại bên một giếng nước để giải khát. Tôi ngồi bệt xuống đất, quá mệt vì nóng bức, đang mãi chăm chú nhìn về phía chân trời xem thử có bác nông dân nào cho tôi lên ngồi nhờ xe chở rạ chẳng. Và lần này nữa, Chúa lại cứu giúp tôi, vì một chiếc xe, trên có một người ngồi vừa xuất hiện. Người đó cho xe dừng lại bên giếng để ngựa uống nước và khi tôi nói với anh ta vài lời thân ái, anh ta trả lời rất ân cần. Tôi xếp gọn các hộp của mình lại và lên ngồi bên cạnh, trong đám rơm khô. Chúng tôi tiếp tục đi như thế qua các làng mạc, những vùng đất hoang cho đến tận Târgu-Frumos. Tại đây anh bạn đường của tôi theo hướng khác, còn tôi với các hộp mang trên lưng thì đi dưới bóng mát của cây rừng cho đến lúc mặt trời lặn. Sau đó, mặt trăng hiện ra.

Bảy giờ tôi đặt các gói hàng bên một giếng nước khác và ngồi nghỉ, đợi Chúa gửi đến một chiếc xe

khác. Lần này lại là một cỗ xe nhẹ có hai con ngựa kéo rất khỏe. Người đánh xe dừng lại và hỏi:

“Ông bạn từ đâu đến?”

“Từ mãi Iași kia, thưa ông chủ trang trại. Lòng tốt của ông sẽ giúp tôi rút ngắn đoạn đường, vì tôi là kẻ bán hàng rong, bạn của nhân dân, không hề làm hại ai bao giờ.”

“Nếu bác từ Iași đến, xin mời bác lên ngồi bên tôi đây, nhưng phải nhanh lên.” Người đàn ông đáp lại.

Tôi leo lên ngồi cạnh anh ta và sau đó chúng tôi qua sông Siret. Gần chỗ cầu, mặt trăng đang đùa nghịch cùng dòng nước và hắt lên những tia sáng dịu dàng.

Định quay sang người bạn đường để cảm ơn và trao đổi vài lời thân ái, tôi chợt nhận ra bên cạnh tôi là Todiriță. Anh ta cười để lộ hàm răng trắng bóng và tôi lo sợ anh ta có thể cũng nhận ra tôi.

“Ông là người bán hàng rong đã cười khi thấy tôi hôm qua ở phố Hải Quan tại Carvasará, phải không?”

“Tôi cười vì lẽ trong trí tôi bỗng xuất hiện khuôn mặt vị đại danh thống đốc Bobeica của anh. Xin anh đừng ngại, tôi chỉ là một kẻ nghèo khó đáng thương.”

Anh ta vắn lại:

“Hãy biết rằng ông chỉ là một con cừu trong bầy cừu và kẻ chăn cừu là con sói, chẳng có gì khác.”

“Tôi cũng nghĩ thế, nhưng vì Chúa xin anh đừng giận.”

Anh ta lại cười. Rồi một tiếng còi vang lên và hai con ngựa nghe tiếng hiệu liền rảo bước đi nhanh. Vị chức sắc Todiriță quay sang tôi:

“Người ta còn bàn tán gì ở thành phố nữa không? Ở Iași ấy?”

“Anh còn muốn người ta bàn tán gì nữa?” Tôi trả lời. “Tôi biết nếu không thú thật với anh cũng chẳng được. Costea Căruntu thuộc đội cảnh binh đã cử cả một đội quân đuổi theo anh, và bản thân ông ta sẽ hộ tống tiểu thư Varvară đến tu viện Agapia. Theo ý tôi, ông ta chắc lên đường lúc mười giờ sáng.”

“Tốt lắm.”

“Nghĩ sao tùy anh, nhưng anh nên biết ông ta đoán anh sẽ có mặt trên đoạn đường này, cho nên đã gọi thêm viện binh. Vì vậy, anh phải thận trọng vì anh chỉ có một mình.”

Vị chức sắc lại mỉm cười:

“Hãy nghe đây ông già, tôi chẳng sợ cái chết, và ông hãy coi chừng nếu nói khác đi. Chỉ một lát nữa thôi chúng ta sẽ đến một chỗ gọi là quán rượu Ancuța. Tôi định dừng lại ở đây và kiên nhẫn chờ Costea đến cùng toàn bộ đạo quân của hắn. Khi hắn đến, hắn sẽ không tìm ra tôi ở đây. Nhưng tôi sẽ ở rất gần, luôn

để mắt đến ông và cũng sẽ nghe được những điều ông nói với hắn. Hắn sẽ hỏi và ông sẽ trả lời rằng tôi tiếp tục đi trên đường cái về phía Timișești, rằng tôi đang chạy trốn và hết sức hoảng sợ. Nói với hắn sự thật rằng ông đã gặp và nhận ra tôi. Phải lặp lại đúng từng chữ một, nếu không có thể chúng ta chẳng còn gặp nhau trong cuộc sống chó má này.”

Nghe những lời ấy, tôi cúi đầu và nhất nhất đồng ý. Riêng tôi thầm nghĩ có thể tên khốn này đã sợ thật và đang chạy trốn trước uy quyền của quốc vương. Chẳng ai có thể lẩn trốn sức mạnh của uy quyền.

Thế là, thưa ngài đại úy Neculai và thưa ngài quan viên Ioniță, tôi vừa kịp đến cái nơi lâu nay vẫn được gọi là quán trọ Ancuța, lòng chỉ mong sao kẻ phạm tội sẽ bị trừng trị và an ninh trật tự được giữ vững.

Quán trọ đóng kín và trơ trọi. Vàng trắng như chia sẻ nỗi quạnh hiu!

Todiriță gọi cửa. Bầy chó xúm lại sủa toáng lên. Từ bên trong đột ngột cất lên giọng nói của Ancuța. Còn vị chức sắc thì la to:

“Này Ancuța, người đẹp của tôi, tôi kêu gọi tình bạn và sự phán xét của cô. Tôi là Todiriță ác ôn đây, nếu cô quên tôi, cô sẽ biết tay tôi.”

Ancuța im lặng, cô vuốt ve con chó rồi quyết định

mở chốt cửa. Ánh nến rơi vào mặt chúng tôi. Cô nói với tên ác ôn Todiriṭṭa:

“Hãy vào đi, có thật ngài là vị chức sắc đang nổi danh không? Hôm nay tôi nghe được nhiều tin về các chiến tích của ngài ở Iasi lắm.”

Lúc bấy giờ tên ác ôn rướn người lên nhìn chòng chọc vào cô. Ancuṭa thuở ấy là một người phụ nữ rất đẹp, cũng như Ancuṭa ngày nay. Ancuṭa nhìn tên ác ôn rất lâu bằng đôi mắt to và sáng. Đến lượt vị chức sắc nhìn lại cô khá lâu, rồi hấn đặt trên ghế dài con dao găm và những khẩu súng lục. Quay người lại, hấn nắm bàn tay buông thõng của cô chủ quán. Ancuṭa bắt đầu cười:

“Ngài hãy chờ một chút để tôi đặt cây nến xuống và đóng cửa đã.” Cô nói. “Sau đó ngài sẽ cho tôi biết những điều đang chất chứa trong tim ngài. Tôi biết trí óc ngài có phần không bình thường, nhất là khi ngài dám đương đầu với các hoàng thân. Người ta thấy rõ là ngài chẳng biết điều, vì nếu không ngài đã chẳng bao giờ yêu con gái một vị chúa đất, ngài lầm đường rồi. Hình như danh ngài đã nổi như cồn từ khi ở tháp Golia, ngay giữa thành phố. Cảnh binh chạy như điên, rồi cả mật vụ của quốc vương cũng đang tìm ngài trên khắp các ngã đường. Cuối cùng họ cũng tìm ra thôi. Họ sẽ khiến ngài khốn khổ.”

“Này cô Ancuța xinh đẹp,” Todiriță đáp lại, “nếu định mệnh bắt tôi phải chết, tôi sẽ chết. Nhưng vì tình yêu, tôi có thể hi sinh cuộc đời và những năm tháng tuổi trẻ. Cô hãy biết rằng đêm nay, không quá lúc một hay hai giờ, đám cảnh binh sẽ gõ cửa quán này. Chỉ huy của chúng là Costea, kẻ đã sung sướng đánh vào mặt tôi trước công chúng. Tên Costea ấy, hỡi cô Ancuța xinh đẹp thân mến, hẳn đang trên đường hộ tống tiểu thư Varvară đến tu viện Agapia. Và tôi, tôi dám giằng lấy người yêu từ tay bọn chúng, và hoặc là tôi thắng, hoặc tôi để lại đây bộ xương của mình.”

Trước những lời nói ấy, tôi thấy Ancuța rùng mình. Cô cup mi mắt, sợ hãi đưa lòng bàn tay áp lên má và thốt lên một tiếng kêu tự đáy lòng:

“Thiên hạ nói có lí, ngài điên rồi ngài Todiriță ạ.”

Nhưng cô lấy lại bình tĩnh. Cô căng thẳng nghiêng đầu về phía Todiriță, lắng nghe kế hoạch của anh ta. Rồi hai người rút vào cuối phòng gần bếp lửa, tại đó họ ra sức bàn mưu tính kế, nhưng theo tôi, Ancuța là người hăng hái hơn cả.

Sau một hồi lâu bàn tính và tranh luận, Todiriță để mắt đến tôi. Anh ta đứng trước mặt tôi và im lặng nhìn tôi chòng chọc. Tôi làm tất cả để thoát khỏi cặp mắt tinh anh ấy nhưng không được. Thậm chí tôi còn cố không nói gì với anh ta nữa. Tôi hiểu anh ta đã kí

giao kèo với thần chết, nên trước hết tôi phải chú ý đề phòng.

“Nào đi đi, đừng lần lữa nữa.” Ancuṭa thì thầm trong khi Todiriṭṭa cầm vũ khí lên.

Cô vỗ nhẹ lên vai Todiriṭṭa. Anh ta quay hẳn người lại, nên tưởng như cô đã bẻ quặt tay anh ta. Todiriṭṭa choàng bàn tay phải qua cổ và ôm hôn cô.

“Nếu chồng tôi mà thức dậy và nhìn thấy ngài,” cô mỉm cười, “dù tuổi tác đã lớn, anh ấy vẫn sẽ tức giận thôi...”

Ancuṭa đứng im sau cánh cửa, đóng tai lắng nghe trong lúc vị chức sắc nói những lời vỗ về với con ngựa và ra đi. Tiếng lịch kịch của chiếc xe xa dần rồi mất hẳn, nhưng Ancuṭa vẫn còn đứng đấy.

Tôi ngồi bên cạnh các hộp hàng hóa mà lòng rối bời. Kẻ nào đã đưa nhanh những tin tức ở Iasi đến đây và làm sao hai người lạ lại hiểu nhau đến thế? Tôi ngẩn nhìn Ancuṭa đang ngồi trên chiếc ghế dài. Cô nhìn tôi và ánh mắt sáng long lanh, nhưng thật ra không hề thấy tôi. Điều bộ như một người mù, cô đóng tai nghe. Còn tôi cứ ngồi yên như thế cho đến lúc bỗng nhiên có tiếng ồn ào trên con đường lớn. Sau đó, cả đoàn người oai vệ của Iasi dừng lại trước sân, với nhiều tiếng kêu la í ới và tiếng roi da vun vút. Liền

đó tôi nghe giọng nói sang sảng của Costea. Cô chủ quán đứng lên mở cửa và cầm bó đuốc giơ cao. Có thể nói rằng mãi sau đó cô mới nhớ ra sự có mặt của tôi. Cô khẽ cúi đầu rí vào tai tôi:

“Còn bác, bác Ienache, bác hẳn đã biết phải nói năng thế nào.”

Đoàn cảnh binh xông vào đòi uống rượu. Nhưng Costea Căruntu liền nạt và đuổi họ ra ngoài. Tại đây, trên xe dưới ánh trăng, tôi nhìn thấy tiểu thư Varvară ngồi trên những tấm đệm da, đầu cúi xuống, gồi chống cằm. Đối với tôi, nàng như một cái bóng. Tôi chắc rằng nàng đang khóc.

Còn Costea vừa khua gươm lách cách bên sườn vừa tiến lại phía chúng tôi. Ông ta nhận ra tôi:

“Bác đã đến đây rồi à? Làm sao có thể? Nói xem nào, trên đường bác có tình cờ nghe biết tin tức gì về tên khốn nạn chúng tôi đang lùng bắt không?”

Tôi trả lời:

“Thưa ngài Costea, tôi không chỉ nghe về Todiriță ngài đang tìm mà còn nhìn thấy hắn nữa kia.”

“Không thể nào!” Vị cảnh binh kêu lên, còn cô chủ quán quay lại nhìn tôi chằm chằm và nói:

“Bác ta có nhìn thấy hắn.” Cô chêm vào. “Hắn đã đi qua nơi này.”

“Quả vậy.” Tôi khẳng định. “Hắn đã qua đây và tôi thấy hắn hoảng sợ, đang chạy trốn về phía bên đò Timișești.”

Tôi nghe rõ tiếng cười ha hả của bọn lính. Còn Costea thì hét lên:

“Trước vòng vây của chúng tôi làm sao hắn có thể thoát được?”

Cô chủ quán mỉm cười, dịu dàng nói:

“Người ta đồn rằng hắn còn liên kết với một bè lũ táo gan hơn. Chúng có ý định cướp phá các ngài đấy.”

“Sao? Cái gì?” Vị đại diện chính quyền lên tiếng. “Đầu hắn sẽ được treo trên mình ngựa của tôi.”

“Sau cơn mưa này, nước sông đang lên.” Cô chủ quán hờ hững nói. “Khó băng qua Timișești lắm.”

“Khó à? Không có lỗi khác sao?”

“Có chứ, có thể đi Tupilati bằng đò.”

“Thế thì tôi sẽ điều người phóng ngựa vây nó tại Timișești, còn tôi qua đò đi Tupilati với cỗ xe đang chở món hàng quý báu của mình. Nhất cử lưỡng tiện, các vị bề trên sẽ bằng lòng đấy. Như thế sẽ tránh được những chuyện không may.”

Trong hơn một khắc đồng hồ, những người trong đội cảnh binh đi đi lại lại, còn cô Ancuța xinh đẹp

không ngần ngại đi xuống hầm rượu với tôi. Từ đó, chúng tôi chuyển ra những bình rượu vang to dưới ánh trăng. Toán lính uống rượu và la hét thách thức nhau, thề sẽ giết chết tên tù khốn kiếp, rồi rời khỏi, đi trên con đường lớn. Còn ngài Costea, cùng một nhóm cảnh binh, thì lên xe theo hướng ngược lại, về phía bên đò Tupilati. Cô Ancuța xinh đẹp dẫn họ theo một đường tắt và luôn để mắt đến tôi. Đến bên sông, Costea lớn tiếng gọi đò. Chúng tôi thấy một cụ già tóc dài che cả mắt, đã thế còn bị điếc, xuất hiện.

“Đưa chúng tôi qua bên kia!” Costea rít lên và vừa dùng gươm chỉ.

“Xin tuân lệnh ngài,” ông già sợ hãi lắp bắp, “nhưng nước đang lên thừa các ngài, nên chờ nhiều người một lúc, chưa kể xe và ngựa thì nguy hiểm lắm, đây là chưa tính đến chuyện đêm hôm tăm tối.”

“Mặc kệ đi, bố già Bara ạ.” Cô chủ quán ghé vào tai ông lão nói lớn. “Cụ hãy lần lượt đưa họ qua. Trước tiên là ngài Costea và tiểu thư đây cùng với cỗ xe. Sau đó sẽ đưa tiếp những người khác. Thừa ngài Costea, việc này không dính gì đến tôi, đây chỉ là ý kiến bình thường của tôi, việc quyết định và ra lệnh là ở ngài.”

“Hãy chú ý, ông lái đò.” Costea nói. “Đầu tiên là cho tôi với em gái ngài đại danh thống đốc Bobeica qua. Liệu chừng mà chèo chống đây.”

Ông lão rút đầu vào vai và chạy đến chỗ chiếc đò. Còn Costea Căruntu thì ra sức dỡ dành tiểu thư Varvară để nàng xuống xe. Trông tiểu thư đáng mảnh mai và có vẻ hoảng sợ. Khi đến chỗ con đò, Ancuța xinh đẹp bước lại gần tiểu thư, và nhìn vào tận mặt cô gái. Dây thừng kéo đò bắt đầu kêu cọt kẹt trong ròng rọc. Và cũng như mọi đêm, ánh trăng chiếu xuống mặt nước bị vỡ tan thành trăm nghìn mảnh bạc.

Con đò chậm chạp cập bờ bên kia. Cảnh vật im lìm, hiu quạnh. Không một giọng nói. Chẳng một cử động. Cả Ancuța cũng im lặng đứng nghe. Ánh trăng chiếu sáng trong mắt cô. Tâm trí cô đang căng thẳng nghe ngóng. Đến một lúc nào đó, tự nhiên tôi cũng đâm lo. Chẳng hiểu có việc gì đã xảy ra, nhưng có những tiếng kêu ở bên kia sông, sau đó là tiếng gọi của Ancuța và những người có mặt ở phía bên này sông.

Rất sớm, vào lúc rạng đông, những chủ trại vùng Tupilati đã đưa chiếc đò sang bến chúng tôi. Trong một khoang đò, ông lão Bara bị trói gô, ở một khoang khác là ngài Costea bị trói chặt đến tứa máu và bị nhét giẻ vào mồm. Khi tôi mở dây trói và lôi giẻ ra, ông ta quần quai và phun khỏi miệng những chiếc răng cửa cùng máu cục. Ông ta mệt lử, đến độ đâm thuộc hạ phải đặt ông ta nằm lên xe chở về sở cảnh binh. Đây, chuyện như thế đó, chính bản thân tôi

cũng ngạc nhiên về sự cố ấy và cũng hiểu ra rằng khi Ancuța xinh đẹp vờ đưa mắt nhìn trắng là thật ra cô đang đóng tai lắng nghe có việc gì bên kia sông. Tôi không biết đã xảy ra việc gì, ngài Costea chẳng bao giờ chịu hé răng kể.

Rất có thể tên tội phạm Todirița đã phục sẵn ở đây và hành hung ngài cảnh binh trưởng. Ngoài ra, gã tình nhân của tiểu thư Varvară cùng cô chủ quán đã bàn luận khá kĩ, và trước nay chưa hề có người đàn bà nào lập được chiến tích như thế. Mãi sau này qua cô chủ quán tôi mới biết Todirița đã tìm nơi chung sống với tiểu thư Varvară tại đất nước Hungary. Tôi vẫn ngờ rằng Ancuța của chúng ta có nhúng tay vào âm mưu này. Hãy tin tôi, ngài đại úy Neculai và ngài quan viên Ionița, tôi từ lâu đã thật sự sửng sốt khi nghĩ rằng một điều xấu xa ghê tởm như thế, một sự đọa đầy như thế lại có thể xảy ra ngay giữa thành phố Iași và trên dòng nước sông Moldova của chúng ta.

NHỮNG MẶT HÀNG LEIPZIG

Cuối cùng giờ mong đợi đã đến, tôi có thể được thích thú nghe câu chuyện của vị quan viên Ioniță đáng kính. Nhưng trong sương chiều chợt vang lên tiếng kêu từ phía đường đi Suceava. Đang ngồi quanh bếp than đỏ rực, tất cả chúng tôi đều nhất loạt quay đầu về hướng ấy. Người đầu tiên đứng lên, vừa đặt chiếc cốc xuống đất, chính là vị quan viên Ioniță.

- Gì thế nhỉ ? - Ông bồi rồi hỏi.

Chẳng ai biết, nên không ai trả lời. Vị quan viên bước hai bước ra phía đường cái. Ngay lúc đó cô Ancuța cũng xuất hiện, tay xách một chiếc đèn lồng. Cô giơ đèn ngang ngực, ánh sáng làm ửng đỏ đôi má cô, làm mắt cô sáng lên, vì thế có vẻ sâu thẳm và đen hơn. Cô bước xuống hai bậc thêm, vội vã đi ra ngoài đường cái.

- Chắc là một chiếc xe chở hàng nào đó, bạn Ioniță
ạ. - Viên đại úy Isac có ý kiến.

- Chắc là những người chở hàng. - Vị chức sắc
đồng tình.

Các ông đoán quả không sai. Những tiếng gào to:
“Họ, họ” gọi bò dừng lại. Ánh đèn xuyên thủng
bóng đêm cho chúng tôi thấy những chiếc xe lớn phủ
vải bạt như vừa trôi lên từ mặt đất. Nhiều người mặc
đồ trắng đang chuyển động, khi ẩn khi hiện.

Một người nào đó vui vẻ reo lên:

- Xin chào cô chủ quán Ancuța.

- Hoan nghênh các ông đã đến. - Cô chủ quán trả lời.

Giọng nói như hát của cô, chúng ta cũng từng biết,
nghe thật êm dịu. Hai tay nâng chiếc đèn lồng lên
trên đầu, cô nghiêng trán để phân biệt được rõ khuôn
mặt những người vừa đến. Trong vùng sáng chiếc
đèn, một người đàn ông râu rậm được chải chuốt và
cắt xén cẩn thận, mặc áo choàng đang tiến về phía cô
chủ quán. Ông cười làm rạng rỡ khuôn mặt đầy đặn,
vui tươi của một người được ăn uống đầy đủ.

- Hẳn là một nhà buôn. - Viên đại úy Neculai xác định.

Cô chủ quán nhận ra ông khách quen, giọng liền
chuyển thành những cung bậc ngọt ngào:

- Đúng là ngài đây ư, ngài Damian? Vậy xin lần thứ hai được chúc mừng sự có mặt hôm nay của ngài. Hãy cho tôi niềm vui được có ngài dưới mái quán trọ của tôi. Hãy truyền lệnh cho các xe của ngài vượt qua chiếc cầu nhỏ, cẩn thận kéo nhào xe đẩy. Bảo họ đưa xe vào nhà xe, ngài đã biết rồi đó; cửa nẻo ở đây chẳng khác gì của một thành trì. Một khi đã cài chặt, ngài có thể ngủ yên, ngay cả khi ngài có mang theo vàng trong bao tải.

- Tôi chẳng bao giờ chở vàng, cô chủ quán thân mến ạ. - Người lái buôn vừa cười vừa tự bào chữa.

- Tôi biết, thưa ngài Damian. Hẳn ngài phải có trong đó nhiều thứ còn quý giá hơn, nhưng ngài đừng sợ. Không kể những cửa nẻo ngài đã biết, chúng tôi còn có ở đằng kia, quanh bếp lửa, cả một phường hội đáng yêu, toàn là khách trọ, đang nhắm rượu mới cất. Hôm nay tôi vừa thết những con gà giò thật béo. Còn bánh mì thì vừa mới ra lò. Tôi hi vọng tất cả sẽ vừa ý ngài, vì lẽ tôi không quên ngài quý mến những con người lương thiện, lịch sự.

Vị quan viên liền cao giọng:

- Nếu ngài đây là con người như cô nói, chúng tôi vui lòng xếp chỗ và mời ngài ngồi gần bên bếp lửa chúng tôi.

- Đây là ngài quan viên Ioniță vùng Drăgănești. -
Cô Ancuța giới thiệu, giọng tí tê như chim gáy.

Người lái buôn liền cúi chào vị quan viên và những người khác ngồi quanh bếp lửa.

- Bao nhiêu là vinh hạnh các ngài dành cho tôi. -
Người lái buôn đáp lời. - Xin các vị khách đáng kính xem tôi như một kẻ tôi tớ hèn kém. Bây giờ thì xin phép các vị, tôi cần lo thu xếp hàng hóa, xe cộ. Xong việc sẽ không ai sung sướng như tôi lúc được nhấm nháp bên các vị một cốc rượu vang mới sau khi ăn, bởi vì như một nhà hiền triết đã nói, rượu làm sáng khoái tâm hồn và khỏe mạnh cơ thể.

Vị quan viên quay trở lại bên bếp lửa, giọng quả quyết:

- Tôi nhớ ra người lái buôn này rồi.

- Ngài nói đúng, ngài quan viên đáng kính ạ. - Bô già Leonte công nhận. - Người nào mới lần đầu gặp gỡ đã nói cười thì trong tim họ không có xảo quyết, hiểm độc. Hơn nữa, nếu lại được Chúa cho sinh ra dưới sự bảo hộ của chòm Sư Tử và dưới ảnh hưởng của mặt trời, người đó sẽ không gặp trở ngại trong xây dựng cơ đồ và được hưởng ân huệ của những người quyền quý. Họ làm ăn lương thiện và thịnh vượng, họ bước đi kiêu hãnh, giẫm mạnh gót giày mà vẫn hiền lành, nhã nhặn.

- Nếu thế thì bố già Leonte ơi, bác thử hỏi xem ông ta sinh dưới sự bảo hộ của chòm sao gì. - Vị quan viên vui vẻ kết luận.

- Nếu điều đó khiến ngài vui thích thì ngài hãy hỏi ông ta. Tôi thấy chẳng khó đâu. - Nhà chiêm tinh xác nhận.

Những chiếc xe và người đánh xe vượt qua chiếc cầu nhỏ dưới ánh đèn lồng của cô Ancuța. Tôi đếm có ba chiếc xe lớn chở thật nặng. Trục xe cứ rít từng tiếng nặng nhọc. Những người đánh xe thúc bò tiến lên. Những chiếc roi quất khế. Những chiếc xe bốn bánh vượt qua và khuất vào nhà xe. Chúng tôi còn nghe nhiều giọng nói đối đáp nhau, tiếng những chiếc ách được tháo, rơi xuống hết cái này đến cái khác, xen lẫn giọng nói tươi tắn, trong sáng của cô chủ quán. Sau đó, người lái buôn đi về phía chúng tôi, vóc người cao to, núng nính trong chiếc áo choàng, nện mạnh gót giày.

- Xin chúc sức khỏe mọi người. Tôi thật vui sướng được gặp các ngài. - Ông ta nói.

- Cảm ơn ngài, - vị quan viên nói - thưa ngài Damian đáng kính...

- Tên tôi là Damian Cristisor. - Người lái buôn nói thêm. - Tôi có cửa hiệu ở Iași, tại một phố lớn.

- Tốt lắm. Xin mời ngài Damian đáng kính vào

chỗ ngồi gần bên tôi, trên khúc gỗ này. Như thế dưới ánh sáng bếp lửa, chúng tôi có thể thoải mái nhìn ngài, còn về phía ngài, ngài cũng có thể nhìn chúng tôi, và mọi người sẽ làm quen với nhau. Này, ông bạn già thông thái của tôi, bố già Leonte đây là một nhà chiêm tinh, khẳng định ngài Damian đáng kính sinh ra dưới chòm Sư Tử⁽¹⁾. Có phải đúng như thế không, thưa ngài?

Người lái buôn hấp háy mắt, tưởng như ánh sáng bếp lửa làm ông bị thương ở mắt. Ông ngờ vực nhìn khắp lượt:

- Quả vậy, - ông thú nhận - theo ý Chúa, tôi sinh vào ngày 28 tháng Bảy.

- Phải chăng năm sinh của ngài đặt dưới ảnh hưởng mặt trời?

- Tôi không phủ nhận. - Ông lái buôn áp úng nói, càng thêm ngạc nhiên - Tôi sinh năm 1814. Nhưng từ đâu và do ai mà ngài nắm được những điều đó?

- Ngài ngạc nhiên là đúng thôi. - Vị quan viên vừa nói vừa mỉm cười. - Ngay chúng tôi đây cũng sửng sốt nữa là ngài. Bởi không hề quen biết và chỉ nhìn bóng dáng ngài đi qua trong bóng tối mà bố già Leonte đã

(1) Những người chịu bảo hộ của cung Sư Tử sinh từ ngày 23 tháng 7 đến 22 tháng 8.

biết rõ ngài. Bồ già còn cho chúng tôi biết nhiều hơn thế kia: rằng ngài bước về phía chúng tôi nện mạnh gót giày, quả thật việc đó vừa xảy ra.

Thấy tất cả chúng tôi đều tròn xoe mắt, lông mày nhướng cao, bồ già Leonte liền đứng lên, tay cầm chiếc cốc.

- Thưa ngài quan viên và ngài Damian đáng kính,
- ông cụ nói giọng dứt khoát - khi tôi thú nhận với các ngài rằng chính Chúa và cuốn sách tôi mang trong cái túi này đã truyền cho tôi tất cả những điều tôi khẳng định, thì sự ngạc nhiên của các ngài có lẽ sẽ giảm. Quả thật, đối với Đấng Toàn Năng cũng như đối với cuốn sách thông thái này, chẳng có gì là bí ẩn. Tôi, một con người bình thường, có thể nhầm lẫn, nhưng cuốn sách của tôi thì không. Khi trong sách của tôi có nói đến tướng mạo một con người sinh dưới một chòm sao khác và dưới ảnh hưởng của một hành tinh này hay một hành tinh khác, qua tướng mạo mỗi người, tôi biết được người đó sinh ra dưới chòm sao nào, dưới ảnh hưởng hành tinh nào. Tôi có thể đoán thêm, nhưng phải tra cứu. Ví dụ: tôi có thể đoán ra nhân duyên, tiền tài, danh vọng, sức khỏe, hay tuổi thọ. Nhưng môn khoa học của tôi không bao quát hết được, thưa ngài Damian. Nếu giả dụ ngài bảo tôi hãy đoán xem rượu vang ở đây có ngon thật không, và

nhóm bạn bè ở đây có hợp với sở thích của ngài không thì tôi chịu, chẳng biết trả lời ra sao cả. Có phải ngài từ Lviv⁽¹⁾, từ Leipzig đến với hàng hóa Đức không?

- Quả thật hàng hóa của tôi là từ Leipzig. - Vị khách hiền lành thú nhận.

- Thế thì thật hoàn hảo. Cầu Chúa ban cho ngài sức khỏe và buôn bán phát đạt. Bây giờ xin mời ngài uống cạn với chúng tôi cốc rượu này.

Đẹp sang một bên nổi ngạc nhiên, ngài Damian Cristisor liền uống cạn rượu, tỏ vẻ vui mừng rất thân mật với chúng tôi. Cô Ancuța mang đến cho ông một con gà giò quay kèm một ổ bánh mì mới ra lò trên chiếc đĩa đất nung. Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã nhận ra người lái buôn này là một ông bạn tốt, một vị khách lịch sự.

Khi tất cả đều im ắng trong nhà xe và những người chờ hàng, quần mình trong tấm da cừu, đã nằm nghỉ giữa các bánh xe thì người lái buôn tuồng như đã chôn chặt mọi lo âu trong túi sâu của chiếc áo choàng. Ông rạng rỡ, vui vẻ và uống một cốc rượu nữa mừng sức khỏe viên đại úy Neculai. Ông hình như có cảm tình hơn với người kị sĩ vùng Bălăbănești.

- Nếu ngài thích, thưa ngài đại úy Neculai, - ông

(1) Một thành phố phía tây Ukraine.

bắt đầu nói - tôi sẽ kể ngài nghe việc kinh doanh của tôi ở nước ngoài như thế nào dưới sự che chở của Đảng Toàn Năng, và của phường hội đáng quý mà tôi được vinh hạnh là thành viên. Vài năm gần đây, việc làm ăn của tôi khá khá, tôi tích lũy được một ít vốn liếng. Tôi nghĩ rằng đã đến lúc nên mở rộng công việc làm ăn. Noi gương những nhà buôn trước đây, tôi quyết định đi một chuyến sang Leipzig. Từ trước đến giờ tôi chỉ biết đến các hội chợ, chợ phiên để mua lại hàng hóa của những lái buôn Đức và Do Thái. Nhưng một hôm tôi tự nhủ: số tiền lời họ có khi bán hàng cho tôi cũng có thể chạy vào túi tôi được. Thế là cách đây hai năm, tôi thử đi một chuyến đầu tiên sang Lviv. Chuyến ấy thuận lợi, tôi lại có ý đồ đi xa hơn, sang Leipzig. Vì lẽ ấy, vào ngày lễ Thánh Maria, tôi rời cửa hiệu, đi đến nhà thờ Ba Ngôi, đốt bốn cây nến bằng sáp nguyên chất trước bàn thờ Thánh Paraschiva. Tôi nhờ Cha Mardare tổ chức cầu kinh cho những người ra đi mong tránh mọi tai họa, bệnh tật. Tôi quỳ bên hòm đựng thánh tích cầu xin Thánh nữ che chở cho tôi. Sau khi ôm hôn chú em út Grigorița và giao cửa hiệu lại cho chú, tôi lên đường đi Husi. Quá Husi, tôi lại vượt Prutul và trình giấy tờ cho các nhà chức trách Nga. Ngay tại Bender, trên con sông Dnister tôi gặp một nhà buôn người Armenia gốc Moskva mà tôi

cũng có lần giao thiệp. Sau khi bàn tính và thỏa thuận với nhau, chúng tôi quyết mua tại Bender năm trăm con cừu, loại cừu nuôi ở đồng cỏ mận. Một món hàng thật hời! Chúng tôi trả mỗi con cừu một *rup*. Không để mất thời gian, cùng với bốn người giúp việc, chúng tôi đưa đàn cừu lên vùng thượng lưu sông Dnister. Chúng tôi vượt qua biên giới Áo không trở ngại gì và đến Chernivtsi. Từ đó chúng tôi đến Lviv, rồi lên tàu hỏa và chỉ vài ngày sau chúng tôi đã đến Stratburg. Tại đây chúng tôi bán cừu, mỗi con một *lu-i*. Những người lái buôn mua số cừu này để đưa đi bán tại Paris.

- Đi bộ hay đi tàu hỏa? - Đại úy Isac hỏi.

- Tàu hỏa, thưa ngài đại úy. Ở mấy cái nước Đức và Pháp ấy, ngày nay mọi người đều đi lại bằng tàu hỏa, hôm nay thì họ ở đây, ngày mai có trời biết họ sẽ ở đâu.

- Đi tàu hỏa là đi kiểu gì? - Có tiếng hỏi to, giọng cầu nhàu.

Tôi quay lại và thấy anh chăn cừu vùng Rarău đang liếc nhìn mình. Thật lòng thì chính tôi cũng như nhiều người khác đang rất muốn biết tàu hỏa mà người lái buôn kia nói là thứ máy móc gì. Chỉ có vị quan viên và viên đại úy Isac có vẻ biết. Tuy thế họ chắc cũng muốn nghe lời giải thích chúng tôi đang mong đợi.

- Các bạn không biết tàu hỏa là cái gì ư? - Damian vừa cười vừa hỏi.

- Có. - Vị quan viên trả lời nhưng không quá quyết lăm.

- Ấy, tôi thì không. - Anh chàng chần cừ ngoan cố cầu nhàu. - Ai mà biết cái thứ ghê tởm và mới mẻ nào đó của bọn Đức.

- Quả thật, đó là một điều ghê tởm và một thứ ma thuật. - Người lái buôn vừa trả lời vừa cười vui vẻ. - Đây là một loại nhà nhỏ đặt trên những bánh xe, mà những bánh xe của các ngôi nhà nhỏ ấy được đặt rất khớp trên các đường ray bằng sắt. Rồi thì trên những đường ray đó, các ngôi nhà nhỏ ấy được kéo đi dễ dàng nhờ một đầu máy cứ rú lên và thở phì phò như quỷ sứ. Nó tự chạy nhờ đốt lửa.

- Không có ngựa sao? - Bố già Leonte hỏi.

- Hoàn toàn không.

- Ngay bây giờ ông sẽ không thể làm cho tôi tin điều ấy được. - Anh chần cừ cầu nhàu. Còn bố già Leonte thì đang làm dấu thánh.

- Tại sao lại không tin? - Vị quan viên cất tiếng, giọng có vẻ hòa giải. - Tôi có nghe nói rồi, cần phải tin chứ. Nhưng nhìn thấy tận mắt thì tôi chưa.

- Đúng, nhưng tôi đã thấy rồi, như tôi vừa nói. -

Người lái buôn vui vẻ nhắc lại. - Cái đầu máy tự nó đi nhờ được đốt lửa và kéo theo sau tất cả những ngôi nhà nhỏ ấy. Và trong đó có người và hàng hóa. Đàn cừu chúng tôi mua ở Bender cũng được chở trong ấy. Nó lướt đi rất tiện, không khó khăn trở ngại gì, không gây chấn động. Nhưng ở đó ồn lắm, nên khi nói với nhau chúng ta phải thét thật to như nói chuyện với người điếc vậy.

- Hừ! - Người chăn cừu cần nhân. - Và ông đã ngồi trên ấy, trên những chiếc xe chạy bằng lửa đó?

- Vâng. Thế có gì là lạ nào? Tôi còn thấy nhiều điều kì khôi hơn nữa kia.

- Những điều gì còn kì khôi hơn?

- Xem nào, tại các thành phố nước Đức đều có những ngôi nhà bốn hoặc năm tầng gác.

- Ông muốn nói là những ngôi nhà xếp chồng lên nhau? Tôi cũng nghe nói đến rồi, nhưng không muốn tin.

- Tại sao lại không tin khi tại đây có những điều như thế? Nhưng với tôi, điều làm tôi ngạc nhiên hơn cả, lại là cái khác kia. Tôi thấy những đường phố được xây dựng chỉ bằng một khối đá thôi.

Trước những lời đó, chúng tôi nhìn nhau im lặng.

- Vâng đúng thế đấy. Những ông lớn và bà lớn

người Đức khi ra đường đều chưng diện. Các bà lớn đội mũ còn các ông lớn đeo đồng hồ. Mà không chỉ các ông lớn thôi đâu nhé, ngay cả đám thợ thủ công kém giàu có hơn cũng đeo thứ ấy.

- Về những chiếc đồng hồ thì tôi không lấy làm lạ. - Bồ già Leonte lên tiếng. - Nhưng nghe các bà đội mũ, nói thật tôi không thích.

- Ấy, biết làm thế nào được. - Vị quan viên chen vào. - Đó là tập quán của họ. Chúng ta chẳng thể làm gì. Ngài còn thấy gì khác nữa không, ngài Damian?

- Quả thật tôi chẳng thấy gì khác ngoài hội chợ lớn tại Leipzig. Một hội chợ lớn như cả một thế giới, với những diễn viên và đội nhạc, và tất cả những người Đức thuộc giới sáng tác đang uống bia. Các bạn của tôi ơi, nếu ai chưa nếm thức uống ấy thì cũng đừng lấy làm tiếc. Đúng là một dung dịch xà phòng đắng ngắt.

- Ngài bảo gì cơ? Họ không uống rượu vang sao? - Vị quan viên vui vẻ hỏi.

- Có thể họ có uống đấy, nhưng tôi chẳng tìm thấy loại rượu vang như của chúng ta, cho nên thêm ghê gớm.

- Thật ư? Còn về thức ăn, ngài ăn những gì? Tôi hi vọng không phải là thịt mèo, thịt nhái hay thịt chuột.

- Anh chớ cừu phun nhổ ầm ĩ và lấy tay quẹt miệng.

- Thật ra tôi chả phải lo, vì người ta chẳng bao giờ

mang cho tôi những thức ăn ghê tởm ấy. Có rất nhiều khoai tây, thịt lợn và thịt bò luộc.

- Thịt luộc à? - Viên đại úy Isac ngạc nhiên hỏi.

- Vâng, thịt luộc và thứ bia tôi đã kể với các bạn.

- Nói một cách khác, - viên đại úy nói tiếp - là không thấy bóng dáng món gà giò quay?

- Không nhiều lắm.

- Thế ngài cũng không nếm món cừu tơ rô-ti rưới nước tỏi sao?

-Ồ, không!

- Cả món thịt nướng nữa?

- Chẳng có thịt nướng, xúp rau chua, hay cá chép rán.

- Cầu Chúa phù hộ chúng ta! - Bố già Leonte làm dấu thánh.

- Không thể thế được. - Viên đại úy Isac tiếp tục.

- Nếu họ không có tất cả những thứ đó, tôi bắt cần họ. Họ cứ việc sống với tàu hỏa của họ, còn chúng ta sống với đất nước Moldavia tươi đẹp của mình.

Vô cùng vui vẻ trước những lời trao đổi ấy, tất cả chúng tôi đều nâng cốc về phía chiếc áo dài lót lông, chòm râu và khuôn mặt phúc hậu của vị thương gia Damian Cristisor, mạnh ai nấy la to đủ giọng điệu.

- Nói thế chứ người Đức cũng có mặt tốt của họ.

- Vị thương gia tiếp tục giải thích. - Trước tiên họ có sự nghiệp giáo dục rất được coi trọng.

- Cái đó không đến nỗi tồi. - Vị quan viên Ioniță xác nhận.

- Thưa ngài quan viên, ở mỗi thành phố, mỗi làng mạc đều có trường học và giáo viên. Mọi người đều được học đọc, học viết.

- Thế đàn cừu để ai chăn? - Người chăn cừu hỏi.

Tất cả chúng tôi bật cười.

- Mọi người đều đến lớp học, cả con trai lẫn con gái.

Vị quan viên nhú mày:

- Sao, cả con gái cũng đi học à? Đó lại là một tập quán họ cứ việc giữ riêng cho mình.

Theo lẽ thường tình, chúng tôi đều đồng ý với vị quan viên. Chúng tôi hét lên những tiếng kêu tương như ở bên Đức cũng nghe thấy.

Lời nhận xét của người lái buôn xem ra có phần sáng suốt hơn chúng tôi. Ông mỉm cười, chờ chúng tôi hết ồn, mới nói tiếp:

- Những người Đức ấy, thưa ngài đại úy đáng kính, cũng có những mặt tốt khác, ví như tính trật tự và lễ công bằng. Tại đây tôi có quen một ông chủ cối xay. Vì một mảnh đất, ông ta đã phát đơn kiện chính

hoàng đế. Lẽ phải thuộc về ông ta nên các quan tòa đã xử cho ông thắng kiện.

- Riêng tôi, người ta không thể bắt tôi nuốt thứ ấy, hay câu chuyện về chiếc xe lửa. - Anh chần cừ Constandin la to.

- Còn tôi thì lại tin và tán thưởng. - Vị quan viên cãi lại.

- Thưa ngài quan viên đáng kính, sau khi ở lại đây được ba tuần và đã thấy nhiều chuyện, tôi lấy làm tiếc khi biết rằng những con người đó theo dị giáo. Tuy thế, họ cũng tin như tất cả chúng ta vào Đức Chúa Jesus.

- Thế làm sao họ lại là tín đồ dị giáo?

- Ấy thế mà họ là tín đồ dị giáo mới tài! Tôi biết điều đó qua Cha Mardare ở nhà thờ Ba Ngôi.

-Ồ, thế thì rõ rồi, dù sao đó cũng là những người theo dị giáo và ta chẳng thể làm gì được. - Vị quan viên kết luận.

Dù hết sức bức mình về tật xấu này của người Đức nhưng chúng tôi để cho người thương nhân kể nốt câu chuyện về chuyến đi buôn ra nước ngoài của mình.

- Tôi đã đi khắp nước Đức qua các nẻo đường, các thị trấn, nhưng không bị một ai gây sự, dù là người dân thường hay công chức nhà nước. Và với cái xe chạy bằng lửa, như lời anh bạn ngây ngô này nói, tôi

đã chuyển hàng hóa của mình đến tận Lviv. Từ đó tôi chất hàng lên những chiếc xe có ghế dài theo kiểu Đức. Đến Succeava, tôi lại chuyển hàng sang những xe ba gác sẵn có ở biên giới. Đến Cornu-Luncii, tôi cảm thấy thật vui sướng vì đã được trở về xứ sở Moldavia.

Khi tôi đang trả tiền khuân vác thì có hai nhân viên hải quan hỏi xem tình cờ tôi có mang cho họ một vật kỉ niệm nho nhỏ nào chẳng. Thế là tôi thọc tay vào túi bên phải chiếc áo khoác, và tặng mỗi người một chiếc khăn len màu đỏ. Tôi đã có ý chuẩn bị sẵn cho trường hợp này để khỏi bị bắt mở tung các bó hàng. Họ vừa ý, để cho tôi đi qua và tôi đến Boroaia không trở ngại gì. Nhưng tại đây, giữa những hàng cây mọc trên bờ sông Moldova, bỗng xuất hiện một kị sĩ đẹp trai và khỏe mạnh. Anh chàng đưa tay ra hiệu bảo tôi dừng lại. Qua nét mặt, tôi hiểu rằng nếu mình không dừng lại thì hắn sẽ dùng đến súng lục. Trong khi tôi dừng lại và chờ đợi, hắn đến gần các xe chở hàng, hỏi tôi là ai, từ đâu đến, chở loại hàng gì. Tôi thú thật tất cả, như đang khai với một quan tòa vậy. Đến lượt tôi cũng hỏi hắn là ai. Hắn trả lời: “Hãy nhìn ta cho rõ, ta là tên cướp chuyên ngang dọc trên con đường lớn này. Hãy đưa toàn bộ tiền có trên người ngươi đây.”

“Này anh bạn dũng cảm, tôi chỉ có thể cho anh hàng hóa thôi, vì tôi chẳng có gì khác. Số ít tiền còn lại tôi phải trả cho đám người chở hàng, thế mà từ đây về đến nhà còn những hai ngày đường cơ.”

“Thật thế à? Thế hãy nói xem người chở những hàng hóa gì vậy?”

“Còn có thể là gì nữa? Hàng Leipzig của Đức. Tất cả các loại đăng ten, vòng xuyên, bông tai, vải hoa, các loại hàng dệt, nói gọn lại là các mặt hàng cho phái nữ.”

“Người muốn ta làm gì với những thứ vô giá trị ấy? Người không tìm thấy ở bọn Đức cùng khổ đó vật gì thích hợp cho một kẻ can trường như ta sao?”

“Có đấy anh bạn ạ, nếu quả thật đấy là ý thích của anh.” Tôi trả lời. “Quả thật tôi có nghĩ đến điều đó. Đây là chiếc khăn đỏ dệt bằng len Ấn Độ, trong cả nước không có đến hai chiếc như thế đâu, nó đặc biệt thích hợp với một kị sĩ.”

“Đưa xem nào.” Anh bạn kẻ cướp nói như ra lệnh.

Lúc bấy giờ tôi rút bên kia áo choàng chiếc khăn thứ ba và đưa cho hắn. Vừa nhìn thấy, anh chàng “can trường” kia tỏ vẻ thích lắm. Hắn cầm và đi mất, không quên cảm ơn tôi.

Sung sướng được thoát nạn, tôi về đến làng Drăgușeni ngay đầu nguồn sông Moldova.

Tôi dừng lại, ra lệnh cho những người chở hàng đốt một đồng lửa to gần các cỗ xe, và nhanh tay nấu đầy một nồi bánh bột ngô. Vừa đúng lúc chúng tôi chuẩn bị ăn, người làm đang bóc khuôn lấy bánh ngô ra thì viên thanh tra xuất hiện, nhân danh pháp luật hỏi tôi giấy thông hành.

Nói gì với các bạn đây? Tôi có giấy tờ vững vàng, nhất là một bức thư của ông bố đỡ đầu tôi, vị Aga Bucsan rất tôn kính. Thế là tôi đưa giấy tờ ra, đặt ngay trước mặt viên thanh tra bức thư ấy: “Thừa lệnh Đức quốc vương các người, kiểm soát viên, nhân viên hải quan, xã trưởng ở làng hay bất cứ các người là ai, không được làm phiền vị thương gia này. Hãy để cho ông ta yên ổn tiếp tục chuyến đi của mình, vì đây chính là ý muốn của quốc vương.”

Viên thanh tra hỏi:

- Thừa ngài thương gia, phải chăng ngài từ Đức đến?
- Vâng, tôi từ Leipzig. - Tôi trả lời.
- Ngài chở loại hàng gì đây?
- À, loại hàng gì ấy à? Tất cả các loại đăng ten, vòng xuyên, bông tai, hàng dệt, vải hoa, tóm lại là loại hàng phục vụ nữ giới.
- Không có gì khác ư? - Anh ta hỏi gợ. - Ngài

muốn một kẻ độc thân như tôi cần gì các thứ trang sức diêm dúa ấy?

- Đúng thế, chẳng đáng gì. - Tôi mỉm cười đáp lại.
- Nhưng nếu anh cho phép, nếu anh thích, anh bạn thanh tra đáng kính, tôi cũng nghĩ như anh thôi. Tôi có trong số đồ trang sức vô giá trị này một chiếc khăn đỏ đẹp để dệt bằng len Ấn Độ, không ở đâu khác có.

- Cho tôi xem nào. - Viên thanh tra vội nói.

Bây giờ tôi đưa ra chiếc khăn quàng thứ tư và tặng anh ta. Anh ta bước đi không một lời cảm ơn.

*

* *

- Thế đấy, hỡi những người anh em bằng hữu tốt bụng, - vị thương gia kết thúc vui vẻ. - Tôi đã trả cái cần phải trả như trả thuế quan, như mời uống rượu. Bây giờ thế là ổn rồi, từ đây cho đến lúc về tới Iași. Và về đây tôi phải đến lễ Thánh nữ Paraskeva và kính thăm Đức cha Mardare. Tôi cũng không được phép quên người bố đỡ đầu của tôi, ngài Aga Bucsan. Sau đó tôi có thể yên tâm ở nhà vừa để hưởng thành quả những nỗ lực lao động vất vả của mình, vừa chờ đợi thời

gian mà số mệnh muốn tôi cưới vợ, vì tôi phải thú thật với các bạn là tôi còn độc thân.

Lại một phen ồn ào và tất cả cốc vại của chúng tôi đều hướng về chòm râu của người thương gia lương thiện. Mỗi người đều muốn chạm cốc mừng sức khỏe ông. Giữa những tiếng ồn ào đó, Ancuța xuất hiện, ra vẻ e sợ nhưng nụ cười vẫn thường trực nơi khóe miệng. Cô mang đến bánh kẹp, phó mát đựng trong một chiếc liễn to. Thấy thế, tất cả đều nổi lên giậm chân reo mừng, thành ra một cơn huyên náo thật sự. Còn vị thương gia Damian vui nhộn lên chẳng khác gì chúng tôi vì chất rượu vang mới. Ông đứng dậy, thọc tay vào túi áo choàng, rút ra một chuỗi ngọc nhỏ xinh xắn gồm nhiều vòng hạt ngọc. Ông tiến lại phía cô chủ quán, đeo chuỗi ngọc cho cô và cài khuy phía sau gáy. Rồi lùi lại một bước, ông nhìn cô vui thích và nói:

- Thưa cô Ancuța, xin tất cả các vị khách có mặt tại đây làm chứng. Tự các bạn hãy thực thà thú nhận: Có bao giờ một chuỗi hạt trai duyên dáng hơn thế lại trưng diện cho một người phụ nữ đẹp hơn thế?

Rồi ông nắm vai cô và hôn lên hai má. Bây giờ Ancuța đặt liễn bánh, thụp người xuống, xoay vòng, trốn thoát khỏi cánh tay ông và chạy vào phía trong quán trọ.

NGƯỜI HÀNH KHẤT MÙ

Một ông lão và một bà lão từ phía những chiếc xe chở hàng của vị thương gia đi tới và xuất hiện trong vùng sáng của bếp lửa. Người đàn bà đi trước, người đàn ông theo sát sau, đầu hơi ngẩng, chăm chú nghe tiếng lao xao và tiếng nói cười râm ran của chúng tôi bên bếp lửa.

Nhìn ông lão ấy tôi đoán chắc hẳn ông bị mù. Người đàn bà có vẻ đang dắt ông. Còn ông thì đi theo sát bước chân bà lão, hướng thẳng về phía dậy lên mùi thịt quay và tiếng cười nói.

Bà lão quàng khăn vải trắng, mặc chiếc váy ngắn và cái áo nẹp. Ông lão mù cũng ăn vận theo lối dân miền núi: một cái mũ bé màu đen và bộ áo quần trắng, áo vét lót bông vắt vai cho thấy bên nách có chiếc kèn với phần ống thổi chúc xuống đất...

Khi cảm thấy đã gần bếp lửa, người mù dừng lại,

bà lão còn đi thêm vài bước. Ánh sáng hắt vào khuôn mặt vô cảm mang chòm râu trắng của ông cụ.

Phần đông các bạn tôi còn chưa để ý đến ông lão. Chỉ người thương gia từ Leipzig đến hiểu việc gì sẽ xảy ra. Ông bắt đầu cười rồi nói:

- Nay, mẹ già Salomia, mẹ còn chưa tổng khứ được lão già khó chịu kia ư? Tôi thấy rõ ông lão không muốn rời mẹ nửa bước.

- Đúng thế, thưa ông chủ. - Bà lão trả lời, giọng rít lên nhưng không ác ý. - Từ hồi tôi đi Rădăuți, ông lão cứ bám tôi như hình với bóng để tôi đưa ông ta đi Iași. Tại đây tôi sẽ thoát khỏi lão thôi.

Hướng về phía chúng tôi, bà lão nói tiếp:

- Theo lẽ thường, các ngài đây chắc sẽ đoán ông lão này là anh hoặc chồng tôi. Nhưng từ lâu rồi, tôi đã dứt bỏ những trò yêu đương nồng cuồng của tuổi trẻ và các tình cảm bà con. Tôi chỉ còn bận tâm đến những khốn khổ của bản thân thôi. Các ngài biết đấy, chính tôi cũng phải bám vào các xe chở hàng của ngài thương gia đây để đến được thành phố của các vị quý tộc. Tôi sẽ đến nhà thờ Thánh nữ Paraskeva để đặt lên hòm thánh tích một đồng bạc nhỏ, và kể với Người tất cả những nỗi nhọc nhằn của mình. Còn ông lão khốn khổ luôn theo sát chân tôi này bây giờ

lại dám lần mò đến nơi hội họp đáng kính của các ngài, bảo sẽ thổi một điệu gì bằng chiếc kèn của lão. Tôi đã la mắng để lão lấy áo lông trùm đầu và đi nằm nghỉ dưới mấy chiếc xe, nhưng uống công, lão chẳng chịu nghe cho.

Ông già mỉm cười nhìn ngọn lửa với đôi mắt vô thần.

- Tôi thích ở gần những con người vui vẻ. - Ông cụ khẽ khàng nói. - Tôi cũng thích rượu ngon và gà giò quay, nhưng yêu hơn cả là được nghe những chuyện xưa. Hãy để tôi được đền tội. Chúa đã phán tôi không được nhìn thấy ánh sáng trên cõi đời này, phải ngửa tay xin miếng bánh mì của bà con tín đồ lương thiện. Khi đã là ý Chúa, và Chúa đã lo cho tôi như lo cho những loài sâu bọ trên mặt đất này, vậy tốt hơn hết là tôi nên chấp thuận quy luật của Người hơn là rên rỉ kêu ca.

Vị quan viên Ioniță quay lại phía người mù. Sau khi nhìn ông, vị quan viên liền hỏi không khỏi ngạc nhiên:

- Một kẻ khốn khổ như lão lại thích ăn gà giò quay?
- Thưa người anh em, thích chứ ạ. - Người mù trả lời, giọng dễ mến.
- Và thích cả rượu vang?
- Nhất là loại mới cất, mùi cay xộc lên tận mũi tôi.
- Và còn biết kể chuyện nữa, phải không?

- Tôi biết kể như bất cứ người nào, tại sao tôi lại không biết nhỉ?

- Theo ta, lão chỉ khoác lác thôi. Hãy biết rằng khắp xứ Moldova này, không ai biết kể chuyện như ta và bạn ta - đại úy Neculai Isac đây.

- Về điều đó, tôi không dám nói trái lời ngài, thưa ngài quan viên.

- Lão nghĩ thế là tốt, vì ta sắp kể cho tất cả các bạn đây chuyện hay nhất và kì diệu nhất chưa ai từng kể.

- Hãy kể đi, thưa ngài, và tôi sẽ vừa nghe vừa uống rượu mới cất trong chiếc cốc ngài vừa rót đầy, vì cô chủ quán trọ của chúng ta sẽ mang đến cho ngài một chiếc cốc khác để ngài rót đầy rượu mát. Thế đấy, và nhất là không thiếu thức nhắm. Kèm theo rượu, tôi sẽ thích thú nghe câu chuyện ngài kể, sau đó theo ý thích của ngài, tôi sẽ chơi một điệu nhạc bằng chiếc kèn này và hát một bài.

- Lão mù khốn khổ, thế ra lão không chỉ biết uống, biết ăn mà còn biết hát nữa!

- Nhờ lòng khoan dung của Chúa, tôi cũng biết điều đó, thưa ngài, và còn biết nhiều cái khác nữa.

- Thật ư? Chiếc kèn của lão tiếng có tốt không?

- Tốt đấy ạ, thưa ngài, người ta cứ tưởng nó được làm bằng da người.

- Có thể lắm. Thế lão sẽ hát cho ta tại quán trọ Ancuța này, vào giờ khuya khoắt này, vì ý muốn của ta là thế. Đêm đã khuya, mấy con gà trống đang đập cánh gáy. Có con giọng gáy nghe khàn khàn. Chắc nó sẽ được nằm vào trong món súp rau chua sáng mai.

- Gà trống gáy để xua rắn rết và quỷ sứ lảng vảng quanh đây. - Lão mù nhận xét.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi dừng lại một lúc. Chúng tôi im lặng lắng nghe tiếng gà đập cánh gáy. Đầu tiên là tiếng gáy nghe rất gần, ở ngay trong bờ tường quán trọ, sau đó như vẳng dần nơi xa, đến tận bờ bên kia sông Moldova. Ancuța đặt một chiếc cốc khác vào tay vị quan viên.

- Đây người anh em Ionița, - viên đại úy Isac nói - Cô Ancuța tặng ông bạn một chiếc cốc mới, còn tặng tôi một nụ cười. Thế là tôi có quyền được thỏa mãn hơn ông bạn.

Cô chủ quán nở nụ cười vui thích.

- Nếu vậy, - vị quan viên nói - lẽ đương nhiên tôi phải chuyển cốc kia cho ông lão mù để ông ta thổi cho tôi nghe một bản nhạc.

- Thưa ngài, tôi xin sẵn lòng.

Chẳng hiểu tại sao bà lão dắt ông cụ mù bỗng tỏ vẻ bức mình khi ông cụ tiến về phía chúng tôi, hai tay giơ ra trước.

- Tại sao cứ phải có những kẻ tàn tật và đói khổ đến làm vẩn đục ngày lễ của những bà con lương thiện?

- Đừng giận, bà chị Salomia ạ, - ông cụ mù quay lại phía bà lão và nói - bởi vì giận dữ là do quý sứ đưa lại đó.

- Tôi chẳng phải chị em gì với ông. - Bà già chống chế, bĩu môi và nhìn chòng chọc vào mặt ông lão.

- Bà không phải là chị tôi, đúng vậy, vì tôi là kẻ đói rách tội nghiệp lang thang trên thế gian này. Thế giới thì đẹp nhưng tôi không nhìn thấy nữa. Thế giới trẻ trung nhưng tôi không còn cảm nhận được nữa. Bà bạn Salomia, hãy nhớ lại thời bà còn cổ đeo chuỗi ngọc, hãy tốt bụng như hồi ấy và đừng giận tôi nữa.

Bà lão lặng im. Ancuța bật cười.

- Cái gì? Lão cũng biết cả những chuỗi ngọc à? - Vị quan viên Ionița ngạc nhiên hỏi.

- Vâng, vì lẽ có một thời tôi cũng được biết ánh sáng lộng lẫy của nó. Ngọc, thưa ngài, là thứ quý giá trong con trai sống tận dưới đáy biển. Vào một đêm mùa thu như đêm nay, khi nước lạnh, một số con lên tận trên bờ và hé mở dưới ánh trăng. Con nào nhận được một giọt sương liền khép lại và trở về nơi đáy biển. Từ giọt sương ấy viên ngọc được nảy sinh.

- Theo tôi thấy có vẻ lão mù không thiếu đầu óc

hóm hình. - Vị thương gia Leipzig vừa nói vừa rung chòm râu trên cốc rượu.

Tất cả chúng tôi đều nhất loạt nhích lại gần bếp lửa. Ông lão mù xoay người một cái, thân hình đang còn lắc lư, ấy thế mà ông lão tợp ngay một ngụm rượu. Mặt ông quay về phía chúng tôi, và mỉm cười từ trong đêm tối triền miên của mình, ông lão đặt chiếc cốc xuống đất, ngồi chồm hổm bên cạnh, kéo về phía mình miệng chiếc kèn túi. Ông thổi mạnh vào túi da làm nó căng phồng lên, rồi dựng chiếc kèn lên dưới tay trái siết mạnh nó, làm bật lên một âm thanh sắc gọn tương như nó vừa bị bóp đau. Sau đó nó bắt đầu kêu vo vo rồi hát một làn điệu cổ.

- Đây là tiếng hát của con cừu con. - Ông lão mù quay lại giải thích và mỉm cười với chúng tôi. - Nếu các ngài thích một điệu khác thì xong điệu này tôi sẽ xin chơi hầu các ngài.

- Chơi đi. - Anh chẵn cừu liền nói, giọng chua chát, khó chịu. Còn ngài đại úy Isac thì nhìn anh qua đầu chúng tôi, mỉm cười thích thú.

Người chơi kèn làm phồng căng cái túi da rồi lả lướt vuốt những ngón tay trên các lỗ ống sáo. Từ đó vang lên điệu hát từ thời xa xưa. Ông lão gương cặp mắt về phía các vì sao và buông miệng kèn... Đây là câu chuyện ba người chẵn cừu cùng bày cừu xuống

núi. Hai người trong bọn đã có những ý đồ đen tối với người thứ ba trẻ hơn.

*Hãy lắng nghe, lắng nghe
Trên núi xa
Tiếng sừng gõ và tiếng lục lạc
Ba người chẵn cừu đi đầu
Thối tù và
Đàn cừu lao nhanh xuống...*

Từ chiếc kèn túi lại bật lên tiếng kêu cổ xưa. Nó làm sống dậy trong tôi nhịp đập con tim của những người không còn trên cõi đời. Đây là lần đầu tiên tôi nghe tiếng hát của những người chẵn cừu. Tôi lắng nghe bằng tất cả tâm hồn con cừu cái tơ đang than vãn. Bằng ngôn ngữ của con người, nó báo tin chủ mất và âm mưu của hai kẻ kia.

*Giết người
Khi ngày tàn
Khi bóng tối đến
Dang những cánh tay dài ngoẵng*

Lên núi, lên suối
Lúc những con cừu
Và cả đàn cừu
Đều đang yên ngủ...

Những đoạn khác của bài hát chỉ để lại trong tôi một kỉ niệm mơ hồ. Giữa các đoạn là tiếng rên rỉ của chiếc kèn.

Tôi vẫn còn nghe trong khi chiếc ống gió đã xẹp dưới đất như một con quái vật kiệt sức bên chân ông lão mù. Ông lão đang cắn ngập răng vào một đùi gà giò và nuốt lấy nuốt để. Đôi mắt trắng dã căng ra trong cái hốc đen ngòm dưới vòm chân mày. Ông cũng uống cạn cốc rượu rồi lấy lại vẻ bất động, quay mặt về phía chúng tôi.

Anh chẵn cừu ở Rarău thô lỗ và kiêu lời của chúng tôi, và cả vị tu sĩ hành hương đến nhà thờ Thánh Haralambos đều khóc sụt sùi không chút xấu hổ. Thế cho nên tôi có thể không xấu hổ mà gọi lại cảnh tượng ấy khi bản thân tôi cũng chảy nước mắt vì những ảo ảnh kia.

- Thưa ngài, nếu ngài muốn, tôi có thể hát cho ngài nghe những bài hay hơn. - Người hành khất nói.

- Nếu lão biết những bài hay hơn thì sao lại hát bài ấy? - Ngài quan viên Ioniță giận dữ kêu lên.

- Đây là lẽ tại sao, thưa những người anh em, thưa các ngài. - Ông lão trả lời. - Từ thời còn bé tôi đã bị mù. Tôi bỏ làng đi lang thang khắp thiên hạ. Một mùa đông nọ, tôi tìm được nơi trú ẩn ở một trại chăn cừu trên bờ sông Prutul. Tôi sống ở chỗ những người chăn cừu lớn tuổi, quanh những đồng lửa to không bao giờ tắt. Ở nơi hiu quạnh ấy, bên bếp lửa, các bác chăn cừu đã dạy tôi bài hát kia, nhưng họ bắt tôi phải thề không được quên và bao giờ cũng phải hát nó trước tiên mỗi khi thổi chiếc kèn này, nếu không sẽ bị nguyên rủa.

Sau khi rời những người chăn cừu ấy, hỏi các ngài tốt bụng, hỏi những người anh em thân thiết, mọi người nên biết rằng tôi qua sông Prutul nhờ được một bác già nghèo khổ dắt đi. Ông cụ không đến nỗi mù như tôi nhưng biết cách ăn xin nhờ ê a những bài hát, và biết rõ cách mưu sinh của kẻ mù lòa. Mỗi khi chúng tôi còn lại một mình với nhau, tôi nghe thấy ông cụ cười. Nhưng Đức Chúa trời sẽ tha lỗi cho ông về những mưu mẹo đó, vì ông không hề quên đi lễ nhà thờ và quỳ lạy rất cung kính trước các tượng thánh. Ông lại còn cầu nguyện và làm dấu thánh giá ở rìa làng, khi chuẩn bị đánh cắp một con gà mái hay

một con cừu con. Ông cầu nguyện với niềm tin chân thành nên Chúa đã giúp đỡ chúng tôi. Cùng với ông cụ đi chân đất ấy, tôi đã đi xuyên qua đất nước của người Nga. Chẳng ai ngăn cản chúng tôi, dù là người lớn hay người bé, vì ở nước họ, hành khất cũng được xem là những con người do Chúa sinh ra. Chúng tôi đi lang thang tùy thích qua các thị trấn, làng mạc và các phiên chợ lớn. Những con người tốt bụng hào phóng bố thí cho chúng tôi. Những thứ thừa ra chúng tôi có thể đem bán lại cho các tiệm rượu Do Thái hay cho các thợ thuyền nghèo. Nhưng Ierofei - đó là tên ông bạn già đi cùng tôi - không bao giờ quên mua một cây nến sáp nhỏ để thắp trước các tượng thánh. Các vị thánh thích được cúng dâng nhưng không biết giá trị của một cây nến và chẳng thể biết chúng tôi có còn đồng tiền nào không. Những đồng tiền chúng tôi cóp nhặt được, Ierofei buộc chặt vào thắt lưng. Nhờ chúng, chúng tôi đã sống qua cả một mùa đông.

Trong suốt thời gian này, chúng tôi sống đầy đủ và khá vui tươi trong cái phường hội hành khất mù của mình, trong đó có cả người mù thật và mù giả. Tại đây tôi đã học được cứ như học ở trường một loạt những bài học mà trước đây không biết: nào là nghệ thuật kêu van xé lòng người cũng như nhiều mảnh

khỏe tinh vi, tế nhị của nghề ăn xin. Nhưng rồi vào một đêm chè chén, Ierofei phải bỏ mạng trong một cuộc ẩu đả. Tôi liền rời khỏi Kiev và lại lang thang khắp chốn với những người bạn khác, cho đến một lúc đến bờ một con sông lớn, ở đây tôi nghe mọi người nói tiếng Tatar. Tôi sống khá đầy đủ một thời gian trong một bộ lạc dị giáo. Sau đó, vào một mùa xuân, tôi bỗng nảy ra ý muốn được hít mùi nhựa thông quê hương. Thế là quay lưng lại nhóm người dị giáo, tôi hướng thẳng về xứ Moldavia.

Suốt giai đoạn này, thưa các ngài, thưa những người anh em, chiếc kèn không bao giờ rời tôi và tôi cũng không bao giờ quên lời căn dặn của những người chặn cừu vùng Prutul. Đây là lí do tại sao tất cả các ngài ở đây đã nghe bài hát kia. Không phải tôi thích nó, mà tôi bắt buộc phải hát bài ấy, không hát không được, và bây giờ, nếu các ngài thích, tôi có thể hát một bài hát khác hay hơn và táo bạo hơn.

Trên đường về quê, tôi hỏi thăm một ngôi làng nằm bên sông Moldova, nhưng không tìm thấy nữa vì lẽ nó đã bị tàn phá. Các vua chúa và quý tộc chuyển làng đến một nơi khác. Bao nhiêu năm trôi qua, tất cả những người bà con ruột thịt của tôi đều đi đâu mất hoặc đã chết. Các trận lụt của sông Moldova đã phá

hủy hết mồ mả của họ. Hai cốt của họ giạt vào những bãi sỏi hay bên các gốc liễu. Bây giờ tôi lại tiếp tục tìm một quán trọ có từ thời xưa khi tôi còn bé, nó đã tồn tại ven quốc lộ. Nhiều người cho tôi biết nó cách không xa một ngôi làng mang tên Negoiești. Cái quán ấy ngày nay là quán trọ Ancuța. Những hành khách đi Iași hay Roman thường dừng lại đây nhiều ngày.

Thế là tôi theo mùi nhựa thông và đi ngang qua quán trọ Ancuța. Đã bao nhiêu năm trôi qua rồi nhỉ? Tôi không nhớ được. Nhưng đối với tôi đã đến lúc phải đến Iași, thành phố của ngai vàng để được quỳ xuống lạy trước thánh tích của Thánh nữ Paraskeva tại nhà thờ Ba Ngôi. Lần này nữa tôi lại nhận ra mình đã dừng chân tại quán trọ Ancuța. Tôi cảm ơn Thượng đế đã cho tôi tìm thấy ở đây những lời nói tốt lành và một sự đón tiếp nhân hậu.

Thưa các ngài, thưa những người anh em, khi tôi còn bé tí và mắt còn nhìn thấy ngôi làng mà nay đã biến mất và nghĩa địa bị sóng đánh giạt đi, tôi được nghe một người ông bên ngoài kể lại một chuyện có thật về phép lạ màu nhiệm của Thánh nữ Paraskeva. Nó xảy ra từ thời xa xưa, khi một cụ bà của chúng tôi còn trông coi cái quán này.

Thời ấy có vị quốc vương tên là Duca. Đó là một

tay chống đao đã trị vì xứ Moldavia. Bị giày vò bởi một cơn khát vàng bạc vô hạn độ, ông ta tìm mọi cách bòn rút lũ dân khốn khổ của mình. Từ đó mới có câu: “Cái gì đè nặng lên các mái nhà tranh? Ấy là thuế của quốc vương Duca.”

Lính tráng cưỡi ngựa đi khắp đất nước, gươm giáo lấp lăm trong tay. Chúng bắt súc vật, cướp bông ong, áo quần, tiền bạc. Ai chống lại, chúng cướp luôn cả tính mạng.

Cảnh cướp bóc của quốc vương diễn ra khắp đất nước. Không ai thoát khỏi tai họa ấy. Dân chúng chạy trốn sang bên kia biên giới. Người trốn đi nhiều đến độ tới mùa thu, chỉ còn một nhóm người nghèo khó đổ về Iasi kêu khóc trước bàn thờ Thánh nữ. Họ lên án tội ác của vị quốc vương đã tưới đầy nước mắt lên hòm thánh tích.

Nó rung lên sau những lời cầu nguyện. Vào ngày 14 tháng 10, giữa trưa, trước toàn thể dân chúng tập hợp, trời bỗng tối sầm, nước cuộn cuộn dâng lên thành một cơn bão tuyết và mưa đông. Ngày hôm sau, tuyết đóng thành từng đụn khiến dân chúng hoảng sợ.

Đêm hôm ấy có một cơn gió thả xuống trước cung điện nhà vua một con quý. Quý gõ móng vuốt vào cửa sổ, báo cho quốc vương phải rời bỏ mọi của cải thu

nhặt được trên trái đất này và chuẩn bị đi một chuyến thật xa không quay về nữa.

“Giờ đã điểm, thưa quốc vương cao quý. Ngài phải thanh toán nợ nần và chịu trách nhiệm về chữ kí của mình.”

Các bạn nên biết để làm nổ ra trên thế gian này một tai họa to lớn như thế thì quốc vương phải thỏa thuận với quỷ Satan, phải kí một khế ước có đóng dấu hằn hoi.

Nghe tiếng nói của quỷ, quốc vương Duca đang nằm trên chiếc giường nệm bạc liền kinh hãi, lạnh toát người. Ông ta chồm lên như bị ai quất mạnh, gào lên, ra lệnh cho bọn tôi tớ thắt các cỗ xe sang trọng. Thế là ông ta chạy trốn, cố mang theo các kho của cải. Ông ta đi đến một ngôi làng ở vùng đồng bằng. Tại đây ông gặp một cơn bão, và cả một toán cướp Ba Lan nữa. Chúng bắt được quốc vương và cướp sạch vàng bạc. Quỷ Satan có mặt lúc bấy giờ đã nhe răng cười trao vị quốc vương cho kẻ thù. Chúng tóm cổ và lôi quốc vương đi theo chúng.

Trên đường, quốc vương chỉ gặp toàn những đồng tuyết, ông ta bước đi thật khó nhọc, rồi những con ngựa cũng ngã quỵ. Bấy giờ rút trong túi ra ba đồng *lu-i* vàng còn giữ được trên người, ông ta đặt vào tay

một người dân quê khốn khổ để đổi lấy chiếc xe trượt tuyết do một con ngựa cái kéo. Chính trên chiếc xe trượt tuyết tồi tàn ấy, quốc vương Duca đã dừng tại đây, tại quán trọ Ancuța này. Trên người quốc vương không còn một chút gì từ tất cả những kho của cải trên trần gian này. Ông xin một cốc sữa. Bà lão chủ quán chẳng biết ông ta là ai. Bà than vãn:

“Con ơi, không còn sữa, chẳng còn bò, chả có gì cả, bởi quốc vương Duca đã nuốt chửng tất cả. Cầu sao đến lượt hăn, hăn cũng bị nuốt trôi xuống tận đáy sâu lòng đất và bị những loài sâu bọ địa ngục gặm nhấm.”

Quốc vương lặng im, cúi đầu bước lên xe và đi mất. Sau đó, người ta mới biết ông ta là ai. Bọn ác ôn lôi ông ta ra phía biên giới. Nhưng quốc vương không bao giờ đến được đất nước Ba Lan. Ông ta bị lạc con ngựa cái, đi vào những vùng rừng rú mênh mông hoang vắng rồi rơi xuống vực thẳm, thế là ông ta sang bờ bên kia, rơi vào thế giới của sự trừng phạt. Câu chuyện về phép màu nhiệm ấy được truyền từ lớp người già này đến lớp người già khác, cho tới tận ngày nay.

Hỡi những người anh em của tôi, hỡi các ngài có lòng nhân hậu, những chuyện đó đã thuộc về dĩ vãng. Vào giờ này để làm vui lòng các bạn, nếu các bạn thích ra lệnh, tôi có thể hát một bài hát khác...

*

* *

Đúng lúc đó đã xảy ra một việc mà chúng tôi, những chức sắc nhỏ, thương gia, người chở hàng và những người dân quê không hề chờ đợi.

Vị quan viên vừa kêu lên rằng mình thích nghe hát. Đúng lúc đó, cô Ancuṭa trẻ trung bước lại gần ông lão mù, và nắm tay ông. Cô nói:

- Xin ông biết cho rằng cháu đã nghe câu chuyện này từ chính miệng bà mẹ tội nghiệp của cháu. Hãy quay lại cho cháu nhìn xem, phải chăng ông là ông Constandin đã bỏ làng đi lưu lạc khắp nơi khắp chốn?

- Chính là tôi, - ông lão trả lời - tên tôi đúng như vậy.

Và ông mỉm cười trong bóng tối. Những ngón tay ông nhẹ nhàng chạm lên khuôn mặt Ancuṭa.

Cô nắm bàn tay đang sờ mặt mình, lật lại và đưa lên hôn. Sau đó cô đặt vào những ngón tay ấy bánh mì và thịt gà quay. Ông lão, với những chiếc răng cứng như sắt, bắt đầu cắn thịt ăn.

Tưởng như ông lão không còn nhớ mình đang ở

đâu và chẳng có gì để nói. Chúng tôi nhìn ông thán phục, nhưng người tỏ vẻ thán phục hơn cả là vị quan viên: Ông vừa lắc lư người dưới ánh lửa bập bùng, vừa nhìn chăm chăm không chỉ ông lão tội nghiệp đang đói, mà cả cái túi kèn bằng da trông tựa như con quái vật bẹp gí và chết lặng đang nằm trên đất bên cạnh ông lão.

CHUYỆN NGƯỜI ĐÀO GIẾNG ZAHARIA

ng lão mù chưa kể hết chuyện thì mẹ già Salomia đã không ngồi yên nổi nữa. Bà cụ bẻ ngón tay và cắn môi. Khổ thêm nữa là khi Ancuța hôn tay ông lão và một lần nữa đặt trước mặt ông cụ thịt cùng bánh mì thì bà lão không thể ngăn mình lẩm bẩm một vài lời gièm pha. Bà quay lại phía chúng tôi, nói:

- Xem kìa, thế là có những kẻ biết thu xếp sống sao cho thoải mái dù chẳng làm được tích sự gì. Họ bắt người ta cầm tay dắt đi, vì nếu để một mình, họ không đi nổi hai bước. Thế mà vừa đến một nơi nào đó, họ liền tuôn ra những điều dối trá khiến mọi người cứ há hốc mồm ra mà nghe.

- Những lời dối trá nào thế, hả mẹ Salomia? - Tôi liền hỏi. - Ông cụ vừa kể cho chúng tôi nghe về đời

mình và chuyện quốc vương Duca mà bản thân chúng tôi không phải là không biết.

- Câu chuyện đó tất nhiên là thật, bởi vì chính tôi đây cũng chẳng phải mới sinh ra ngày hôm qua. Tôi đã từng nghe và từng khổn khổ trăm chiều. Còn những chuyện của lão ta, anh không thấy sao, lão cứ lật qua lật lại khiến bà con ở đây phải căng thẳng lắng tai nghe. Thứ cặn bã như lão còn có thể dùng vào việc gì? Chẳng gì sất. Thế nên tôi tưởng mình bị ngạt thở vì giận khi nghe lão nói và nhất là khi nhìn lão cử động.

- Hồi mẹ Salomia, tôi van mẹ, chớ nổi giận. Hồi trẻ mẹ từng rất xinh đẹp và như lời ông lão Constandin nói, mẹ cũng từng đeo chuỗi ngọc. Và những người đàn ông phải chẳng đã từng sẵn đón mẹ, miệng làm duyên khi dâng tặng mẹ những lời chúc mừng? Cũng như thế, những người tụ họp lại đây với mục đích mà mẹ cũng đã biết đấy: họ thích nghe kể chuyện. Người nào biết cách kể hay, người ấy sẽ nhận được nhiều lời khen nhất, ông lão ấy bị mù và đói rách nhưng lại biết cách nói, cách hát. Đây là tài năng Chúa ban cho. Nếu một bông hoa làm mẹ thích vì màu sắc và hương thơm thì cũng chẳng vì thế mà mẹ ghét bỏ bông hoa thiếu hương sắc. Trời phú cho nó thế, biết làm thế nào được.

- Nó có thể dùng làm thuốc chữa bệnh. - Mẹ Salomia trả lời, giọng chua chát.

- Đúng như mẹ nói, nó có thể dùng vào việc đó, mẹ Salomia ạ. Mẹ nói rất có lí, nhưng chúng ta tụ họp tại đây, buổi tối nay, không phải để lo chuyện những người ốm và thảo dược. Cũng như ông lão mù của chúng ta, trước khi mẹ đến đây, những người khác cũng đã kể cho chúng tôi nghe nhiều chuyện sờn tóc gáy, cho đến chết tôi cũng không quên được. Bây giờ chúng tôi đang chờ, nhất là chờ vị quan viên Ioniță sẽ kể cho nghe, tôi đoán sẽ là chuyện có một không hai.

- Phải chăng anh định nói đến vị chức sắc người cao gầy kia?

- Đích thị ông ta đấy, mẹ Salomia ạ.

- Tôi nhớ cũng từng nhìn thấy vị ấy và được nghe kể chuyện xưa. Quả thật, theo tôi thì chẳng có nhiều người như vị ấy. Tôi cũng nhìn những người khác và nhận ra một số người tôi đã được gặp tại đây, nơi quán trọ này. Tôi tin họ biết kể chuyện hay. Nhưng ta không thể tin vào kẻ kém năng khiếu hơn trong tất cả những người ở đây. Tôi, người đã dốt lão đi và khiến mọi người ở đây biết lão, bị gạt ra rìa, còn lão thì được ngồi chỗ danh dự. Nhưng thôi, đừng nói đến tôi nữa.

- Mẹ Salomia vừa nói tiếp, vừa chăm chăm nhìn tôi. - Trong số bà con ở đây, tôi thấy có một người đã chứng

kiến trong đời nhiều chuyện lạ. Giờ người ấy có thể kể cho ta nghe đôi điều. Sau đó ta sẽ thấy những kẻ mù đáng giá đến đâu. Hay là bây giờ chúng ta nghe ngài quan viên Ioniță vậy. Dẫu sao như thế sẽ tốt hơn và thích hợp với chúng ta hơn.

- Mẹ Salomia này, mẹ nói về chuyện gì và về ai vậy?

- Hãy nhìn đi và anh khắc biết. Tôi muốn nói về con người đang ngồi giữa vị tu sĩ và anh chẵn cừu ấy.

- Nhưng đó là bố già Zaharia làm nghề đào giếng mà mẹ Salomia. Từ lúc đến đây, tôi không hề nghe thấy giọng bác ấy. Mẹ không thích người mù, nhưng theo tôi, mẹ lại có cảm tình với người câm.

- Hãy yên trí, bác ấy không câm đâu. Chỉ có điều là thích rượu quá nên bác ấy không có thì giờ để nói thôi. Hãy để bác ấy kể chuyện đã xảy ra với mình rồi anh sẽ cho tôi biết ý kiến.

- Đã xảy ra chuyện gì với bác ấy vậy, mẹ Salomia?

Tôi đang hỏi mẹ Salomia thì vị quan viên liền chen vào:

- Chuyện nào xảy ra và với ai?

- Thưa ngài quan viên Ioniță, chuyện xảy ra với người đàn ông kia, bác Zaharia đào giếng ấy.

Mẹ Salomia nói với tôi về một chuyện đã xảy ra với bác ấy, nhưng tôi không được biết là hồi nào.

- Ở đâu vậy? - Vị quan viên Ioniță hỏi.

- Chính bác ấy sẽ nói cho ngài nghe. - Mẹ Salomia bồng dịu dàng hẳn. - Hãy yêu cầu bác ấy kể câu chuyện đã xảy ra trong rừng, phía bên kia sông ấy.

Tức thì bà cụ kêu to, giọng cao vút:

- Ê này! Người anh em Zaharia!

Bác thợ đào giếng quay mặt về phía chúng tôi, đầu tóc bù xù, râu ria xồm xoàm.

- Hu-u! - Bác ấy hét tưởng như từ đáy giếng vọng lên vậy.

Bà lão liền nói:

- Đây người anh em Zaharia, bà con ở đây muốn nghe chuyện xảy ra với bác hồi trẻ, ở khu rừng phía bên kia sông.

Bác Zaharia đáp ngay:

- A há! Tại Pastraveni.

- Đúng đó bác Zaharia ạ, chỗ khoảng rừng trống bác biết đấy. - Mẹ Salomia xác nhận, giọng khích lệ.

- Cánh rừng trống ngày xưa thì có đấy nhưng giờ bị người ta dọn quang đi rồi. Người ta gọi nó là rừng Vladica Sas.

- Các ngài nghe thấy không? - Mẹ Salomia vừa nói vừa cười, rồi phác một cử chỉ từ chối cốc rượu vị quan

viên mời. - Rất cảm ơn ngài quan viên đáng kính, tôi đang bị một vết loét nên không uống rượu được. Tôi chỉ uống nước thôi. Nhưng tôi vui lòng nhấm những chiếc bánh kia, cái nào mềm nhất ấy, vì lẽ, thưa vị quan viên đáng kính, đã từ lâu rồi tôi bị rụng cả, đầu còn cắn được như thời trẻ. Bánh ngon tuyệt không chê vào đâu được. Hết như những chiếc do chính tay tôi làm. Giờ thì tôi dám nhấp thử một tí rượu ấy, chỉ nhấp đầu lưỡi thôi, nhất là vì đây không phải thứ rượu lâu năm. Nào hãy kể đi, người anh em Zaharia, câu chuyện xảy ra trong rừng thưa ấy.

- Câu chuyện nào? - Bác thợ đào giếng thông thả hỏi.

- Bác biết đấy, chuyện ngài quý tộc vùng Pastraveni gọi bác đến nhà và lệnh cho bác phải làm sao để nước phun ra ngay trong rừng ấy.

- Có thể thật, - Zaharia đồng tình - vị quý tộc gọi tôi đến và ra lệnh: “Người phải tìm ra mạch nước và đào cho ta một cái giếng trong khoảng rừng Vladica Sas. Đến mùa thu, đoàn đi săn của quốc vương sẽ dừng chân tại đó. Phải có nước cho ta.”

Bác thợ đào giếng Zaharia ngừng nói.

- Thế nào? - Vị quan viên hỏi, giọng khích lệ.

- Chỉ có thể thôi.

- Sao lại chỉ có thể thôi? - Mẹ Salomia vừa hỏi vừa lắc đầu. - Ông bạn, hãy nhớ lại và kể hết tất cả đi. Cả đoàn người đã đến đây như thế nào, bác đã giẫm chân lên đất tại chỗ đó rồi chỗ khác, và nhận thấy những dấu hiệu chỉ mình bác biết thôi ra sao. Rồi bác rút ở thắt lưng ra đôi đĩa màu nhiệm không bao giờ nhầm lẫn, đặt nó lên mặt đất và đã nhìn...

- Quả thật tôi đã nhìn đôi đĩa, - bác Zaharia nói - nhưng vị quý tộc, ngài Dimachi Mârza, có nhìn cũng vô ích, ông ta chẳng hiểu gì sất. Với chính đôi đĩa ấy tôi đã tìm ra nước trong khoảng rừng Vladica Sas.

Bác Zaharia rút từ bên trái chiếc thắt lưng da rộng bản hai cái que gỗ tròn bóng loáng được buộc vào nhau. Bác cố gỡ những sợi dây mảnh quấn quanh. Và dưới ánh lửa, người ta bỗng thấy chúng sáng chói lên nhờ một quả cầu bạc.

- Những chiếc đĩa này, - bác giải thích - được làm bằng gỗ cây du. A ha! Ai biết được người nào đã chuốt ra chúng và lúc nào chứ? Tôi được thừa hưởng từ ông bà tôi - cũng là những người chuyên đào giếng. Họ từng dùng chúng để phát hiện nguồn nước và giếng nước, cũng như bản thân tôi đã làm công việc ấy trong rừng thưa trước mắt ngài Dimachi Mârza. Thế đấy.

- Và sau đó thế nào? - Vị quan viên hỏi.

- Nào, hãy kể đi ông lão. - Mẹ Salomia lên tiếng, giọng khích lệ, vừa nhăn mũi, vừa nhú mào. - Hãy kể bác đã làm gì. Đốp, bác nện gót giày đế cao xuống đất và bảo: “Đây, thưa ngài, chỗ này có nước. Chính tại đây, ngay tại đây, thưa ngài Dimachi. Cho tôi một vài nông nô, thuổng và cuốc. Cần hai mươi xe để chở đá đem chất lên chỗ này, cạnh tôi đây. Hãy cho tôi đủ số người cần thiết và nói một tiếng với ông chủ tiệm rượu - để tôi có thể uống không trả tiền. Sau đó ít lâu, tôi sẽ mời tất cả đến đây, đem theo chiếc cốc thủy tinh và tôi sẽ cho các bạn ném nước của mảnh đất này.

- Đúng là việc đã xảy ra như thế. - Zaharia xác nhận.

- Sau đó vị quý tộc nói: “Đồng ý, hãy đào giếng cho ta.” Rồi ngài về nhà với bác thợ đào giếng, gọi người thư lại mang bút lông đến. Tiếp đến, vị quý tộc lại bảo đem tới đây một chiếc bàn con và giấy. Ngài viết những yêu cầu của Zaharia, rồi ra lệnh cho mọi người. Ngài chỉ định các nông nô phải đào đất, những người đánh xe phải đưa đá đến, những thợ nề phải giúp việc xây giếng. Mọi người đều cúi đầu tuân lệnh, bước lùi rồi quay ra thi hành nhiệm vụ.

- Quả đúng như thế. - Zaharia xác nhận thêm. - Vị quý tộc ấy nhìn xoáy vào mặt họ và huýt lên một tiếng theo thói quen. Tất cả sợ hãi vụt chạy hết.

- Họ tất tả chạy. - Mẹ Salomia nói tiếp. - Và mọi

thứ được chuyển đến nơi đúng lúc. Bọn Digan bắt đầu đào giếng bằng thuổng và dùng cuốc móc đất, những người chở xe chuyển đá chất lên cỏ trong khi người anh em Zaharia ung dung nằm nghiêng nghiêng dưới mái lều lợp lá, vừa quan sát vừa khoảng rượu trong cốc.

- Thứ rượu bã nho vùng Cotnari. - Người thợ đào giếng nói rõ thêm.

- Đúng thế, bác ấy nằm trong lều, duỗi dài trên chiếc giường trải từ đám lá cây cho tới khi các nông nô đào đến lớp đất đen, đất sét, rồi tới cát và sỏi. Cuối cùng lớp đất bùn cũng lộ ra. Bảy giờ người anh em Zaharia mới đứng lên, đến bên hố giếng. Bác ấy bảo: “Nào, những anh em Digan, nếu các bạn khát, hãy kiên nhẫn một chút xíu nữa thôi, vì chẳng mấy chốc nước sẽ hiện ra.”

Sự việc xảy ra đúng như lời tiên đoán của bác già và đôi đứa. Cuối cùng, bà con ạ, họ đào đến nước. Rồi họ lại đào nữa. Họ cho bùn vào thùng, chuyển lên bằng ròng rọc. Cứ ra sức đào, những nông nô đưa bàn tay lau trán đầy mồ hôi. Họ hỏi: “Chúng tôi còn phải đào lâu không, hả bác Zaharia?”

“Hãy đào đến khi nào tôi nói dừng lại.”

Rồi cũng đến một hôm bác ấy đứng lên và bảo:

“Dừng! Bây giờ phải đặt khung giếng, san đất, đặt những thanh chống vững vàng, sau đó bắt đầu xây.” Nói là làm, bác thợ đào giếng tự mình xuống đó với mấy người thợ nề xây thành giếng. Khi lá cây trong rừng bắt đầu rụng, vị quý tộc đến với một chiếc cốc thủy tinh đúng như lời Zaharia nói và ném thử nước.

- Quả thật đúng như thế, - Zaharia xác nhận - ngài Dimachi lại “Suýt! Nước này ngon tuyệt bác Zaharia ạ!” Quả là nước ngon thật. Chỉ có điều riêng tôi, tôi thích rượu hơn, và rượu hợp với tôi hơn.

- Rồi sau thế nào? - Vị quan viên hỏi.

- Làm gì còn sau đó? Tôi đã đào xong giếng. Xin chào.

- Nào, hãy bình tĩnh đã người anh em Zaharia, bác biết rõ là chưa hết cơ mà. - Mẹ Salomia vừa cười vừa nói tiếp. - Có phải tôi kể với bà con đây những điều bác đã thấy và đã biết, bản thân tôi không hề ca ngợi bác? Sau khi xây xong giếng, một kị sĩ trong đoàn hoàng gia đi tiền trạm đến báo trước cuộc đi săn của quốc vương.

Khi người sứ giả về rồi, ngài Dimachi lại gọi tất cả gia nhân đến, ra lệnh dọn dẹp khu rừng, dựng những lán trại làm nơi nghỉ chân cho quốc vương. Khi quốc vương đặt chân xuống đất thì Zaharia sẽ trình diện với một bình nước trong mát, rồi rót vào cốc thủy

trình dành riêng cho quốc vương. Trong khi đó, một người Digan đứng gần đây sẽ bưng đến một khay có đặt đĩa mứt và chiếc đĩa bạc.

Mọi thứ được chuẩn bị xong xuôi thì quốc vương ngự giá đến Pastraveni với cả một đoàn tùy tùng đông đúc.

- Đây là quốc vương Calimah. - Ông thợ đào giếng nói rõ thêm. - Bộ râu của Người dài xuống đến tận đây... và lúc nào Người cũng đưa tay lên chải râu.

- Quốc vương đến, hết sức huy hoàng và long lẫy. Ngài quý tộc Dimachi Mârza cùng phu nhân và người con gái xinh đẹp, mảnh mai ra nghênh đón. Vị quý tộc cúi chào quốc vương, hôn tay Người, nhưng cô con gái cứ khóc và thở dài thườn thượt.

"Sao vậy?" Quốc vương Calimah hỏi. "Tại sao cô bé này cứ thở dài thế?"

"Thưa quốc vương, cháu rất nhút nhát." Vị quý tộc trả lời, vừa trợn mắt nhăn mày với cô gái. "Con bé còn nhỏ dại..."

- Tiểu thư tên là Aglaita. - Bác Zaharia nói thêm.

- Cô Aglaita ấy chẳng ốm đau gì đâu. Chỉ có điều cô đang say mê, bằng tất cả tấm lòng của tuổi trẻ, anh con trai một nhân viên không chính ngạch ở Războieni. Anh chàng chỉ là một tay nhân viên quèn. Anh ta bị vị quý tộc đối xử rất thô bạo, mắng rằng:

“Hừ, tên khốn nạn, hãy chui xuống đất cho rảnh. Sao mày dám nhìn con gái ta?” Cô gái lúc ấy đang tuyệt vọng trong tình yêu, cứ khóc thầm. Ngài quý tộc nắm vai cô, bóp mạnh tay cô như kẹp trong gọng kìm, và thô bạo đẩy cô vào một căn nhà nhỏ phía sau để cô đừng làm phiền buổi lễ và để quốc vương không nhận thấy cái điều sỉ nhục ấy.

Sau đó ngài quay lại phía chòm râu đáng kính của quốc vương, khuôn mặt vô cùng rạng rỡ. Ngay lập tức ngài cho gọi những người gác rừng đến, lệnh cho họ kể với quốc vương về lũ hoẵng và lợn lòi sống trong rừng sâu, tại các hang hốc chỉ họ mới biết.

Tiệc xong, quốc vương và đoàn tùy tùng đi nghỉ để sáng mai dậy sớm. Quả thật, quốc vương là người đầu tiên lên ngựa, ngài Dimachi đi bên cạnh ra lệnh cho những người gác khu săn bắn và những người đuổi con mồi. Tất cả lên đường vào rừng. Tại đây, sau khi giăng cả một hệ thống vây dòn, người ta bắt đầu lùng sục các thung rãnh, vừa kêu la vừa thổi tù và.

Trong khi đó, Zaharia vội vàng đến chỗ giếng xây.

- Đúng thế thật. - Bác thợ đào giếng xác nhận.

- Nhưng trước khi tới đó, bác thấy con gái ngài Dimachi từ một ngõ hẻm đi ra. Cô gái khóc, hai tay ôm đầu, đi lang thang như một người điên giữa đám cây cối trong rừng.

“Tôi xin hôn tay cô, hỡi cô Aglaita. Nhưng tại sao cô cứ thở dài và khóc lóc mãi như trong đám tang vậy?”

“Chao ôi, bác Zaharia,” Cô bé ngừng khóc, kêu lên. “Làm sao không khóc được hỡi bác Zaharia? Tôi phải chết thôi. Tôi đã quỳ lạy trước tượng Đức mẹ Đồng trinh, van xin Người tạo nên một phép màu nào đó có thể làm mềm những trái tim sắt đá. Tôi không thể quỳ gối trước quốc vương để thổ lộ với Người, tôi cảm thấy bị đến cả mẹ đẻ bỏ rơi. Tôi nghĩ là từ nay chẳng có gì còn lại cho tôi, ngoài việc tự hủy đời mình. Bác Zaharia, bác có thấy là tôi không thể sống thiếu Ilies Ursachi không? Vì thế tôi sẽ nhảy xuống giếng đây. Khi nào quốc vương đến để giải khát, bác không được đưa nước và hãy thưa với Người rằng: Thưa vị chúa tể lỗi lạc, cô con gái vị quý tộc đã nhảy xuống giếng.

“Chẳng lẽ cô định làm việc ấy thật sao, cô Aglaita?”

“Thật, bác Zaharia ạ. Nhưng trước tiên, tôi phải nhờ bà vú tôi bảo Ilies đến, để chúng tôi cùng nhau sống những giây phút cuối cùng như hai người yêu nhau vô tư vậy, sau đó tôi sẽ gieo mình xuống giếng.”

“Nhưng anh ta sẽ không để cho cô làm thế đâu. Đây là chàng trai từng vượt mọi thử thách. Anh ta chẳng thà bắt cóc cô và cùng trốn đi với cô còn hơn.”

“Nếu thế, tôi sẽ không nhảy xuống giếng nữa, bác Zaharia ạ.” Cô gái trẻ vừa cười vừa nói.

“Nếu như thế, đừng nhảy xuống giếng. Cô hãy tin tôi, sau khi gặp người yêu hãy đến tìm tôi tại chỗ giếng, tôi sẽ để hai người ở căn nhà lán tiếp quốc vương. Vào giờ nghỉ trưa, đoàn đi săn hẹn gặp nhau tại rừng Vladica Sas. Tôi sẽ dâng cho quốc vương bình nước mát và chiếc cốc thủy tinh. Người hầu Digan sẽ dâng mứt và đĩa trên một chiếc khay. Vị quốc vương sẽ ‘a’ lên một tiếng và nói: ‘Nước này ngon tuyệt! Hoan hô!’ Tôi sẽ rút lui còn quốc vương sẽ vào căn nhà lán. Bảy giờ Người sẽ nhìn thấy cô và người yêu cô đang cúi đầu quỳ đó, nước mắt đầm đìa van xin tha lỗi. Thế rồi quốc vương sẽ nắm tay cô bảo đứng lên và gọi vị quý tộc đến nhận con rể mình. Cô ạ, theo ý tôi, đây là cách sắp xếp tốt nhất. Sự việc sẽ không thể nào khác được, nhất là các bạn trẻ yêu nhau, họ sinh ra là để được tha thứ.”

Đến đoạn kể này, Zaharia bắt đầu cười trong chòm râu xồm của mình. Bác có vẻ sững sốt hơn ai hết trước một biến cố như vậy, vì thế bác không cười nữa, mà vươn cổ, ngẩng đầu, mở to mắt để nghe cho rõ hơn đoạn sau mà chính bác đã biết. Thường mọi câu chuyện sẽ trở nên khác hẳn qua lời nói của người bên cạnh.

- Hừm, - bác lâu bầu nói - theo tôi, quả thật họ không thể làm gì hơn.

- Họ không thể làm gì hơn. - Mẹ Salomia nói tiếp và tự cho phép mình kẹp một miếng bánh phó mát giữa hai ngón tay. - Đúng thế, trong thời gian đứng dưới bóng cây rừng, hai người luôn dỏng tai nghe tiếng hò hét lẫn tù và của đoàn săn thú. Sau đó họ đi về giếng nước. Trong khi đó, qua các quý tộc thân cận, quốc vương được biết tại sao cô gái đã khóc khi hôn tay Người, bởi lẽ những chuyện như thế thường được lan truyền rất nhanh. Sau khi nhắm mắt và uống một cốc nước, quốc vương “a” lên một tiếng và vuốt râu. Người mỉm cười, quay mặt về phía quần thần và dân chúng như tìm một ai đó.

“Này, Dimachi Mârza tận tụy của ta đâu rồi?”

“Thưa quốc vương, xin có kẻ hạ thần đây.”

“Ta muốn biết việc gì đã làm người phiền lòng và đang quấy rầy người. Ta rất muốn nhìn thấy, giữa chúng ta, trong bữa tiệc tại rừng thông này, cô con gái yêu của người, cháu tên là gì thế?”

“Aglaita, kính thưa quốc vương.”

“Ta thích được thấy cô bé Aglaita rót cho quốc vương của mình thứ rượu xưa vào chiếc cốc bạc.”

Ngài quý tộc Dimachi hoảng sợ, vì lẽ vợ ngài vừa cho biết con gái họ đã trốn nhà đi tìm cái chết.

“Thưa quốc vương, chẳng còn thì giờ nữa. Các món ăn đã sẵn sàng và đoàn tùy tùng đang chờ.”

“Ta muốn biết hiện nay con gái người đang ở đâu?”

Lúc bấy giờ người thợ đào giếng Zaharia dùng hết nghị lực mới rút từ trong thắt lưng da rộng bản ra đôi đĩa mà các bạn đã biết đấy, cầm giữa các ngón tay, giữ cho chúng đứng yên. Lúc bấy giờ cái quả cầu bạc lắc lư như một ngọn đèn con. Chẳng ai hiểu gì cả. Bản thân vị quý tộc không biết trả lời ra sao với quốc vương.

“Có phải đây là Zaharia, người thợ đào giếng?” Quốc vương hỏi, vừa mím môi vừa nhìn người thợ làm giếng từ vị trí tỏ rõ uy quyền cao sang của mình.

“Vâng, thưa quốc vương.”

“Ông ta muốn gì ở chúng ta vậy?”

“Thần không biết, thưa quốc vương.”

Nhà vua quay lại phía Zaharia, mặt sa sầm:

“Có gì đấy, hỡi con người trung hậu?”

Zaharia không dám trả lời, nhưng đi theo hướng chiếc đĩa chỉ và mở cửa ngôi nhà dành cho vị quốc vương. Thế là quốc vương nhìn thấy rõ đôi trai gái đang quỳ và cúi lạy.

Chẳng ai hiểu tại sao lại xảy ra sự việc như thế và quốc vương đặc biệt ngạc nhiên về sự sáng suốt của

đôi đũa. Sau đó chẳng bao lâu, quốc vương và hoàng hậu đã trở thành bố mẹ đỡ đầu trong lễ cưới của đôi trẻ tổ chức tại thành phố Iași. Vì lẽ một khi mọi người đã giải hòa thì tâm trạng vui vẻ đã biến đoàn đi săn thành đoàn dự lễ cưới. Trên đường đến thủ đô, đoàn tùy tùng hoàng gia đã tổ chức một buổi nhảy múa vui vẻ tại đây, chính quán trọ Ancuța này.

- Hừm! - Zaharia vừa gật đầu vừa mím môi. - Đúng là sự việc đã xảy ra như thế.

Bà lão kết thúc:

- Tôi chẳng đã nói với các bạn là bác thợ đào giếng biết nhiều hơn bao kẻ khác còn gì.

- Quả là chuyện của Zaharia hay tuyệt. - Vị quan viên Ionița vùng Drăgănești xác nhận. - Rất có thể những người khác biết nhiều chuyện khác hay hơn, lạ hơn, nhưng lần này chuyện của bác ấy hay hơn hẳn, chẳng phải nói thêm gì nữa.

Bác thợ mím cười, người cứ chờ đợi. Bác nhìn chúng tôi như nhìn qua một lớp vải mỏng, người đứng đưa nhẹ nhàng. Đêm đã khuya, lửa bếp đang lụi tàn, phần lớn các khách trọ đã đặt cốc xuống đất. Do mệt quá và vì buồn ngủ, cái nhìn của họ hóa chập chờn như nhuộm màu hoàng hôn.

Từ góc cuối quán trọ bỗng rít lên tiếng hí của con

ngựa còm. Nó đã cất lên một tiếng kêu sợ hãi cao vút khiến tôi nháy nhồm lên vì hoảng hốt.

Mẹ Salomia nhăn mặt và ngập ngừng thì thầm:

- Các bạn nên biết rằng đây là giờ khắc của ma quỷ. Tôi biết những ám hiệu của đêm tối, đặc biệt là những ám hiệu của ma quỷ. Con ngựa đã đánh hơi thấy, vì thế mà nó nổi lên hí.

Cái quán trọ cũ kĩ cũng cảm thấy thế, vì lẽ như có một luồng hơi lạnh chạy ngang qua. Đâu đó trong sâu thẳm của bức tường dày nghe có tiếng cánh cửa đóng sầm lại. Sự im lặng bao quanh bếp lửa. Dù vẫn nhìn nhau nhưng bỗng nhiên chúng tôi không thấy mặt nhau nữa. Mẹ Salomia nhổ nước bọt ba lần vào đồng tro và làm dấu thánh. Chỉ khi đó chúng tôi mới sực tỉnh. Có lẽ ma quỷ đã biến mất vào chốn tĩnh mịch vô biên của sông nước và cây rừng, vì từ lúc đó chúng tôi không còn cảm thấy sự có mặt của chúng nữa. Tuy nhiên, vì mệt lả như sau một ngày lao động nặng nhọc, chúng tôi chỉ vừa đủ sức xê dịch để tìm một góc kín đáo, hay một chỗ nghỉ ngơi nào đó. Một số người trong chúng tôi quá buồn ngủ liền nằm ngay tại chỗ, chân co lại. Và chính vị quan viên Ioniță, sau khi ôm hôn đại úy Neculai, cũng quên băng còn mắc nợ chúng tôi một câu chuyện tuyệt vời hơn hết thảy.

MỤC LỤC

Lời nói đầu - 3

Lời tựa - 5

Con ngựa cái của quốc vương - 9

Haralambos - 23

Con rồng - 37

Nàng Ancuṭa thuở trước - 56

Những mặt hàng Leipzig - 78

Người hành khất mù - 99

Chuyện người đào giếng Zaharia - 117

QUẢN TRỊ ANCUTA

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

55 Quang Trung, Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội

ĐT: (024) 3 943 4730 - 3 942 8632 - Fax: (024) 3 822 9085

Website: www.nxbkimdong.com.vn - Email: kimdong@hn.vnn.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG

102 Ông Ích Khiêm, TP. Đà Nẵng. ĐT: (0236) 3 812 335 - Fax: (0236) 3 812 334

Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH

248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh

ĐT: (028) 39251001 - 39250987 - Fax: (028) 39251012

Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc PHẠM QUANG VINH

Chịu trách nhiệm nội dung: Phó Giám đốc VŨ THỊ QUỲNH LIÊN

Biên tập: NGUYỄN THÚY LOAN

Trình bày: NGUYỄN KIM ĐIỆP

Chế bản: NGUYỄN THANH HƯỜNG

Sửa bài: NGUYỄN HÀ LY - NGUYỄN HƯƠNG LAN

In và gia công 1.000 bản - Khổ 13 cm x 19 cm - Tại Công ty CP In và DVTM Phúc An

Địa chỉ: Lô B2 - 2 - 6 KCN Nam Thăng Long - Bắc Từ Liêm - Hà Nội

Số xác nhận đăng ký xuất bản: 2902-2017/CXBIPH/3-177/KĐ cấp ngày 01/09/2017

Quyết định xuất bản số: 2135/QĐKĐ kí ngày 11/10/2017

In xong và nộp lưu chiểu quý 4/2017.



Dịch giả PHƯƠNG THẢO

(1922 – 2012)

Quê quán: Đại Hòa, Đại Lộc,
Quảng Nam

Đã từng công tác tại Viện Văn học
và báo Văn nghệ

TÁC PHẨM DỊCH:

- *Hồi kí A Đriêng*
- *Con chim mồi bằng gỗ*
- *Chú bé và con lạc đà*
- *Bí ẩn Hy Lạp*
- *Sự hủy diệt tình vi và xảo quyệt*
- *Bác Ruben*

...

QUÁN TRỢ ANCUȚA

Những cuộc đời, số phận, cảnh ngộ có thật được các lữ khách kể lại trong quán trọ AncuȚa giúp người đọc muông tượng ra những khoảng khắc lịch sử của đất nước Rumani. Dữ dội, khốc liệt, nghĩa trọng, trung thành... tính cách các nhân vật riêng biệt nhưng vẫn tạo nên một nét chung nhân văn.

Quán trọ AncuȚa "cho thấy nhà văn đã kết hợp tài tình và nhuần nhuyễn tính thiên nhiên, tính lịch sử và mang đậm dấu ấn đặc sắc của vùng Moldova quê hương ông."

DỊCH GIẢ PHƯƠNG THẢO



www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong

ISBN 978-604-2-09778-9



5172101440019

Giá: 30.000đ